



MAXIM

GORKI

TUYỂN TẬP  
TRUYỆN  
NGẮN

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# Mục Lục

1  
2  
3  
4  
5  
6

# BÀ LÃO IDECGHIN

Maxim Gorki  
www.dtv-ebook.com

## 1

### 1

Tôi được nghe kể những câu chuyện này ở gần Ackeman, trên bờ biển xứ Betxarabi.

Một buổi tối, làm xong công việc hái nho thường ngày, toán thợ Mônđavi, trong đó có tôi cùng làm, đi về phía bờ biển, còn tôi và bà lão Idecghin ở lại dưới bóng lá dày đặc của những gốc nho, ngả mình trên mặt đất, lẳng lặng nhìn bóng dáng những người đi về phía bờ biển đang tan dần trong sương đêm xanh thẫm.

Họ vừa đi vừa cười, hát. Đàn ông nước da màu đồng hun, ria đen và lông bông, tóc xoăn, dày rậm, xoa đến vai, mặc áo vét ngắn và quần rộng ; đàn bà, con gái thì vui vẻ, uyển chuyển, mắt xanh thẫm, da cũng sạm nắng. Tóc họ đen nhánh và mượt như tơ, buông xõa. Gió ấm và nhẹ lùa vào tóc họ, làm những đồng tiền bện trong tóc kêu leng keng. Gió ào tới từng đợt lớn đều đặn, những đôi khi, nó dường như nhảy qua một vật gì vô hình và thốc mạnh, làm cho tóc những người đàn bà bay tung lên, phấp phới quanh đầu họ như những cỗ bơm kỳ dị. Những lúc như thế, nom họ có vẻ quái dị hoang đường. Họ mỗi lúc một rời xa chúng tôi, còn đêm tối và trí tưởng tượng dường như làm cho họ càng đẹp hơn.

Có người nào chơi vĩ cầm ... một cô gái hát giọng trầm dịu dàng, có tiếng cười vui vẻ ...

Không khí nhiễm đầy mùi hơi biển gay gắt và khí bốc nồng đậm của đất thấm đẫm nước mưa từ lúc gần tối. Lúc này, trên trời vẫn còn những mảng mây xốp nhẹ bay lang thang, hình thù và màu sắc kỳ dị, chỗ thì đường nét

mềm mại như những luồng khói lam và xanh tro đang cuộn cuộn bốc lên, chỗ thì hần rõ như những tảng đá đen mờ đục hoặc nâu. Giữa các mảng mây, những mảnh trời xanh ngời lên thứ ánh sáng dịu dàng, lấm tấm những vì sao óng ánh như vụn vàng. Tất cả những cái đó : âm thanh và mùi vị, mây và người đều đẹp và buồn lạ lùng, như mở đầu cho một câu chuyện cổ tích huyền diệu, mọi vật đều như ngừng sinh trưởng, chìm dần vào cõi chết. Tiếng nói ồn ào càng ra xa càng lặng đi, biến thành một tiếng thở dài nào ruột.

-Sao anh không đi với họ ? - Bà lão Idecghin hất hàm hỏi.

Thời gian đã làm cho lưng bà lão cong gập xuống, cặp mắt xưa kia đen láy đã mờ đục và lúc nào cũng đăm lẹ. Giọng nói khô khan của bà lão nghe đến kỳ lạ, như tiếng xương va nhau lục cục.

-Tôi không thích. - Tôi trả lời bà lão.

-Ôi chao ... Bọn người Nga các anh vừa sinh ra đã già lão. Lúc nào cũng càu quạu như quý sứ ấy ... Con gái vùng tôi nó sợ anh đấy ... Vậy mà anh trẻ khỏe thế kia ...

Trăng đã lên. Vành trăng to tròn, đỏ như máu, dường như từ giữa lòng thảo nguyên ngời lên, chốn thảo nguyên xưa kia đã ngốn bao nhiêu thịt người và uống bao nhiêu máu người, và hần là vì vậy mới trở nên màu mỡ và phì nhiêu như thế này. Bóng lá giống như những hình thêu ren, trùm lên người chúng tôi như một tấm lưới. Bên trái, bóng mây nhuộm ánh trăng xanh lướt trên thảo nguyên, mây trở nên trong hơn và sáng hơn.

-Xem kìa, Larra đang đi đấy !

Tôi nhìn về phía bàn tay run run với những ngón tay cong cong đang trở : ở đấy có những bóng mây đang lướt qua, rất nhiều bóng và một trong những bóng ấy tối và đậm hơn những bóng khác, lướt nhanh hơn, và thấp

hơn - đó là bóng của một mảng mây trôi gần mặt đất hơn và nhanh hơn các mảng khác.

-Có ai đâu ! - Tôi nói.

-Anh mù hơn cả một bà lão như tôi. Xem kìa, hắt đen thẫm, đang chạy qua thảo nguyên đầy thoi !

Tôi lại nhìn và chẳng thấy gì, ngoài một bóng tối.

-Một bóng tối đấy chứ ! Tại sao cụ gọi nó là Larra ?

-Nó đấy ! Bây giờ nó như một bóng tối, mà nhất định phải thế thôi ! Nó đã sống hàng nghìn năm nay, mặt trời làm khô quắt than thối và máu xương nó, gió thổi tan tác hình hài nó. Chúa có thể hành hạ con người để trừng phạt tội kiêu ngạo của nó như thế đấy !

-Cụ kể cho tôi nghe câu chuyện ấy xảy ra như thế nào đi ! - Tôi nài bà lão kể, vì cảm thấy trước rằng đây là một trong những truyền thuyết tuyệt diệu của thảo nguyên. Và bà lão kể lại câu chuyện cổ tích ấy."

Từ bấy đến nay, đã bao nhiêu nghìn năm trôi qua rồi. Ở một miền xa, xa lắm, mãi bên kia biển, nơi mặt trời mọc, có một xứ có con sông lớn, ở đấy mỗi lá cây ngọn cỏ đều tỏa bóng rợp đủ cho con người tránh nắng, vì xứ ấy nắng dữ lắm !

Đất đai xứ ấy mới phì nhiêu làm sao !

Ở đấy có một bộ lạc hùng cường, họ chăn gia súc, dùng sức mạnh và lòng dũng cảm để săn thú dữ, và sau cuộc săn, họ ăn uống linh đình, ca hát và đùa bỡn với các cô gái.

Có lần, trong bữa tiệc, một cô trong đám thiếu nữ, một cô gái tóc đen, hiền dịu như đêm tối, bị một con đại bàng từ trên trời sà xuống quắp đi.

Những mũi tên bọn đàn ông bắn vào chim đều lả tả rơi xuống đất, nom thực thảm hại. Thế là họ đâm bổ đi tìm cô gái, nhưng không sao tìm thấy. Rồi họ quên cô đi, như vẫn lãng quên mọi việc trên đời".

Bà lão thở dài và im lặng. Giọng nói sin sít của bà khiến tôi tưởng như đó là lời than vãn của tất cả những thế kỷ bị quên lãng nay nhập vào lồng ngực bà và hiện lên thành bóng dáng của những hồi ức. Biển dịu dàng họa lại đoạn mở đầu của một trong những truyền thuyết cổ xưa, có lẽ đã được sáng tạo trên vùng biển này.

"Nhưng hai mươi năm sau, cô gái tự dẫn thân trở về, kiệt quệ, héo hắt, cùng đi với cô là một chàng trai đẹp và khỏe như chính cô hai mươi năm xưa. Khi người ta hỏi bấy lâu nay cô ở đâu, cô liền thuật lại rằng đại bàng đã đem cô lên núi và ăn ở với cô như vợ chồng. Đây là con trai cô, cha nó đã qua đời, khi đại bàng cảm thấy sức lực đã suy yếu, nó bay vút lên trời cao lần cuối cùng, rồi cụp cánh, thả mình rơi xuống những mỏm đá núi nhọn hoắt và chết tươi tan xác ...

Mọi người ngạc nhiên nhìn đứa con trai của đại bàng. Họ thấy nó cũng không có gì hơn họ, duy có đôi mắt nó lạnh lùng và kiêu hãnh như mắt chúa các loài chim. Họ nói chuyện với nó, còn nó thích thì nó trả lời, không thì nó lặng thinh. Khi các bậc già cả trong bộ lạc đến, nó nói chuyện với các cụ như với những người bằng vai. Như thế là làm nhục các cụ, và các cụ gọi nó là mũi tên cùng không có lông đuôi, bảo cho nó biết rằng hàng nghìn người như nó và hàng nghìn người tuổi tác gấp đôi nó còn phải kính trọng và tuân lời các cụ kia. Còn nó trân trân nhìn các cụ và trả lời rằng trên đời này, không đâu còn những người như nó nữa. Mọi người tôn kính các cụ thì mặc họ, chứ nó không muốn làm như họ. Ô, thế là các cụ nổi giận đùng đùng. Các cụ nổi giận và bảo nó :

-Nó không thể ở đây với chúng ta được ! Mặc cho nó xéo đi đâu thì xéo !

Nó bật cười và đi đến chỗ nó muốn tới : nó đến gần một cô gái xinh đẹp đang nhìn nó chăm chăm. Nó đến cạnh cô và ôm lấy cô. Nhưng cô là con gái một vị trưởng lão vừa kết tội nó. Và tuy nó đẹp trai, cô vẫn cự tuyệt nó, vì sợ cha. Cô cự tuyệt nó và lảng đi, còn nó đánh cô và khi cô ngã xuống, nó giậm chân lên ngực cô mạnh đến nỗi máu vọt ra qua miệng cô, cô gái thở hắt ra, quằn quại như con rắn và tắt thở.

Tất cả những người chứng kiến cảnh tượng ấy đều kinh sợ, bàng hoàng : lần đầu tiên có kẻ giết một người phụ nữ ngay trước mặt họ như vậy. Tất cả đều im lặng hồi lâu, nhìn cô gái nằm sóng sượt trên mặt đất, mắt mở trừng trừng, miệng ứa máu, và nhìn nó : nó đứng cạnh xác cô gái, một mình đối diện với tất cả mọi người, kiêu hãnh, không cúi đầu, dường như thách thức người ta trừng phạt nó. Rồi, khi đã định thần, người ta túm lấy nó, trói lại và mặc nó đấy, vì thấy rằng giết nó ngay lúc đó thì đơn giản quá và không hả dạ".

Đêm càng về khuya càng tối và tràn đầy những âm thanh êm dịu, lạ kỳ. Trên thảo nguyên, chuột rít lên những tiếng rầu rĩ, dế kêu rinh rích trong đám lá nhỏ, lá cây thở dài và thăm thì với nhau, vầng trăng tròn vành vạnh, trước đỏ như máu, bây giờ càng ra xa trái đất càng nhợt đi và tỏa xuống thảo nguyên làn sương mù xanh lam mỗi lúc một dày đặc ...

"Thế rồi họ họp nhau lại để tìm ra một hình phạt xứng đáng với tội ác .. Họ muốn cho ngựa xé xác nó, nhưng lại thấy hình phạt ấy vẫn còn nhẹ. Họ nghĩ tới việc mỗi người bắn vào nó một phát tên, nhưng rồi họ cũng bác bỏ cách ấy. Có người bàn nên thiêu sống nó, nhưng khói ở đồng lửa bốc lên sẽ không cho họ thấy sự thống khổ của nó. Người ta đưa ra nhiều cách trừng phạt nhưng không có cách nào vừa ý tất cả mọi người. Còn mẹ nó quỳ trước mặt mọi người, im lặng, không còn đủ nước mắt và lời lẽ để van xin tha thứ cho nó. Họ bàn mãi, rồi một hiền giả lên tiếng, sau khi suy nghĩ hồi lâu :

-Ta hãy hỏi nó xem lại tại sao nó làm thế ?

Người ta hỏi nó. Nó nói :

-Cởi trói cho ta ! Bị trói thì ta không nói đâu !

Nhưng khi đã được cởi trói, nó hỏi :

-Các người cần gì ? - Nó nói hách dịch như họ là nô lệ của nó ...

-Mày nghe thấy rồi đấy. - Bậc hiền giả nói.

-Ta cắt nghĩa hành động của ta cho các người nghe để làm gì ?

-Để chúng ta hiểu. Mày là thằng kiêu ngạo, nghe đây ! Đẳng nào mày cũng chết. Vậy thì hãy giúp chúng tao hiểu việc mày đang làm. Chúng tao còn sống, chúng tao cần hiểu biết nhiều hơn những điều chúng ta biết hiện nay, cái đó có ích cho chúng tao ...

-Được, ta sẽ nói, tuy rằng bản thân ta có lẽ cũng chưa hiểu đúng câu chuyện đã xảy ra ! Ta giết cô ta hình như vì cô ấy cự tuyệt ta .. Mà ta lại cần cô ấy.

-Nhưng cô ấy có phải của mày đâu ! - Họ bảo nó.

-Thế các người chỉ dùng những gì các người có thôi ư ? Ta thấy rằng mỗi người đàn ông chỉ có tiếng nói, đôi tay và đôi chân là của mình thôi, vậy mà họ chiếm hữu các giống vật, chiếm hữu đàn bà và đất đai, cùng vô khối cái khác nữa ...

Họ bảo với nó rằng tất cả những gì người đàn ông chiếm được thì đều phải đem bản thân mình ra trang trải : trang trải bằng trí tuệ và sức lực của mình, đôi khi cả tính mệnh nữa. Nó trả lời rằng nó muốn giữ gìn nguyên vẹn bản thân nó.

Họ nói với nó lâu lắm, và cuối cùng, họ thấy nó tự coi mình là người thứ nhất trên đời, và ngoài bản thân nó, nó không nhìn thấy gì nữa hết. Mọi



người đều kinh sợ khi họ hiểu rằng nó đã tự hãm mình vào cảnh cô độc như thế nào. Nó không có bộ lạc, không có mẹ, không có gia súc, không có vợ và cũng chẳng muốn những thứ đó.

Khi đã thấy rõ điều đó, họ lại bàn nhau nên trừng phạt nó như thế nào. Nhưng họ bàn không lâu, vị hiền giả ban nãy vẫn để mặc cho họ bàn luận liền lên tiếng :

-Này thôi ! Có hình phạt đây rồi. Một hình phạt ghê rợn, các người có nghĩ một nghìn năm cũng không tìm ra được một hình phạt như thế. Cách trừng phạt nó ở ngay trong bản thân nó ! Hãy thả nó ra, cứ để cho nó được tự do. Đây là hình phạt của nó !

Thế là liền xảy ra một việc vĩ đại. Một tiếng sấm gầm vang, mặt đất trên trời không có mây đen. Đây là các thần thánh trên thượng giới chuẩn nhận lời nói của bậc hiền giả. Mọi người rạp mình bái vọng và tản đi. Còn gã trai ấy - bây giờ có tên là Larra, nghĩa là kẻ bị ruồng bỏ, bị xua đuổi - cười âm thầm, nhìn theo những người đang bỏ gã mà đi, gã cười, ở lại một mình và sống tự do như bố gã. Nhưng bố gã không phải là người ... Còn gã là người. Thế là gã bắt đầu sống phóng túng như con chim. Gã đến các bộ lạc và cuống gia súc, bắt cóc các cô gái : cướp tất cả những gì gã muốn lấy. Họ bắn vào gã, nhưng tên không thể xuyên vào người gã, vì gã được che chở bởi một lớp vỏ bọc vô hình của hình phạt tối cao. Gã khéo léo, tham tàn, dũng mãnh, hung bạo và không bao giờ dằn mặt mọi người. Người ta chỉ thấy gã từ xa. Suốt bao lâu, Larra cứ đơn độc một mình, quanh quẩn gần mọi người, nó sống rất lâu như vậy, hàng mấy chục năm trời. Nhưng có lần, nó đến gần mọi người, và khi họ xông vào nó thì nó đứng yên không nhúc nhích, không hề tỏ ý định tự vệ. Thế là một người trong bọn họ đoán ra và hét lớn :

-Đừng động đến nó ! Nó muốn chết đấy !

Mọi người dừng lại, không muốn giảm nhẹ số phận của kẻ đã làm hại họ, không muốn giết nó. Họ dừng lại và cười nhạo nó. Còn nó run lên khi nghe tiếng cười của họ, hai tay túm lấy ngực, tìm kiếm cái gì trên ngực, bỗng nhiên nó nhặt một hòn đá và xông vào họ. Nhưng họ dạt cả ra tránh nó và không đánh nó một cái nào, rồi khi nó mệt lả, thét lên một tiếng ai oán và ngã vật xuống đất thì họ lùi ra xa đứng nhìn nó. Nhưng nó bỗng đứng lên, nhặt lấy con dao không rõ của ai đã đánh rơi trong lúc xô xát với nó, và tự đâm vào ngực. Nhưng con dao gãy gập như đâm phải đá. Nó lại ngã nhào xuống và cứ đập đầu xuống đất mãi. Nhưng đất tránh né nó, lún sâu xuống mỗi khi đầu nó đập xuống.

-Nó không thể nào chết được ! - Mọi người sung sướng nói.

Họ kéo nhau đi, bỏ mặc nó. Nó nằm ngửa mặt lên trời và thấy những con đạ bàng dưng mãnh lượn tít trên trời cao như những chấm đen nhỏ. Cặp mắt nó chứa chất biết bao buồn khổ, tưởng chừng có thể đủ để đầu độc cả nhân loại. Thế rồi từ đấy, nó vẫn cô độc một mình, tự do và chờ đợi cái chết đến với nó. Cho đến giờ nó chỉ còn là cái bóng và sẽ như vậy mãi mãi. Nó không hiểu cả tiếng nói lẫn hành động của mọi người, nó chẳng hiểu gì cả. Nó vẫn tìm kiếm, đi lại đây đó... Nó không có cuộc sống, cái chết cũng không rước nó đi. Nó không có chỗ dung thân giữa mọi người. Đấy, một con người bị trừng phạt về tội kiêu ngạo như thế đó !"

Bà lão thở dài, im lặng, đầu gục xuống ngực, lúc lắc mấy cái nom đến kì dị.

Tôi nhìn bà. Tôi thấy hình như bà lão buồn ngủ. Không hiểu sao tôi bỗng xót xa thương bà. Đoạn cuối câu chuyện, bà kể bằng một giọng rất thống thiết, đầy hăm dọa, vậy mà tôi vẫn cảm thấy một âm thanh sợ sệt, nô lệ.

Trên bờ biển có tiếng hát vang lên, tiếng hát kì dị. Thoạt đầu là một giọng nữ trầm cất lên hai ba âm thanh, rồi đến một giọng khác lại từ đầu

vẫn bài ấy, nhưng giọng thứ nhất luôn luôn đi trước giọng thứ hai ... giọng thứ ba, thứ tư, thứ năm bắt vào khúc hát vẫn theo trình tự ấy. Bỗng nhiên, những giọng nam hợp xướng nổi lên, vẫn bài đó, và hát lại từ đầu.

Một giọng nữ lạnh lạnh nghe tách bạch hẳn, ta có thể tưởng tượng đó là những dòng suối muôn màu từ trên cao đổ xuống các khối đá, reo rắt vọt tung lên hòa vào làn sóng giọng nam dày đặc đang nhịp nhàng cuộn lên, chìm ngập trong làn sóng đó, rồi lại bứt ra át hẳn mọi âm thanh ấy, giọng này tiếp giọng kia, lại vút lên cao, trong trẻo và mạnh mẽ.

Tiếng hát át hẳn tiếng sóng ...

2

-Anh có nghe thấy ở đâu người ta còn hát như thế không ? - Bà lão Idecghin vừa hỏi vừa ngẩng đầu lên và cái miệng móm mém mỉm cười.

-Không, tôi chưa bao giờ nghe thấy ...

-Và sẽ không bao giờ được nghe thấy nữa. Chúng tôi thích hát. Chỉ những người đẹp là những người ham sống. Chúng tôi ham sống. Anh tưởng những người đang hát ở kia không mệt mỏi sau một ngày vừa qua sao ? Chớ tưởng lầm như vậy ! Họ làm việc từ lúc mặt trời mọc cho tới hoàng hôn, bây giờ trăng đã lên mà họ vẫn ca hát. Những kẻ không biết sống thì đã đi ngủ rồi. Những người yêu đời vẫn ca hát, anh thấy đấy.

-Những sức khỏe .. - Tôi toan nói.

-Sức khỏe bao giờ cũng đủ dùng suốt đời. Sức khỏe ! Nếu anh có tiền, anh lại không tiêu tiền chẳng ? Sức khỏe cũng là vàng. Anh có biết thời trẻ tôi đã làm gì không ? Tôi dẹt thắm từ sáng tinh mơ cho đến chiều hôm, gần như không hề đứng lên. Tôi lạnh lợi như một tia sáng mặt trời, vậy mà cứ phải ngồi lì một chỗ như tảng đá. Tôi ngồi đến nỗi đôi khi xương cốt kêu răng rắc. Vậy mà cứ tối đến là tôi chạy đến với người yêu để ôm hôn chàng.

Ba tháng rông như thế, suốt thời gian chúng tôi yêu nhau. Hồi ấy, đếm nào tôi cũng đến với chàng. Thế mà tôi sống đến gần này tuổi rồi đây : khí lực sung túc lắm đấy chứ ! Tôi đã yêu biết bao nhiêu người ! Tôi đã cho và nhận bao nhiêu cái hôn !

Tôi nhìn mặt bà lão. Cặp mắt đen của bà vẫn mờ đục, hồi ức không làm cho cặp mắt ấy linh hoạt lên. Ánh trắng rọi sáng cặp môi khô nứt nẻ của bà, rọi sáng cái cằm nhọn vêu vào dính những sợi tóc bạc và cái mũi nhăn nheo khoằm xuống như mỏ cú. Hai má trũng xuống thành hai hõm đen : từ dưới tấm khăn đỏ, như miếng giẻ rách quấn quanh đầu, một mớ tóc màu tro xõa ra, dính bết vào bên hõm má. Da mặt, da cổ và da tay chẳng chít nếp nhăn nom như những vết khía và mỗi khi bà lão cử động, tôi cứ tưởng như làn da khô héo ấy sẽ rách toét tả, bong xuống từng mảnh và trước mắt tôi sẽ hiện lên bộ xương trần trụi với hai hốc mắt đen ngòm, đờ đẫn.

Bà lão lại bắt đầu kể chuyện, bằng cái giọng lạo sạo của mình :

-Dạo ấy tôi sống với mẹ ở Fanmi, ngay trên bờ sông Buôclai. Khi anh ấy đến xóm tôi thì tôi mười lăm tuổi. Anh ấy cao lớn, thân hình mềm dẻo, ria đen, vui tính. Anh ấy ngồi trong thuyền và cất giọng sang sảng, thét vọng vào cửa sổ gọi chúng tôi : "Này, các người có rượu nho ... và cái gì cho tôi chén với không ?" Tôi nhìn ra cửa sổ và qua những cành tàn bì, tôi thấy : cả dòng sông xanh biếc dưới ánh trắng, anh mặc sơ mi trắng, chiếc thắt lưng rộng bản buông thõng hai đầu xuống một bên sườn, một chân anh đứng trong thuyền, chân kia ghếch lên bờ. Anh lắc lư và hát một điệu gì không rõ. Thấy tôi, anh nói : "Chà, ở đây có cô em xinh đẹp quá đi mất ! Thế mà ta chẳng biết gì cả ! " Cứ như là trước khi gặp tôi, anh đã biết tất cả con gái đẹp trên đời rồi không bằng ! Tôi đem rượu nho và thịt lợn luộc cho anh ... Rồi bốn ngày sau, tôi đã hiến cả con người tôi cho anh ... Đêm nào chúng tôi cũng xuống thuyền đi chơi với nhau. Anh đến, huýt sáo khe khẽ như tiếng chuột nhảy, còn tôi nhảy qua cửa sổ xuống sông như một con cá ... Thế rồi chúng tôi cho thuyền đi ... Anh là một tay chài lưới ở Prut, về sau,

khi mẹ tôi đã biết hết mọi chuyện và giọt cho tôi một trận nên thân thì anh luôn luôn dẫn tôi đi với anh đến Đôbrutja và đi xa hơn nữa, tới cửa sông Danuyp. Nhưng lúc ấy tôi không thích anh nữa rồi : anh chỉ biết ca hát và ôm hôn tôi, ngoài ra không còn gì nữa ! Tôi đã chán anh rồi. Hồi ấy có một đoàn người Guxun kéo đến vùng này, và trong bọn họ có những tay đáng yêu ... Bọn họ sống đến là vui. Có một cô gái nọ đang chờ đợi chàng trai hiền ngang của mình (chàng là người xứ Cacpát). Cô cứ tưởng anh đã vào tù hoặc bị giết trong một cuộc ẩu đả ở đâu đó, vậy mà bỗng nhiên chàng vụt đến với cô, như từ trên trời rơi xuống, đi một mình hay với hai ba người bạn. Chàng mang đến cho cô những món quà sang trọng : thứ gì họ cũng kiếm được một cách dễ dàng thôi mà ! Chàng ăn uống linh đình ở nhà cô, hãnh diện về cô trước các bạn mình. Cô thích thú về chuyện đó. Tôi nhờ một cô bạn hiện đang có chàng Guxun giới thiệu họ cho tôi ... Tên cô ấy là gì ? Tôi quên mất rồi ... Bây giờ tôi bắt đầu quên hết mọi việc trên đời. Từ bấy đến nay đã bao lâu rồi, mọi việc đều quên ráo cả. Cô ta giới thiệu cho tôi một anh chàng giỏi trai. Anh chàng khá xinh ... Đầu tóc anh đỏ, cái gì cũng đỏ hoe : cả ria lẫn những búp tóc xoắn ! Một cái đầu rực lửa ! Dáng dấp anh buồn rười rượi, khi thì anh âu yếm, khi thì găm thét và ẩu đả như thú dữ. Có lần anh đánh vào mặt tôi ... Còn tôi nhảy chồm vào ngực anh như một con mèo, cắn ngậm răng vào má anh ... Từ đó, trên má anh có một lỗ trũng, và khi tôi hôn vào cái lỗ trũng ấy thì anh thích lắm ...

-Thế còn anh thuyền chài, anh ta đi đâu ? - Tôi hỏi.

-Anh thuyền chài, hả ? Anh ta ... vẫn ở đấy. Anh ta nhập bọn với cánh Guxun. Thoạt tiên, anh ta vẫn cứ dỗ dành tôi và dọa quăng tôi xuống sông, nhưng rồi cũng không có chuyện gì cả, anh ta nhập bọn với họ, kiếm được một cô khác ... Cả hai anh bạn của tôi - anh thuyền chài và anh Guxun ấy - cùng bị treo cổ một lúc. Tôi có đi xem họ bị treo cổ. Chuyện đó xảy ra ở Đôbrutja. Khi đi ra chỗ xử tội, anh thuyền chài mặt tái mét, khóc lóc, còn anh Guxun thì phì phèo tẩu thuốc. Anh đi ung dung như thường và hút thuốc, hai tay đút túi quần, một bên ria mép ngả xuống bên vai, nhánh kia

thông trước ngực. Thấy tôi, anh nhả tẩu thuốc ra và lớn tiếng gọi tôi : "Vĩnh biệt ! ... " Tôi thương tiếc anh suốt một năm trời. Chuyện đó xảy ra lúc họ định về quê ở Cacpat. Trước khi đi, họ đến thăm một người Rumani để từ biệt. Họ bị bắt ở đó. Chỉ có hai người bị bắt, còn thì mấy người bị giết, những người khác trốn thoát ... Sau đó họ đã trả thù gã người Rumani kia ... Họ đốt trại, đốt nhà xay bột, đốt hết lúa mì của hắn. Hắn trở thành ăn mày.

-Cụ làm việc ấy chứ gì ? - Tôi đoán già đoán non.

-Bọn Guxun thiếu gì bạn bè, không phải chỉ có mình tôi ... Người nào là bạn thân nhất của họ, người ấy rửa hờn cho người khuất bóng ...

Tiếng hát trên bờ biển đã im bật, bây giờ chỉ có tiếng sóng biển ì ầm hòa nhịp với bà lão : tiếng sóng tư lự và sôi nổi hòa điệu tuyệt diệu cho câu chuyện về một cuộc đời sóng gió. Đêm mỗi lúc một êm dịu hơn, ánh trăng xanh ngời tỏa chiếu càng rộng khắp trong đêm, còn những âm thanh mơ hồ phát ra từ cuộc sống tất bật của những cư dân vô hình của đêm tối cứ khẽ dần đi, bị át trong tiếng sóng biển rì rào mỗi lúc một tôi ... vì gió mỗi lúc một mạnh.

-Sau đó tôi còn yêu một anh chàng Thổ Nhĩ Kỳ nữa. Tôi ở trong khuê phòng của anh ta ở Xkutari. Tôi sống ở đó suốt một tuần, cũng tạm được ... Nhưng rồi tôi đâm chán ... lúc nào cũng chỉ thấy đàn bà là đàn bà ... Anh ta có tám ả ... Suốt ngày họ chỉ ăn, ngủ và tán chuyện lãng nhãng ... Hay chửi nhau, quang quác cái mồm lên như những con gà mái. Anh ta không còn trẻ nữa, cái anh Thổ Nhĩ Kỳ ấy. Tóc gần bạc hết, nghiêm trang rất mực và giàu có. Nói năng như đấng chúa tể .. Mắt đen .. đôi mắt thẳng thắn .. nhìn thẳng vào tâm hồn người ta. Anh rất thích cầu nguyện. Tôi gặp anh ở Bukaresti ... Anh đi đi lại lại trong chợ như một ông vua, xem xét mọi cái với vẻ trang nghiêm, rất đỗi trang nghiêm. Tôi mỉm cười với anh. Ngay chiều hôm đó, người ta chộp lấy tôi ở ngoài phố và đưa lên xe, đưa đến nhà anh. Anh buôn bạch đàn và dứa, còn anh đến Bukaresti mua cái gì thì không rõ. "Cô em

đến Thổ Nhĩ Kỳ với ta chứ ? " - anh hỏi. "Ồ vâng, em xin đi với chàng !" "Tốt lắm !". Thế là tôi đi. Anh chàng Thổ Nhĩ Kỳ ấy giàu có lắm. Anh ấy có một đứa con trai, thằng bé ngăm ngăm đen, rất mềm mại ... Nó mười sáu tuổi. Tôi cùng với nó trốn khỏi nhà anh Thổ Nhĩ Kỳ ấy ... Tôi trốn sang Bungari, đến Lôm-Palanka ... Ở đây, tôi bị một ả Bungari cho một nhát dao vào ngực, ả ghen về chồng chưa cưới hay chồng ả, tôi cũng không nhớ nữa.

Tôi ốm, nằm một thời gian trong tu viện. Một tu viện phụ nữ. Một cô gái chăm sóc tôi, cô ta người Ba lan, cô có người anh ở một tu viện khác - tôi còn nhớ là ở gần Acse-Palanka - anh vẫn lui tới thăm cô, anh cũng là một thầy tu ... Anh ta .. cứ uốn éo làm duyên làm dáng trước mặt tôi như con sâu ấy .. khi tôi khỏe hẳn, tôi bỏ ra đi với anh ... sang nước Ba lan của anh.

-Hượm đã ! Thế thằng bé Thổ Nhĩ Kỳ bây giờ đâu rồi ?

-Thằng bé ấy à ? Thằng bé ấy nó chết rồi. Vì nhớ nhà hay vì tình thì không rõ .. Nó héo quắt đi như cái cây nhỏ non yếu, bị nắng rọi quá nhiều .. nó cứ héo quắt mãi đi .. tôi nhớ, nó nằm trên giường, người đã trong vắt và xanh nhợt như tảng băng, vậy mà tình yêu vẫn rực cháy trong người nó .. Nó vẫn nài tôi cúi xuống và hôn nó .. Tôi đã yêu nó và tôi còn nhớ tôi đã hôn nó rất nhiều .. Rồi nó suy kiệt hẳn, gần như không cử động được nữa. Nó nằm trên giường và kêu van thảm thiết như một thằng ăn mày xin bố thí, nài tôi nằm xuống cạnh nó và sưởi ấm cho nó. Tôi nằm xuống. Tôi vừa nằm xuống với nó .. thì toàn thân nó lập tức nóng rực lên như lửa. Một hôm, tôi thức dậy thì nó đã lạnh ngắt .. nó chết rồi .. Tôi khóc thương nó. Biết nói thế nào được ? Có lẽ chính tôi đã giết nó. Lúc ấy tuổi tôi gấp đôi tuổi nó. Tôi khỏe mạnh như thế, dồi dào sức sống như thế .. còn nó, nó là cái gì ? ... Một thằng nhóc !

Bà lão thở dài, và làm dấu thánh ba lần - lần đầu tôi thấy bà cụ làm dấu - mấp máy cặp môi khô, lẩm bẫm câu gì không rõ.

-Thế rồi cụ sang Ba lan .. - Tôi nhắc.

-Phải ... đi với gã Ba lan nhỏ nhắn ấy. Gã là một kẻ lố bịch và đê tiện. Khi cần đàn bà thì gã quẩn quít lấy tôi như con mèo, và từ lưỡi gã tuôn ra một thứ mật ngọt nóng hừng hực, nhưng khi gã không thèm muốn tôi thì gã nói tôi đâu như roi quất. Có lần, chúng tôi đi trên bờ sông, thốt nhiên gã nói một câu hóm hỉnh xúc phạm đến tôi ! Ôi chao ! ... Tôi giận điên lên ! Tôi sôi lên như thùng nhựa nấu ! Tôi nhắc bổng gã lên như đứa trẻ - người gã nhỏ bé - tôi bóp chặt hai cạnh sườn gã, đến nỗi gã tái nhợt đi. Thế rồi tôi lấy đà quăng gã xuống sông. Gã kêu gào. Gã kêu gào đến là tức cười. Tôi đứng trên bờ nhìn gã, còn gã không vùng vẫy dưới nước. Thế là tôi bỏ đi. Từ đấy, tôi không bao giờ gặp gã nữa. Tôi có may mắn như vậy đấy : không bao giờ gặp lại những người mà tôi đã từng yêu. Đây là những cuộc gặp gỡ tệ hại, chẳng khác gì gặp lại những người đã chết.

Bà lão im lặng, thở dài. Tôi tưởng tượng ra những người mà bà lão gọi lại trong ký ức. Đây là chàng Guxun râu tóc đỏ rực như lửa, ria mép vắt vẻo, đang đi đến chỗ chết mà vẫn điềm nhiên phì phèo tẩu thuốc. Hẳn là anh có cặp mắt xanh biếc lạnh lùng, nhìn mọi vật một cách chăm chú, cương quyết. Bên cạnh anh là gã thuyền chài xứ Prut, ria đen ; gã khóc lóc và không muốn chết, và trên khuôn mặt tái mét, đau buồn vì sắp phải từ giã cuộc đời, cặp mắt vui vẻ mờ đi, bộ ria mép dầm nước mắt rũ xuống hai bên cái miệng méo xệch, nom mới buồn thảm làm sao. Còn đây là lão già Thổ Nhĩ Kỳ trang nghiêm, chắc hẳn là một người tin ở định mệnh và chuyên chế, cạnh lão là con trai lão, bông hoa bé nhỏ, nhợt nhạt và mảnh mai của phương đông, đã bị đầu độc vì những chiếc hôn. Còn đây là anh chàng Ba lan háo danh, vừa thanh lịch vừa tàn nhẫn, vừa khéo nói vừa lạnh lùng ... Tất cả bọn họ chỉ là những cái bóng nhợt nhạt, còn người đàn bà mà họ đã ôm hôn thì đang ngồi cạnh tôi, một con người sống, nhưng thời gian đã làm cho héo hắt đi, không còn thân hình, không còn khí huyết, lòng không ham muốn, mắt không còn những tia sáng linh lợi, cũng gần như một cái bóng.

Bà lão kể tiếp :



-Ở Ba Lan, tôi sống khó khăn lắm. Người nước này lạnh nhạt và dối trá. Tôi không biết thứ tiếng rin rít như tiếng răn phun của họ ... Người nào nói cũng rít lên. Sao họ lại rít lên như thế nhỉ ? Chúa ban cho họ thứ tiếng rin rít của loài rắn là bởi họ hay dối trá. Hồi ấy tôi cứ đi mà chẳng biết là đi đâu, tôi thấy họ tụ tập nhau nổi lên chống lại người Nga các anh. Tôi đi đến thành phố Bôcnia. Một gã Do Thái bỏ tiền ra mua tôi, không phải mua cho gã, mà để dùng tôi làm món hàng buôn bán. Tôi cam chịu cảnh ngộ ấy. Muốn sống được thì phải biết làm một việc gì. Tôi chẳng biết làm gì bởi thế tôi đành bán thân nuôi miệng. Nhưng lúc ấy, tôi nghĩ rằng hễ kiếm được ít tiền đủ để về quê nhà ở Buôclat là tôi sẽ dứt bỏ xiềng xích, dù là kiên cố đến mấy đi nữa. Vậy là tôi ở lại đấy. Khách của tôi là những pan giàu có, chúng chơi bởi chè chén ở nhà tôi. Chúng phải trả giá đắt về những cuộc ăn chơi đó. Chúng đánh nhau, khuynh gia bại sản vì tôi. Có một tên trong một thời gian dài vẫn cố giành lấy tôi cho riêng mình hẳn và một hôm, hẳn làm thế này : hẳn đến, mang theo tên gia nhân vác một cái bao tải. Tên pan hai tay cầm lấy bao tải và dốc ngược trên đầu tôi. Những đồng tiền vàng tủa ra, đập xuống đầu tôi, và tôi vui thích nghe thấy tiếng tiền vàng rơi loảng xoảng xuống sàn nhà. Những mặc dầu vậy, tôi vẫn tống cổ tên quý tộc đó đi. Nó có cái mắt bự thịt, thô kệch, còn bụng thì cứ như cái gối to phồng. Nom nó như con lợn in ăn no. Phải, tôi đã tống khứ thẳng cha đó đi ; mặc dù nó nói rằng nó đã bán hết đất đai, nhà cửa, ngựa nghèo để rắc vàng lên khắp người tôi. Hồi đó, tôi yêu một pan xứng đáng, mặt đầy vết chém. Mặt anh đầy vết chém ngang dọc vì những nhát gươm của bọn Thổ Nhĩ Kỳ : trước đó ít lâu, anh đứng về phía người Hy Lạp đánh lại chúng. Đấy mới thật là con người ! ... Người Hy Lạp thì thân thiết gì với anh, anh là người Ba Lan kia mà ? Nhưng anh ra trận, cùng họ chống lại kẻ thù của họ. Anh bị chúng đâm chém, lòi một mắt, bàn tay trái mất hai ngón ... Người Hy Lạp thì thân thiết gì với anh, anh là người Ba Lan kia mà ? Duyên do là thế này : anh thích làm nên chuyện phi thường. Và khi một con người ưa thích làm nên chuyện phi thường thì bao giờ người đó cũng biết lập kỳ công và sẽ tìm được chỗ có thể làm chuyện đó. Anh biết không, trong cuộc sống bao giờ cũng có chỗ để làm nên sự nghiệp phi thường. Còn những kẻ không tìm

được cơ hội để lập nên kỳ công thì chỉ là những kẻ lười biếng hoặc hèn nhát, hoặc là không hiểu cuộc sống, vì nếu hiểu cuộc sống thì mỗi người đều muốn lưu lại bóng dáng mình sau khi mình không còn trên đời này nữa. Và như thế thì cuộc sống sẽ không ngốn ngấu con người không để lại vết tích gì ... Ồ, anh chàng bị chém nát mặt ấy đáng là con người. Anh sẵn sàng đi đến cùng trời cuối đất để làm được một việc gì. Hẳn là người Nga các anh đã giết anh ta trong thời gian nổ ra cuộc nổi loạn. Nhưng tại sao các anh lại đi đánh người Magya ? Này thôi, im đi ! ...

Và để bắt tôi im lặng, bà lão Idecghin đột nhiên ngừng bật, trầm ngâm suy nghĩ.

-Tôi còn quen biết một người Magya. Một hôm anh ta bỏ tôi ra đi, lúc ấy là mùa đông, và mãi đến mùa xuân, khi tuyết tan, người ta mới tìm thấy anh ta trên cánh đồng, đầu bị đạn xuyên qua. Thế đấy ! Anh thấy chứ : tình yêu giết người không kém bệnh dịch hạch, tính ra thì không ít hơn đâu ... Vừa nãy tôi nói chuyện gì nhỉ ? À, nói về Ba Lan .. Phải, ở đấy tôi đã chơi canh bạc cuối cùng của tôi ! Tôi gặp một tay quý phái Ba Lan ... Tay này mới thật là đẹp trai ! Ranh như quý sứ ấy ! Còn tôi thì già rồi, ôi chao, tôi già rồi ! Lúc ấy tôi đã đến bốn mươi chưa nhỉ ? ... Có lẽ đến rồi đấy ... còn nó thì kiêu hãnh, được bọn đàn bà chúng tôi chiều chuộng. Tôi đau khổ vì nó. Đúng thế, nó muốn lập tức chiếm lĩnh tôi mà không tốn chút công sức nào, nhưng tôi đâu có chịu. Chưa bao giờ tôi chịu làm nô lệ cho bất cứ kẻ nào. Tôi đã dứt được thằng Do Thái, tôi cho nó vô khối tiền ... Bây giờ tôi ở Cracôvi. Tôi đã có đủ mọi thứ : ngựa, vàng bạc, kẻ hầu người hạ ... Con quý kiêu ngạo ấy lui tới thăm tôi và vẫn muốn tôi tự gieo mình vào hai cánh tay nó. Chúng tôi cãi nhau ... tôi còn nhớ là vì chuyện ấy mà tôi đâm ra sọm người đi. Câu chuyện kéo dài khá lâu ... Tôi đã thắng : nó quỳ gối xin tôi ... Nhưng vừa chiếm được tôi thì nó cũng bỏ tôi luôn. Thế là tôi hiểu tôi đã già rồi ... Ôi, điều đó chẳng dễ chịu gì cho tôi đâu ! Chẳng dễ chịu gì đâu ! Tôi thì tôi yêu nó, thằng quý sứ ấy ... Còn nó, khi gặp tôi, nó cười cợt .. cái thằng xỏ lá thế ! Khi nói chuyện với những đứa khác, nó chế nhạo tôi,

tôi biết. Chà, đau xót lòng tôi, thật đấy ! Nhưng nó vẫn ở đây, gần gũi, và dù sao tôi vẫn mê nó. Khi nó ra đi đánh nhau với người Nga các anh, lòng tôi đau đớn vô cùng. Tôi cố nén lòng, nhưng không thể được ... Và tôi quyết đi theo nó. Nó ở gần Vacxôvi, trong rừng ...

Nhưng khi tôi đến nơi thì được biết bọn họ đã bị các anh đánh tan ... nó bị bắt làm tù binh, giam ở một làng cách đây không xa.

Tôi nghĩ : "Thế là ta không bao giờ còn gặp nó nữa ! ". Nhưng tôi muốn gặp nó. Thế rồi tôi cố tìm cách gặp nó bằng được. Tôi giả dạng làm một mục hành khất, chân đi tập tễnh và mặt quần băng, tìm đến cái làng nó bị giam. Chỗ nào cũng gặp người Cô đặc và lính tráng ... tôi đã phải trả một giá đắt để đến được nơi đó ! Tôi đã khó lòng mà lọt tới được ! Nhưng tôi cần phải đến. Thế là ban đêm, tôi bò đến chỗ họ bị giam giữ. Tôi bò trong vườn rau, giữa các luống đất và tôi thấy một tên lính gác đứng trên đường tôi đi ... Tôi đã nghe thấy bọn người Ba Lan đang hát và nói oang oang. Họ hát một bài ca ngợi Đức mẹ ... và nó cũng hát với họ ... Ackadec của tôi ... Tôi chua xót nghĩ rằng trước kia người ta bò rạp đến tìm tôi ... vậy mà bây giờ đã đến lúc tôi bò trên mặt đất như con rắn, tìm đến với một gã đàn ông và có lẽ là bò đến tìm cái chết của tôi cũng nên. Kìa, tên lính gác đã nghe ngóng, vươn người về phía trước. Tôi phải làm như thế nào đây ? Tôi đứng lên và tiến thẳng đến trước mắt hắn. Tôi không có dao, không có gì hết, chỉ có hai bàn tay và miệng lưỡi của tôi thôi. Tôi lấy làm tiếc rằng đã không giắt dao bên mình. Tôi thì thầm : "Ấy gớm ! ..." Nhưng tên lính đã chìa lưỡi lê vào họng tôi. Tôi thì thầm nói với hắn " Đừng đâm, hãy gớm, nếu anh còn có một tấm lòng thì xin hãy nghe tôi ! Tôi không thể cho anh cái gì đâu, nhưng tôi van xin anh ... " Hắn hạ súng xuống và cũng thì thầm nói với tôi : "Xéo đi, mục kia ! Xéo đi ! Mục muốn gì ? " Tôi bảo hắn rằng con trai tôi hiện bị nhốt ở đây .. "Anh hiểu đấy, anh lính ạ, con trai tôi ! Anh cũng là con trai một người nào đó, phải không ? Thế thì anh hãy nhìn tôi đây, tôi cũng có một đứa con trai như anh, vậy mà bây giờ nó ở kia ! Cho tôi nhìn nó một tí, có lẽ chẳng bao lâu nữa nó sẽ chết ... chưa biết chừng

ngày mai anh sẽ bị giết ... mẹ anh sẽ khóc anh chứ gì ? Và hẳn là anh đau lòng nếu chết mà không được nhìn mặt mẹ, phải không ? Con trai tôi cũng đau lòng như thế. Anh hãy thương lấy thân anh, thương nó, thương cả tôi nữa, vì tôi là người mẹ ! ..."

Ôi chao, tôi nói với hẳn lâu lắm ! Trời mưa, chúng tôi ướt ráo cả. Gió gào thét, gầm rú, lúc thì thốc vào lưng, lúc thì xô vào ngực tôi. Tôi đứng, đảo đảo trước mặt tên lính trơ trơ như tượng đá ấy .. Còn hẳn thì luôn miệng nói : "Không !" Và mỗi lần nghe tiếng "Không !" lạnh lùng của hẳn thì niềm mong muốn gặp Ackadec lại càng bùng cháy trong lòng tôi .... Tôi vừa nó vừa đưa mắt lượng sức vóc tên lính : hẳn nhỏ bé, gầy nhẳng và ho luôn miệng. Thế là tôi sụp xuống đất trước mặt hẳn, ôm lấy đầu gối hẳn, không ngớt van nài hẳn bằng những lời lẽ nhiệt thành, rồi tôi quật hẳn xuống. Hẳn ngã vào đồng bùn. Nhanh như cắt, tôi lật úp mặt hẳn xuống đất, dìu đầu hẳn xuống vũng nước để hẳn khỏi kêu. Hẳn không kêu, chỉ vùng vẫy, cố hất tôi khỏi lưng hẳn. Còn tôi, hay tay ấn đầu hẳn xuống bùn sâu hơn nữa. Hẳn tắt thở ... Thế là tôi đâm bổ đến kho thóc, chỗ có tiếng hát của những người Ba Lan. "Ackadec !" - Tôi thì thầm gọi qua khe tường. Những người Ba Lan ấy sáng ý lắm, nghe tiếng tôi gọi, họ vẫn tiếp tục hát ! Kìa , đôi mắt Ackadec hiện ra trước mắt tôi. "Anh có thể ra được không ?" - "Được, chui qua dưới sàn !" - nó nói. "Ừ, thế thì ra đi". Rồi bốn người chui qua dưới sàn ván ra ngoài : ba người khác và Ackadec của tôi. "Bọn lính gác đâu ? " - Ackadec hỏi. "Nó nằm kia kìa !" Thế là họ im hơi lặng tiếng, nhẹ nhàng ra đi, khom mình sát đất. Trời mưa, gió gào thét. Chúng tôi đã ra khỏi làng và im lặng đi hồi lâu trong rừng. Chúng tôi đi thật nhanh. Ackadec dắt tay tôi, tay nó ấm và run run. Ôi ! ... Lúc nó chưa nói gì cả thì đi cạnh nó, tôi sung sướng làm sao. Đây là những phút cuối cùng, những phút sung sướng trong cuộc đời đầy ham muốn của tôi. Nhưng chúng tôi ra đồng cỏ và dừng lại. Cả bốn người đều cảm tạ tôi. Ôi, họ nói lâu lắm và nhiều lắm, nói những gì tôi cũng chẳng rõ nữa ! Tôi chỉ nghe và nhìn gã pan của tôi. Nó sẽ làm gì cho tôi đây ? Đây này, nó ôm lấy tôi và nói rất nghiêm trang. Tôi không còn nhớ nó nói những gì, nhưng tóm lại nó bảo bây giờ để

trả ơn tôi đã cứu nó ra khỏi chốn ấy, nó sẽ yêu tôi ... Nó quỳ xuống trước mặt tôi, mỉm cười nói với tôi : "Bà chúa của anh ơi !". Chà, thẳng chớ, già đối đến thế đấy ! ... Thế là tôi đá cho nó một cái và định đập vào mặt nó, nhưng nó né tránh được và bật dậy. Nó đứng trước mặt tôi, hằm hằm và tái mét ... Ba tên kia cũng đứng đấy, đứ đờ cũng cau có. Cả bọn đều im lặng. Tôi nhìn chúng ... Tôi còn nhớ, lúc đó tôi chỉ cảm thấy chán ngán vô cùng, không còn thiết tha gì nữa ... Tôi bảo chúng : "Các người đi đi !" Còn chúng, đồ chớ, chúng bảo tôi : "Chị sẽ quay lại đấng ấy và chỉ cho chúng biết chúng tôi đi đường nào chứ ?" Quân đê hèn làm sao ! Nhưng rồi chúng cũng bỏ đi. Và tôi cũng đi .. Hôm sau người Nga các anh bắt được tôi, nhưng rồi họ thả ngay. Thế là tôi thấy đã đến lúc tôi phải xây một tổ ấm, tôi sẽ sống cuộc đời của con chim cu ! Tôi đã đâm ra ì ạch, cánh đã yếu, lông đã bật màu ... Đã đến lúc sống chân chi, đã đến lúc rồi ! Tôi đến Galixi, rồi từ đó về Đôbrutja. Và tôi ở đây đã ba chục năm trời. Tôi lấy một anh chồng người Môngdavi, anh ấy mất đã gần một năm. Còn tôi vẫn sống ! Sống đơn độc một mình .. Không, không phải một mình, mà sống với những người kia.

Bà lão đưa tay về phía biển, mặt biển khắp nơi đều yên tĩnh. Đôi khi một âm thanh ngăn ngủi, hư ảo bật lên rồi tắt lặng ngay.

-Họ yêu tôi. Tôi kể cho họ nghe đủ thứ chuyện. Họ cần nghe những chuyện đó. Bọn họ còn trẻ cả ... Sống với họ tôi thấy thú vị lắm ... Tôi nhìn họ và nghĩ : "Đã có thời ta cũng như thế ... Có điều là thời ấy, cái thời sôi nổi xa xưa của ta, con người có nhiều sức lực và nhiều lửa sống hơn, vì thế sống vui hơn và thú hơn ... Đúng thế ! ..."

Bà lão im lặng. Ngồi bên bà, tôi cảm thấy buồn man mác. Bà lão thiu thiu ngủ, đầu lắc la lắc lư và khẽ lằm rằm cái gì không rõ ... có lẽ bà cầu nguyện.

Trên mặt biển nhô lên một đám mây đen nặng nề, có đường viền gân guốc, giống như một chòm núi. Đám mây trườn vào thảo nguyên. Từ chòm

mây, có những mảng mây tách ra, bay vượt lên trước và lần lượt che tắt hết ngôi sao này đến ngôi sao khác. Biển động âm âm. Cách chúng tôi không xa, dưới những gốc nho, người ta hôn nhau, thì thầm, thở dài. Một con chó sủa rống lên ở một nơi nào xa tít trong thảo nguyên ... Không khí đầy một mùi kỳ lạ, làm ngứa ngáy lỗ mũi, kích thích thần kinh. Bóng mây in xuống mặt đất từng đám dày đặc, trườn đi, trườn đi, biến mất rồi lại xuất hiện ... Ở chỗ mắt trắng trước kia, chỉ còn lại một vệt trắng đục, đôi khi bị một mảng mây xanh nhạt hoàn toàn che khuất. Xa xa trên thảo nguyên lúc này đã trở nên đen ngòm và đáng sợ, như đang ẩn náu và thu giấu trong mình một cái gì bí ẩn, có những đốm lửa xanh lam bùng lên. Chúng xuất hiện trong giây lát, khi thì chỗ này, khi thì chỗ kia rồi tắt đi, chứ như có mấy người tản mát trong thảo nguyên, ở cách xa nhau, đang tìm kiếm cái gì, xòe diêm lên những lại bị gió thổi tắt ngay. Đây là những lưỡi lửa xanh rất kì dị, gọi nhớ tới một cái gì hoang đường.

-Anh có thấy những ánh lửa không ? - Bà lão Idecghin hỏi tôi.

-Những ánh lửa xanh kia phải không ? - Tôi vừa nói vừa trở ra thảo nguyên.

-Ánh lửa xanh hả ? Ừ, đúng đấy ... Vậy ra những ánh lửa ấy vẫn còn bay lượn ! Lạ thật ... Nhưng mắt tôi bây giờ không còn thấy những ánh lửa ấy nữa. Bây giờ có nhiều cái tôi không nhìn thấy được.

Trước đó tôi đã được nghe một đôi điều về nguồn gốc những tia lửa này, nhưng tôi muốn nghe bà lão Idecghin kể câu chuyện ấy.

-Những tia lửa ấy từ trái tim cháy của Đankô tóe ra đấy. Thưở xưa, có một trái tim một hôm đã bốc cháy ... Những tia lửa này là ở trái tim đó mà ra ... Tôi sẽ kể cho anh câu chuyện ấy ... cũng là một câu chuyện cổ tích cũ ... Câu chuyện cũ kỹ, toàn những câu chuyện cũ kỹ cả thôi ! Anh thấy không, thời xưa có biết bao nhiêu chuyện hay ? .. Còn thời nay chẳng có gì hết : không có công việc, không có con người, cũng chẳng có những chuyện

cổ tích như thời xưa nữa ... Tại sao ? Nào, nói đi .. Anh không trả lời được đâu .. Anh biết được những gì nào ? Bọn trẻ các anh biết được những gì ? Hà, hà ! .. Nếu các người nhìn kỹ vào thời xưa thì sẽ giải đáp được hết ... Nhưng các người không nhìn, và vì thế các người không biết sống .. Tôi không nhìn thấy cuộc đời chẳng ? Ồ, tôi thấy hết, mặc dù mắt tôi kém ! Tôi thấy thiên hạ không sống, mà chỉ đăn đo, suy tính và phí cả đời vào việc đăn đo suy tính đó. Rồi khi sống uổng hết một đời người vì hao phí thời gian thì lại bắt đầu khóc than cho số phận. Nhưng viện ở số phận ra mà làm gì ? Số phận của mỗi người là ở chính bản thân người đó ! Cho tới nay, tôi vẫn gặp đủ mọi loại người, nhưng không thấy những người dũng cảm ! Họ đâu cả rồi ? .. Người đẹp cũng mỗi ngày một ít đi ..

Bà lão bắt đầu suy nghĩ về việc những người dũng cảm và đẹp biến đi đâu hết cả, vừa suy nghĩ vừa chăm chú nhìn thảo nguyên tối thẫm, như để tìm trong đó câu trả lời. Tôi chờ nghe câu chuyện của bà lão và im lặng, sợ rằng hỏi câu gì thì cụ sẽ lại xoay sang chuyện khác.

Và bà lão bắt đầu kể.

3

"Thưở xưa, trên trái đất này, có một đám người sinh sống ở một khu vực nọ, xung quanh khu lều trại của họ ba bề là rừng rậm bao bọc, không thể len qua được, phía kia là thảo nguyên. Đó là những người vui vẻ khỏe mạnh và dũng cảm. Nhưng rồi thời buổi khó khăn đã tới : có những bộ lạc khác không hiểu từ đâu xuất hiện, xua đuổi những người vẫn ở đây từ trước vào tít trong rừng sâu. Ở đấy chỉ có đầm lầy và bóng tối vì rừng đã lâu đời lắm rồi, cành lá quăn quít dày rậm đến nỗi không còn nhìn thấy bầu trời nữa, và tia sáng mặt trời phải khó khăn lắm mới lọt qua đám lá um tùm để soi rọi chút ít xuống đầm lầy. Nhưng khi những tia nắng chiếu xuống mặt nước đầm lầy thì mùi hôi thối bốc lên đến nỗi họ lăn ra chết, hết người này đến người khác. Đàn bà trẻ con trong bộ lạc khóc lóc, còn các ông bố thì nghĩ ngợi và buồn rầu. Cần phải ra khỏi khu rừng này, và muốn vậy chỉ có hai

con đường : con đường thứ nhất là trở lại phía sau thì có những kẻ thù mạnh và hung dữ, con đường thứ hai là tiến lên phía trước thì ở đó là những cây khổng lồ, cành tôi khỏe, ôm chặt lấy nhau, rễ ngoằn ngoèo đâm sâu xuống đất bùn dính chắc của đầm lầy. Những thân cây trơ trơ như đá ấy ban ngày đứng sừng sững, im lìm trong ánh sáng mờ mờ, xám xịt, và tối đến, khi đốt lửa lên thì cây cối càng dịch sát lại bao quanh đoàn người. Đêm cũng như ngày, xung quanh đoàn người bao giờ cũng có một vòng bóng tối vững chắc chỉ chực nghiêng bẹp họ, mà họ thì đã quen với thảo nguyên bao la. Khi gió đập các ngọn cây và cả khu rừng gào thét như hăm dọa và hát bài ca đưa đám họ thì cảnh tượng càng ghê rợn hơn. Dù sao họ vẫn là những người dũng cảm, và họ có thể chọi nhau một mất một còn với những kẻ đã có lần đánh bại họ, nhưng họ không thể chết trong chiến đấu được, vì họ còn có những lời di chúc, nếu họ chết thì những lời di chúc sẽ mất theo. Bởi vậy, họ cứ ngồi đấy và suy nghĩ bao đêm ròn, giữa tiếng cây rừng xào xạc, trong hơi thối độc địa của đầm lầy. Họ ngồi đấy và ánh lửa tạo nên những bóng đen chập chờn nhảy nhót xung quanh họ trong một điệu vũ thầm lặng, mọi người đều có cảm giác như đấy không phải là những bóng đen nhảy múa, mà là ma quỷ của rừng và đầm lầy đang hân hoan đắc thắng ... Họ vẫn ngồi đấy và nghĩ ngợi. Nhưng không có cái gì, cả công việc lẫn đàn bà, lại làm suy mòn thể xác và tâm hồn người ta bằng những ý nghĩ buồn rầu. Người ta suy yếu đi vì lo nghĩ ... Nỗi khiếp sợ nảy nở trong bọn họ, làm tê liệt những cánh tay rắn chắc họ, đàn bà khóc lóc trước tử thi những người chết vì uest khí và khóc than cho số phận những người còn sống nhưng đã mất chí khí vì hoảng sợ, tiếng khóc của họ làm cho đoàn người hoang mang thêm. Trong rừng, người ta bắt đầu nghe thấy những câu nói hèn nhát, lúc đầu còn rụt rè, thì thầm, rồi càng về sau càng lớn tiếng hơn ... Họ đã định đến nộp mình cho quân thù và dâng tự do của mình cho chúng. Vì kinh hoàng trước cái chết, không ai còn sợ sống nô lệ nữa ... Nhưng đúng lúc đó, Đankô xuất hiện và một mình anh, anh cứu thoát cả đoàn người ".

Rõ ràng là bà cụ vẫn thường kể câu chuyện trái tim cháy của Đankô. Cụ nói như hát, và giọng nói xin xít, rề rề của cụ khiến tôi hình dung rõ mồn



một tiếng ào ào của khu rừng có những con người bất hạnh, kiệt lực, chết dần vì hơi độc của đầm lầy ...

"Đankô là một người trong bọn họ, một chàng trai trẻ đẹp. Những người đẹp bao giờ cũng can đảm. Và anh nói với các bạn anh như thế này :

-Nghĩ ngợi không thể hết bỏ được tảng đá trên con đường ta đi. Kẻ nào không mó tay vào việc thì chẳng làm nên công chuyện gì. Cứ lo nghĩ làm chi cho hao tâm tổn sức ? Hãy đứng lên, chúng ta sẽ đi sâu vào rừng và xuyên qua rừng, bởi vì rừng cũng có chỗ kết thúc, mọi cái trên đời đều có chỗ kết thúc ! Ta đi đi ! Nào ! Tiến bước ! ...

Họ nhìn anh và thấy anh hơn hẳn tất cả bọn họ, vì trong mắt anh ngời lên bao nhiêu sức mạnh và nhiệt tình sôi nổi.

-Anh dẫn chúng tôi đi ! - Họ bảo anh.

Thế là anh dẫn họ đi .. "

Bà lão im lặng và nhìn ra thảo nguyên, ở đó bóng tối mỗi lúc một dày đặc lại. Những tia lửa tóe ra từ trái tim cháy của Đankô sáng bừng lên ở nơi nào phía xa, nom như những bông hoa xanh bay lượn trên không, chỉ nở ra trong giây lát.

"Đankô dẫn họ đi. Mọi người nhất loạt đi theo anh : họ tin anh. Đường đi thật khó khăn ! Rừng tối om, cứ bước một bước, đầm lầy lại há cái mồm tham lam hôi thối ra nuốt mất người, và cây cối sừng sững chặn đường như một bức thành kiên cố. Cành cây quăn quýt lầy nhau ; rễ bò lan khắp nơi như đàn rắn, và cứ mỗi bước đi, họ lại tốn bao nhiêu mồ hôi và máu. Họ đi lâu lắm ... Rừng mỗi lúc một dày rậm, sức lực mỗi lúc một suy kiệt ! Họ bắt đầu oán trách Đankô, trách anh trẻ người non dạ, đưa họ đi vào chỗ vu vơ. Nhưng anh vẫn dẫn đầu đoàn người, hăng hái và tươi tỉnh.

Rồi một hôm, dông bão gầm thét trên rừng, cây cối ào ào gập rợn. Trong rừng bỗng tối mù tối mịt, tưởng chừng như bao nhiêu đêm tối trên đời kể từ khi có rừng đến nay đều tụ cả lại. Những con người nhỏ bé đi giữa những cây lớn, trong tiếng sấm đáng sợ. Họ đi, còn những cây khổng lồ lắc lư, nghiêng ken két và gào lên bài ca thịnh nộ. Tia chớp bay trên các ngọn cây, ánh lửa xanh lạnh lẽo rọi sáng mọi vật trong khoảng khắc và biến mất cũng nhanh như khi xuất hiện, làm mọi người kinh sợ. Cây cối được ánh chớp lạnh lẽo rọi sáng, nom như những vật sống, dang rộng những cánh tay dài ngoằn ngoèo, đan thành một mạng lưới dày xung quanh đoàn người, cố ngăn chặn họ. Từ trong đám cành tối tăm, có cái gì đáng sợ, hắc ám, lạnh lẽo nhìn đám người đang đi. Đường đi gian nan, đoàn người mệt lả, mất tinh thần. Nhưng họ xấu hổ, không dám thú nhận sự yếu hèn của mình, vì thế họ trút căm hờn và giận dữ vào Đankô, con người dẫn đầu họ. Họ trách anh không biết dẫn dắt họ, thế đấy !

Họ dừng lại và giữa tiếng gầm gào đặc thảng của rừng, trong bóng tối run rẩy, những con người mệt mỏi và dữ tợn ấy bắt đầu kết tội Đankô.

-Mi là kẻ hèn mọn làm hại chúng tao, - họ bảo anh - Mi dẫn chúng tao đi và làm chúng tao kiệt lực, vì vậy mi phải chết !

-Các người bảo : "Dẫn chúng ta đi !" và tôi dẫn các người đi ! - Đankô hét lên, hiên ngang đứng trước mặt họ. - Tôi có gan dẫn đường và tôi dẫn các người đi ! Còn các người, các người đã làm gì để tự giúp mình ? Các người chỉ cắm cổ đi và không biết giữ sức để đi được lâu dài hơn ! Các người chỉ mãi miết đi như đàn cừu !

Nhưng những lời đó làm họ càng điên tiết hơn.

-Mi phải chết ! Mi phải chết ! - Họ gầm lên.

Rừng cũng gầm lên, gầm mãi lên, hòa với tiếng hét của họ, và ánh chớp xé toang bóng tối thành từng mảnh. Đankô nhìn đám người mà anh đã ra

công khó nhọc vì họ và thấy rằng họ là những con thú. Nhiều người xúm quanh anh, nhưng trên mặt họ không có chút gì là cao thượng và không thể mong họ tha thứ cho anh. Thế là trong tim anh cũng bùng lên niềm phẫn nộ sục sôi, nhưng lòng thương người đã dập tắt ngọn lửa uất hận ấy. Anh yêu họ và nghĩ rằng không có anh, có lẽ họ chết mất. Trong tim anh bùng lên ngọn lửa nhiệt thành thiết tha muốn cứu thoát họ, đưa họ lên con đường dễ dàng, và những tia lửa của niềm mong muốn mãnh liệt ấy lóe lên trong mắt anh ... Còn họ thấy thế, lại tưởng anh nổi khùng nên mắt mới sáng quắc như vậy, họ liền giữ miếng như những con chó sói, chờ xem anh đánh lại họ, họ tiến sát đến, vây chặt lấy anh để dễ bề bắt và giết anh. Anh đã hiểu ý nghĩ của họ, do đó ngọn lửa trong trái tim anh càng cháy rực hơn nữa, vì ý nghĩ của họ làm anh buồn rầu.

Rừng vẫn hát bài ca thê lương, sấm chớp ùng ùng, mưa như trút nước.

-Ta sẽ làm gì cho mọi người đây ?! - Đankô gào to hơn sấm.

Bỗng nhiên, anh đưa hai tay lên xé toang lồng ngực, dứt trái tim ra và giơ cao trên đầu.

Trái tim cháy sáng rực như mặt trời, sáng hơn mặt trời, và cả khu rừng im lặng, sáng lên dưới ngọn đuốc của lòng thương yêu vĩ đại đối với mọi người. Trước ánh sáng của trái tim Đankô, bóng tối tan tác và run lẩy bẩy, nhào xuống cái mồm hôi thối của đầm lầy nơi rừng sâu núi thẳm. Đoàn người sững sốt, đứng trơ ra như phỗng.

-Đi thôi ! - Đankô hét lớn và xông lên phía trước, về chỗ của mình, tay giơ cao trái tim sáng rực, soi đường cho mọi người.

Họ xông lên theo anh, mê man như bị chài. Rừng lại bắt đầu ồn ào, ngạc nhiên lắng lư các ngọn cây, nhưng tiếng ồn ào của rừng bị tiếng chân người rầm rập át đi. Họ chạy nhanh và mạnh bạo, cảnh tượng kỳ diệu của trái tim cháy lôi cuốn họ. Bây giờ vẫn có người chết, nhưng họ chết không than vãn

và khóc lóc. Còn Đankô vẫn luôn luôn đi ở phía trước và trái tim anh vẫn cháy bùng bùng, sáng rực !

Bỗng nhiên, rừng giãn ra nhường lối cho anh, giãn ra và lùi lại ở phía sau, dày đặc và câm lặng, còn Đankô và tất cả đám người ấy lập tức chìm vào cái biển ánh sáng mặt trời và không khí trong lành được nước mưa gột sạch. Đông bão ở đằng kia, sau lưng họ, trên khu rừng, còn ở đây là mặt trời rực rỡ, thảo nguyên thở đều đều, cỏ ngời sáng vì những giọt mưa chói lọi như kim cương và sông lấp loáng ánh vàng ... Trời đã về chiều và dưới ánh hoàng hôn, sông đỏ như máu nóng hồi phụt ra từ bộ ngực bị xé rách của Đankô.

Chàng Đankô can trường và kiêu hãnh đưa mắt nhìn thảo nguyên bao la trước mặt, sung sướng nhìn khoáng đất tự do và bật lên tiếng cười tự hào. Rồi anh gục xuống và chết.

Đoàn người vui sướng và tràn đầy hy vọng, không nhận thấy Đankô đã chết và không thấy trái tim can đảm của anh vẫn cháy bùng bùng cạnh xác anh. Chỉ có một người vốn tính cẩn thận nhận thấy điều đó và sợ xảy ra chuyện gì không hay, liền dẫm chân lên trái tim kiêu hãnh ấy ... Trái tim tóe ra một loạt tia sáng, rồi tắt ngấm ... "

-Đấy, duyên do của những ánh lửa xanh thường xuất hiện trên thảo nguyên vào lúc trước cơn dông là như vậy !

Bây giờ khi bà lão đã kể xong câu chuyện cổ tích tuyệt đẹp của mình, thảo nguyên bỗng yên tĩnh lạ thường, như kinh ngạc về sức mạnh của chàng Đankô dũng cảm đã đốt cháy trái tim mình soi đường cho mọi người và chết mà không đòi hỏi gì cả.

Bà lão thiu thiu ngủ. Tôi nhìn bà cụ và nghĩ : "Trong trí nhớ cả bà lão còn lư lại bao nhiêu truyện kỳ diệu và biết bao nhiêu hồi ức nữa ?". Rồi tôi

nghĩ về trái tim cháy hùng vĩ của Đankô và về trí tưởng tượng của nhân loại đã sáng tạo nên biết bao nhiêu truyền thuyết đẹp đẽ và đầy khí phách.

    Gió thổi tung những manh áo rách và phơi trần bộ ngực khô đét của bà lão Idecghin đang thiếp đi mỗi lúc một say. Tôi kéo lại manh áo che cho tấm thân già lão và cũng nằm xuống cạnh bà. Thảo nguyên vắng lặng và tối om. Mây đen vẫn trôi trên trời, chậm chậm, tẻ ngắt ... Biển âm ì một điệu buồn bã.

## HAI MƯƠI SÁU ANH CHÀNG VÀ MỘT CÔ GÁI

Maxim Gorki  
www.dtv-ebook.com

### 2

...

Suốt ngày, từ sáng đến tối, một số người ngồi bên bàn, hai tay nhào bột dẻo quánh và lắc lư cho đỡ tốn công, còn trong lúc ấy, những người khác nhào bột với nước. Suốt ngày nước sủi réo trong thùng hấp bánh, nghe tư lự và buồn rầu, cái xéng của người thợ nướng bánh giận dữ cạo quèn quẹt vào đáy lò, thoăn thoắt hất từng mẫu bột hấp trơn chuội lên gạch nóng. Từ sáng đến tối, ở một mé lò, củi cháy rùng rục và ánh lửa đỏ rung rinh trên tường xưởng bánh, như cười thầm chúng tôi. Cái lò khổng lồ giống như cái đầu gớm guốc của con quái vật trong chuyện cổ tích - nó dường như từ dưới sân nhỏ lên, há hoác cái mồm rộng rục lửa, phì hơi nóng vào chúng tôi và nhìn công việc làm bất tận của chúng tôi bằng hai cái hõm đen ngòm phía trên trán (hai cái lỗ thông hơi). Hai cái hõm trứng hoáy, giống như hai con mắt tàn nhẫn và thờ ơ của con quái vật đó bao giờ cũng có cái nhìn đen tối như thế, dường như mệt mỏi không muốn nhìn những kẻ nô lệ, và vì không mong đợi tìm thấy ở họ một cái gì ra hồn người nên chúng khinh bỉ họ, cái khinh bỉ lạnh lùng của kẻ khôn ngoan.

Ngày nay sang ngày khác, trong bụi bột mì, trong bùn lầy mà chân chúng tôi tha ở ngoài sân vào, trong bầu không khí ngọt ngào nồng nặc, chúng tôi nặn bột mì làm bánh bơ, tẩm mỡ hôi của chúng tôi vào bánh. Chúng tôi căm ghét công việc của chúng tôi, ghét cay ghét đắng đến nỗi không bao giờ ăn những thứ chính tay mình làm ra, thà rằng ăn bánh mì đen còn thích hơn ăn bánh sữa. Ngồi hai dãy đối diện với nhau bên chiếc bàn dài, chín người này đối diện với chín người kia - suốt mấy giờ đằng đằng chúng tôi cử động tay và ngón tay như cái máy. Chúng tôi quen việc đến nỗi mỗi người đều biết rõ tất cả các nếp nhăn trên mặt bạn. Chúng tôi chẳng

có gì để nói với nhau, chúng tôi đã quen với tình trạng ấy và luôn luôn im lặng, nếu không chửi mắng nhau - bởi vì bao giờ cũng có cơ để mắng một con người, đặc biệt là mắng bạn. Nhưng cũng ít khi chúng tôi chửi mắng nhau: con người có thể phạm lỗi gì, nếu nó đáng dờ sống dờ chết, dờ dần như pho tượng, nếu mọi cảm giác của nó đã bị công việc nặng nhọc làm cho tê liệt. Nhưng sự im lặng chỉ đáng sợ và đau khổ với những người đã nói hết mọi điều và không còn gì để nói nữa, còn đối với những người chưa nói gì cả thì im lặng thật là đơn giản và dễ dàng... Đôi khi chúng tôi hát, bài hát của chúng tôi bắt đầu như thế này: trong lúc làm việc bỗng có người nào bật ra tiếng thở dài nặng nề của con ngựa mệt mỏi và khẽ cất tiếng hát một bài ca ngân nga. Điệu nhạc dịu dàng ai oán của những bài đó bao giờ cũng làm nhẹ bớt nỗi lòng của người đang hát. Một người trong bọn cất tiếng hát, còn chúng tôi thoát tiên lắng lắng nghe tiếng hát cô đơn của bạn. Tiếng hát tắt dần và lịm đi dưới mái hầm nặng nề, như ngọn lửa nhỏ của đồng lửa thảo nguyên giữa một đêm thu âm ướt, khi bầu trời xám xịt lơ lửng trên trái đất như cái mái nhà bằng chì. Rồi một người khác hát theo và bây giờ đã có hai giọng hát khe khẽ và buồn rầu bay bỗng trong không khí ngọt ngọt bị giam hãm trong cái hố chật chội của chúng tôi. Rồi bỗng nhiên, mấy giọng khác hát theo, tiếng hát cuộn lên như sóng, mạnh hơn, vang to hơn và dường như đẩy dịch những bức tường nặng nề, ẩm ướt của căn nhà tù đá này ra xa hơn.

Hai mươi sáu người cùng hát, những giọng oang oang đã quen đồng ca với nhau từ lâu tràn đầy xương thịt. Tiếng hát cảm thấy chật chội trong hầm nhà: nó đập vào thành tường đá, rên rỉ, khóc than và gieo vào lòng nỗi đau đớn mơn man, dịu dàng, làm sống lại tâm tình khơi gợi trong lòng những vết thương cũ, thức tỉnh cơn buồn... Những người hát thở dài nặng nề. Có người đột nhiên ngừng hát và lắng nghe các bạn hát hồi lâu, rồi lại hòa giọng mình vào làn sóng chung. Có người buồn rầu kêu lên: "ôi chao!" - rồi nhắm mắt hát, và có lẽ anh hình dung làn sóng âm thanh đậm đà, bao la ấy là con đường dẫn về một nơi xa xăm rục rờ ánh mặt trời - đó là con đường rộng lớn, và anh thấy mình đang đi trên con đường đó...

Lửa trong lò vẫn rung rinh, chiếc bàn xéng của người thợ nướng bánh, vẫn cạo quẹt vào gạch, nước vẫn lục ục trong thùng hấp và ánh lửa trên tường vẫn run rẩy như thế, vẫn cười không thành tiếng... Còn chúng tôi mượn lời người khác hát lên nỗi đau xót âm thầm của mình, hát lên nỗi buồn của những kẻ nô lệ. Chúng tôi sống như thế - hai mươi sáu con người - trong căn hầm của tòa nhà đá lớn, sống cực khổ đến nỗi có cảm giác như cả ba tầng của tòa nhà này đều xây hẳn trên vai chúng tôi...

...

Nhưng ngoài những bài hát, chúng tôi còn có một cái gì tốt đẹp mà chúng tôi yêu mến, và có lẽ, đối với chúng tôi, nó thay cho mặt trời. Ở tầng hai tòa nhà chúng tôi có một xưởng làm đồ thêu và trong số các cô gái thợ, có cô hầu phòng Tina mười sáu tuổi ở ngay tại đó. Mỗi sáng, một khuôn mặt nhỏ xinh xắn, hồng hào có cặp mắt xanh, vui vẻ đến áp vào ô kính trên cánh cửa lớn dẫn từ phòng ngoài vào xưởng thợ chúng tôi, và một giọng lanh lảnh, âu yếm gọi chúng tôi:

- Này, các anh chàng bị giam! Cho bánh sữa đây! Nghe thấy cái âm thanh trong trẻo ấy, tất cả chúng tôi đều quay lại và sung sướng, hiền hậu nhìn khuôn mặt thiếu nữ trong trắng đang mỉm cười với chúng tôi. Chúng tôi thích được thấy cái mũi dán vào kính và những chiếc răng nhỏ, trắng bóng lấp lánh dưới cặp môi hồng hé nở một nụ cười. Chúng tôi chen đẩy nhau, xô ra mở cửa cho cô, và kìa, cô vui vẻ biết bao, đáng yêu biết bao, bước vào phòng chúng tôi, giăng chiếc tạp dề ra, đứng trước cửa, cái đầu xinh xắn hơi ngoẹo sang bên, và luôn luôn mỉm cười. Bím tóc màu hạt dẻ của cô vừa to, vừa dài bắt qua vai, buông thõng trên ngực cô. Chúng tôi, những kẻ bẩn thỉu, tối tăm xấu xí, ở dưới thấp ngước lên nhìn cô - ngưỡng cửa cao hơn sáu bốn bậc. Chúng tôi ngẩng đầu lên nhìn cô và chúc cô một buổi sáng tốt đẹp, nói với cô những lời đặc biệt - những lời chúng tôi chỉ dành riêng cho cô. Trong lúc chuyện trò với cô, giọng nói chúng tôi dịu dàng hơn, những lời bông đùa cũng nhẹ nhàng hơn. Tất cả những gì chúng



tôi dành cho cô đều là những cái đặc biệt. Người thợ nướng bánh lấy trong lò ra một xúng bánh sữa ròn nhất và hồng nhất, khéo léo hắt lên vạt tạp dề của Tania.

- Cẩn thận đấy, kéo lão chủ vợ được thì rày! - Chúng tôi báo trước cho cô. Cô cười tinh quái, vui vẻ thét lên với chúng tôi:

- Tạm biệt các anh chàng bị giam! - Và cô biến mất nhanh như con chuột nhắt.

Chỉ có thể thôi... Nhưng sau khi cô đi, chúng tôi còn thích thú bàn tán về cô - chúng tôi nói những điều đã nói hôm qua trước kia... Sống mà xung quanh không có gì thay đổi thì thực là khó chịu và đau khổ, và nếu điều đó không giết chết tươi tâm hồn con người thì con người càng sống lâu, hoàn cảnh xung quanh không thay đổi càng dày vò nó... Chúng tôi luôn luôn nói những chuyện nhảm nhí về đàn bà, đến nỗi đôi khi chính chúng tôi cũng kinh tởm khi nghe những lời lẽ trơ trẽn, thô lỗ của mình. Điều đó cũng dễ hiểu, vì những người đàn bà mà chúng tôi biết có lẽ cũng không xứng đáng với những lời lẽ khác. Nhưng đối với Tania, không bao giờ chúng tôi nói những điều không hay về cô. Chẳng những không bao giờ một người nào trong chúng tôi dám chạm tay vào người cô, mà cô cũng chưa bao giờ phải nghe một lời bông đùa chớt nhả của chúng tôi. Có lẽ vì cô không ở lại lâu với chúng tôi: cô thoáng hiện trước mắt chúng tôi như một ngôi sao băng rồi biến mất. Nhưng cũng có lẽ vì cô nhỏ nhắn và rất đẹp, mà mọi cái đẹp đều khiến cho ngay cả những kẻ thô lỗ cũng phải kính nể. Thêm nữa, tuy công việc khổ sai đã biến chúng tôi thành những con bò đực đần độn, nhưng chúng tôi vẫn là người, và cũng như mọi người, chúng tôi không thể sống mà không tôn sùng một cái gì. Chúng tôi không còn ai tốt hơn cô, và ngoài cô ra, không còn ai để ý đến chúng tôi, những kẻ sống trong hầm nhà - không còn ai để ý đến chúng tôi, mặc dù trong căn nhà này có tới hàng chục người. Và cuối cùng - chắc hẳn đây là điều chủ yếu - tất cả chúng tôi đều coi cô như của riêng của chúng tôi, dường như cô chỉ sống nhờ vào

bánh sữa của chúng tôi. Chúng tôi coi mình có trách nhiệm cho Tania những chiếc bánh sữa nóng, và đối với chúng tôi, việc đó trở thành một lễ cúng hàng ngày hiến dâng một thần tượng, gần như một nghi lễ thiêng liêng và ngày càng làm cho chúng tôi gắn bó với cô hơn. Ngoài bánh sữa, chúng tôi còn khuyên Tania đủ điều: phải mặc ấm hơn, không nên chạy nhanh lên thang, đừng mang những bó củi nặng. Cô mủm mỉm cười, nghe chúng tôi khuyên bảo, cất tiếng cười đáp lại và không bao giờ nghe lời chúng tôi cả, nhưng chúng tôi không vì thế mà mếch lòng: chúng tôi chỉ cần tỏ ra quan tâm đến cô.

...

Cô thường nhờ chúng tôi việc này việc khác, chẳng hạn nhờ chúng tôi mở cánh cửa nặng vào hầm chứa đồ, bổ củi – chúng tôi sung sướng và thậm chí có phần hãnh diện giúp cô những việc ấy và tất cả những việc khác cô cần.

Nhưng, khi mọi người trong chúng tôi nhờ cô vá hộ chiếc sơ mi duy nhất của anh thì cô xì một tiếng khinh bỉ và nói:

- Lại thế nữa kia! Tôi mà lại đi... Không đời nào!

Chúng tôi chế nhạo anh chàng kỳ cục ấy một mẻ ra trò, và không bao giờ chúng tôi đòi hỏi cô điều gì nữa. Chúng tôi yêu cô, điều đó nói lên tất cả. Con người bao giờ cũng muốn gửi gắm tình yêu của mình vào một người nào đó, mặc dù đôi khi yêu mà lại đê nghệt làm vấy bẩn, hoặc có thể đầu độc cuộc đời người thân vì yêu mà không tôn trọng người yêu của mình. Chúng tôi phải yêu Tania, bởi vì chúng tôi chẳng còn ai để mà yêu nữa.

Đôi khi, có người trong chúng tôi không hiểu sao bỗng lý sự như sau:

- Tại sao chúng tôi lại nuông chiều con bé nhỉ? Nó có cái gì đáng được như thế, hả? Chúng tôi bận tâm đến nó quá nhiều!

Kẻ dám nói những lời như thế bị chúng tôi thuần phục nhanh chóng và thô bạo – chúng tôi cần có cái gì để yêu, và cái mà hai mươi sáu con người chúng tôi yêu, phải là cái bất di bất dịch đối với mỗi người, là vật thiêng liêng của chúng tôi, và bất cứ kẻ nào chống lại chúng tôi về điểm này – kẻ ấy là kẻ thù của chúng tôi. Có thể cái mà chúng tôi yêu chưa thực là tốt đẹp, nhưng chúng tôi có hai mươi sáu người, cho nên bao giờ chúng tôi cũng muốn cái mà chúng tôi quý trọng phải được những người khác coi là thiêng liêng.

Tình yêu của chúng tôi cũng nặng nề không kém lòng căm thù... và có lẽ chính bởi thế, nên một số kẻ kiêu hãnh quả quyết rằng lòng căm thù của chúng tôi đáng tán dương hơn tình yêu... Nhưng nếu như vậy thì tại sao họ không bỏ chúng tôi mà đi.

Ngoài xưởng làm bánh sữa, ông chủ chúng tôi còn có cái xưởng làm bánh mì. Nó cũng ở nhà này, chỉ cách cái hồ của chúng tôi một bức tường. Nhưng những người thợ làm bánh mì – họ có bốn người – xa lánh chúng tôi vì cho rằng công việc của họ sạch hơn công việc của chúng tôi. Họ cho rằng họ khá hơn chúng tôi, nên họ không lui tới xưởng chúng tôi, họ khinh miệt, chế nhạo chúng tôi khi gặp chúng tôi ngoài sân. Chúng tôi cũng không đến chỗ họ làm: ông chủ cấm chúng tôi đến vì sợ chúng tôi ăn cắp bánh mì có bơ. Chúng tôi không ưa bọn thợ làm bánh mì, vì ghen với bọn họ: công việc của họ nhẹ nhàng hơn, họ được trả công cao hơn chúng tôi, được ăn khá hơn, xưởng của họ rộng rãi, sáng sủa, và bọn họ người nào cũng rất sạch sẽ, khô mạnh. Tất cả chúng tôi người nào cũng vàng vọt và xám ngoét. Ba người trong chúng tôi mắc bệnh giang mai, một số người ho lao, một người tàn tật vì bệnh tê thấp. Những ngày lễ và lúc rảnh việc, họ mặc áo vét và đi ủng da cốt kết. Hai người trong bọn họ có phong cầm, và bọn họ thường tới vườn hoa thành phố dạo chơi. Còn chúng tôi thì quần áo rách rưới bẩn thỉu, chân quấn giẻ hay đi dép bện bằng vỏ cây, cảnh sát không cho chúng tôi vào vườn hoa thành phố: liệu chúng tôi có thể ưa được bọn thợ làm bánh mì không?

Thế rồi có lần, chúng tôi được biết rằng người thợ nướng bánh của họ bắt đầu nát rệu, bị chủ thải, ông chủ đã thuê người khác và người này nguyên là lính, mặc chiếc gi-lê bằng xa tanh, dùng đồng hồ có dây chuyền vàng. Chúng tôi lò mò muốn xem xem gã công tử này ra sao, và vì muốn nhìn thấy anh ta, chúng tôi chốc chốc lại chạy ra sân, hết người này đến người kia.

Nhưng rồi chính anh ta đến xưởng chúng tôi: lấy chân đá tung cửa, và cứ để cửa mở như thế, anh đứng ở ngưỡng cửa, mỉm cười nói với chúng tôi:

- Chúa phù hộ! Chào anh em.

Không khí lạnh ùa vào cửa như một đám khói dày đặc, quay cuồng dưới chân anh ta. Anh đứng trên ngưỡng cửa, từ trên cao nhìn xuống, và dưới bộ ria mép vàng hoe, xoắn lên một cách khéo léo chúng tôi thấy lấp lánh những chiếc răng vàng, to. Chiếc gi-lê anh mặc quả thực là loại đặc biệt: áo màu xanh, thêu hoa, óng ánh, còn cúc bằng thứ đá đỏ gì không rõ. Có cả sợi dây chuyền...

Anh ta đẹp trai, anh lính ấy, người cao lớn, khỏe mạnh, đôi má hồng hào, và cặp mắt to, sáng, nom dễ ưa: dịu dàng và thẳng thắn. Anh đội chiếc mũ trắng, hồ bột thật cứng, còn dưới chiếc tạp dề sạch tinh, không có qua một vết bẩn, lộ ra những mũi ủng nhọn, đôi ủng đúng mốt, đánh bóng lộn.

Anh thợ nướng bánh của chúng tôi lễ phép đề nghị anh lính khép cửa lại. Anh thông thả khép cửa và bắt đầu hỏi chúng tôi về chủ. Chúng tôi tranh nhau nói cho anh biết ông chủ của chúng tôi là một tên biển lận, một kẻ lừa bịp, là quân bất lương và thích hành hạ người khác, nghĩa là nói tất cả những gì có thể và cần phải nói về chủ, nhưng không thể viết ra đây được. Anh lính nghe, động đậy ria mép, và nhìn chúng tôi bằng cái nhìn dịu dàng, trong sáng.

- Ở đây lắm con gái thật... - Đột nhiên, anh ta nói.

Mấy người trong chúng tôi cất tiếng cười kính nể, những người khác nhìn mặt ra vẻ khoái trá, có người giải thích với anh lính rằng ở đây có chín ả.

- Vẫn dùng đấy chứ? – Người lính vừa hỏi vừa nháy mắt.

Chúng tôi lại cười, tiếng cười không to lắm và có vẻ ngượng ngùng... Nhiều người trong chúng tôi muốn tỏ ra cho anh lính thấy rằng họ cũng cừ khôi, hiên ngang như anh ta, nhưng không ai biết làm như thế nào, mà cũng chẳng ai làm được. Có người thú nhận, khẽ nói:

- Chúng tôi thì ăn thua gì...

- Ừ đúng các anh thì khó đấy! – Người lính thốt lên, giọng quả quyết, và chăm chú nhìn chúng tôi – Các anh coi bộ kém chững chạc, không có thứ... kém mã... nghĩa là không có cái mẽ ngoài. Đối với đàn bà thì vóc dáng phải ra trò... mọi cái đều phải tươm tất. Hơn nữa, đàn bà, trọng sức lực... Cánh tay phải như thế này này!

Người lính rút tay phải trong túi ra, giơ cho chúng tôi xem cánh tay xấn trăn đến khuỷu... Cánh tay trắng khỏe, phơn phớt một lớp lông tơ vàng ánh, lấp lánh.

- Chân, ngực, cái gì cũng phải rắn chắc... Thêm nữa phải ăn vận đúng cách... Như tớ đấy thì đàn bà họ mới yêu. Tớ không gọt, không rủ rê, tự họ nhảy đến bá cổ tớ, một lúc dăm ba ả...

Anh ngồi lên túi bột và kể chuyện một lúc lâu về việc đàn bà yêu anh như thế nào và đối xử với họ dạn dĩ ra sao, chúng tôi im lặng hồi lâu, nghĩ về anh và về những câu chuyện của anh. Nhưng rồi đột nhiên, không hiểu vì sao, tất cả chúng tôi cùng lao xao lên tiếng, và ai nấy đều lập tức thấy rõ ràng rằng tất cả chúng tôi đều thích anh ta. Con người giản dị và tốt lạ - đến ngồi nói chuyện một lúc rồi đi. Xưa nay chưa có ai đến với chúng tôi, chưa có ai nói chuyện với chúng tôi như thế, thân tình như bạn bè... Và chúng tôi

luôn luôn nói về anh, về những thành công sắp tới của anh trong việc làm thân với các cô gái khâu. Bọn này khi gặp chúng tôi ở ngoài sân thì hoặc là bậm môi bực tức lảng tránh, hoặc tiến thẳng tới trước chúng tôi, coi như không có chúng tôi trên đường đi. Còn chúng tôi bao giờ cũng chỉ ngắm nghía họ, cả khi họ ở sân cũng như khi họ đi qua cửa sổ hầm chúng tôi. Mùa đông họ đội mũ chùm và mặc áo choàng lông thú, áo và mũ đều xinh xắn, đặc biệt, mùa hè, họ đội mũ thêu hoa, tay cầm những chiếc ô xinh xinh sắc sỡ. Nhưng khi bàn riêng với nhau về các cô gái ấy, chúng tôi nói những lời mà nếu nghe thấy, thì họ đến phát điên vì xấu hổ và tức giận.

- Này, nhưng khéo mà cả Taniusca cũng bị gã làm hỏng mắt! – Anh thợ nướng bánh bỗng nói, vẻ lo ngại.

Tất cả chúng tôi đều im lặng, sững sốt vì những lời ấy. Chúng tôi phần nào đã quên Tani: cái dáng hình to lớn điển trai của anh lính dường như đã ngăn cách cô với chúng tôi. Rồi một cuộc tranh cãi âm ỉ nổ ra có người cho rằng Tania sẽ không chịu hạ mình đến mức ấy, những người khác quả quyết rằng Tania sẽ không cưỡng lại nổi gã lính, cuối cùng, có những người đề nghị nếu gã lính tán tỉnh Tania thì phải đánh gãy xương sườn gã... Cuối, tất cả chúng tôi quyết định là phải theo dõi anh lính và Tania, báo trước cho cô bé biết để dè chừng... Cuộc tranh cãi chấm dứt ở đó.

Gần một tháng qua, anh lính nướng bánh, đi dạo chơi với các cô thợ khâu, thường lui tới xưởng chúng tôi, nhưng không đả động gì đến những thắng lợi của anh mà chỉ xoắn ria mép và liếm môi một cách khoái trá. Tania sáng sáng vẫn đến xưởng chúng tôi lấy “những chiếc bánh sữa xinh xinh”. Cô vẫn như mọi khi: vui vẻ, đáng yêu, dịu dàng với chúng tôi. Chúng tôi thử nói với cô về anh lính: cô gọi anh ta là “chú bé mắt lồi” và đặt cho anh những biểu hiện buồn cười khác, điều đó làm chúng tôi yên tâm. Chúng tôi tự hào về cô gái của chúng tôi khi thấy các cô thợ thêu phải lòng anh lính. Thái độ của Tania đối với anh ta có phần nào cổ vũ tất cả chúng tôi, và dường như chịu ảnh hưởng của thái độ ấy, chính chúng tôi bắt

đầu khinh thường anh lính. Còn cô càng được chúng tôi yêu mến hơn. Sáng sáng, chúng tôi đón tiếp cô càng nồng hậu hơn.

Nhưng có lần, anh lính đến xưởng chúng tôi, hơi ngà ngà say, anh ngồi xuống và bật cười. Chúng tôi hỏi anh ta cười gì thì anh ta giải thích:

- Hai ả choảng nhau vì tớ... Lakita và Grusca... Họ cấu xé nhau mới gớm chứ, sao lại thế nhỉ? Ha ha ha! Một ả nắm tóc ả kia, quật ả kia xuống sàn ở phòng ngoài và cười lên trên... Ha ha ha! Các ả cào nhau... toạc cả mặt... thật chết cười! Nhưng tại sao bọn đàn bà không thể đánh nhau cho đường hoàng được nhỉ? Tại sao họ lại cào nhau? Hả?

Anh ta ngồi trên chiếc ghế dài, khỏe mạnh, sung sướng và cứ cười hô hố. Chúng tôi lặng thinh. Không hiểu sao lần này chúng tôi thấy khó chịu với anh ta.

- Ủ, tớ có số đào hoa thật, sao thế nhỉ? Thật đến chết cười! Cứ nháy mắt một cái là xong. Quý thật.

Đôi tay trắng lấp lánh những sợi lông tơ của anh ta giơ lên và vỗ đánh đét một cái vào đầu gối. Đôi mắt ngạc nhiên, thích thú của anh ta nhìn chúng tôi, dường như chính anh ta thực tình không hiểu tại sao mình lại may mắn đến thế trong những chuyện trăng hoa. Khuôn mặt phương phi, hồng hào của anh ta bóng lên đầy vẻ tự mãn và sung sướng, và anh ta luôn luôn liếm môi một cách khoái trá. Anh thợ nướng bánh của chúng tôi quẹt mạnh cái bàn xẻng vào bếp lò một cách cáu kỉnh và bỗng nói với vẻ giễu cợt:

- Quạt đổ những cây thông non thì chẳng cần sức lực gì ghê gớm lắm, nhưng cậu thử quạt đổ cây thông lớn xem nào...

- À, cậu nói với tớ thế đấy phải không? – Anh lính hỏi.

- Ủ, nói với cậu đấy.

- Thế là thế nào?

- Không có gì cả... tào lao thế thôi!

- Không, hãy khoan đã! Thế là thế nào? Cây thông nào?

Anh thợ nướng bánh của chúng tôi không đáp, thoãn thoắt đưa đi đưa lại cái bàn xẻng trong bếp lò, hất vào lò những chiếc bánh sữa đã hấp, móc lên những chiếc bánh nướng xong và lẳng thịch xuống sàn cho mấy thằng bé xâu vào những sợi dây gai. Dường như anh quên băng vệ bản khoán. Anh ta đứng lên, tới gần bếp lò, chẳng kể là có thể bị cán xẻng thúc vào ngực, vì cái xẻng lúc ấy đang thoãn thoắt đưa ngang đưa dọc trong không khí.

- Không, cậu nói đi – ai nào? Cậu chọc tức tớ... Cái thằng tớ ấy à? Không một ả nào thoát nổi tớ - khô-ông! Thế mà cậu lại khích tớ như thế...

Hình như anh ta bực tức thật... Có lẽ anh ta không có điều gì để tự hào, ngoài cái tài quyến rũ phụ nữ, có lẽ ngoài khả năng đó ra, trong con người anh ta không còn có cái gì có sức sống, và chỉ có nó mới cho phép anh ta cảm thấy mình là con người sống khá đặc biệt, thần kinh căng thẳng – chúng tôi chưa từng sống như thế bao giờ. Suốt mấy ngày ròng, chúng tôi tranh cãi với nhau, mọi người dường như tinh khôn lên, đâm ra lắm lời và bẻm mép hơn. Chúng tôi có cảm giác rằng chúng tôi đang đánh bạc với quỷ, mà tiền cược là Tania. Khi chúng tôi được những người thợ làm bánh mì cho biết gã lính bắt đầu “tán tỉnh Tania của chúng tôi” thì chúng tôi cảm thấy sung sướng và lý thú quá, đến nỗi thậm chí không nhận thấy rằng ông chủ lợi dụng sự phấn chấn của chúng tôi mà tăng thêm việc cho chúng tôi mười bốn phút bột một ngày đêm. Chúng tôi làm việc dường như không biết mệt là gì nữa. Chúng tôi nhắc đến Tania suốt ngày. Mỗi sáng, chúng tôi nóng lòng sốt ruột chờ đợi cô. Đôi khi chúng tôi tưởng tượng cô sắp vào chỗ chúng tôi – cô sẽ không còn là Tania ấy, Tania trước kia, mà sẽ là một người nào đó khác.



Nhưng chúng tôi không hề cho cô biết cuộc tranh cãi đã xảy ra. Chúng tôi cũng không hỏi han gì cô, vẫn trù mến và ân cần với cô như trước. Nhưng xen lẫn vào thái độ đó, đã có một cái gì mới mẻ và khác hẳn những tình cảm trước kia của chúng tôi đối với Tania – đó là sự tò mò sắc bén, sắc và lạnh như lưỡi dao thép...

- Anh em ơi! Hôm nay là hết hạn! - Một buổi sáng, người thợ nướng bánh nói khi bắt tay vào làm.

Chẳng cần anh nhắc chúng tôi cũng thừa biết, nhưng chúng tôi vẫn giật mình.

- Hãy để ý nhìn cô ta... sắp đến đây! - Người thợ nướng bánh nói.

Có người kêu lên, phàn nàn:

- Nhìn mà biết được ư?

Giữa chúng tôi lại bùng ra một cuộc tranh cãi sôi nổi ầm ĩ. Hôm nay, rốt cuộc chúng tôi sẽ được biết cái bình mà chúng tôi gửi gắm những gì tốt đẹp nhất của mình vào trong sạch đến mức nào và khó vấy bẩn đến mức nào. Sáng hôm ấy, lần đầu tiên, chúng tôi gần như cảm thấy tức thời rằng chúng tôi đang chơi một trò chơi lớn, rằng cuộc thử thách lòng trong sạch của các vị thần nhỏ bé của chúng tôi có thể tiêu diệt vị thần đó trước chúng tôi. Trong những ngày ấy, chúng tôi nghe nói gã lính kiên gan bám riết Tania, nhưng không hiểu sao, không người nào trong bọn chúng tôi hỏi cô xem cô đối với gã như thế nào. Còn cô, sáng sủa vẫn đến xưởng chúng tôi lấy bánh sữa như thường lệ và không có gì khác trước.

Hôm ấy, chẳng bao lâu chúng tôi đã nghe thấy tiếng cô.

- Các anh chàng bị giam! Tôi đã tới...

Chúng tôi vội vã mở cửa cho cô, và khi cô vào, trái với lệ thường, chúng tôi đón cô bằng sự im lặng. Chúng tôi trở mắt nhìn cô, không biết nói gì với cô và hỏi cô điều gì. Chúng tôi đứng trước mặt cô, một đám người khả nghi và lặng lẽ. Có lẽ cô ngạc nhiên vì cuộc gặp gỡ khác thường, bỗng nhiên chúng tôi thấy cô tái mặt đi, lo ngại và lúng túng tại chỗ, nghẹn ngào hỏi:

- Các anh làm sao... lạ thế?

- Thế còn cô? – Anh thợ nướng bánh cau có, xẵng giọng đáp lại, mắt vẫn nhìn cô chăm chăm.

- Chẳng sao cả...

- Nào, cho bánh đây, mau lên...

Trước kia chưa bao giờ cô giục chúng tôi.

- Còn kịp chán! - Người thợ nướng bánh nói, không nhúc nhích và mắt vẫn không rời khỏi khuôn mặt cô.

Thế là cô quay ngoắt đi và biến mất trong cửa.

Anh thợ nướng bánh cầm lấy xéng và điềm nhiên thốt lên, quay lưng về phía bếp lò.

- Gã lính gớm thật!... Thằng dê tiện!?

Chúng tôi như một bầy cừu, xô đẩy nhau tới gần bàn, lẳng lặng ngồi xuống và uể oải làm việc. Lát sau, có người nói:

- Người có lẽ vẫn còn...

- Này thôi đi! Đừng có nói lằng nhằng! – Anh thợ nướng bánh hét lên.

Tất cả chúng tôi biết rằng anh là người thông minh, thông minh hơn chúng tôi. Chúng tôi hiểu tiếng hét của anh là niềm tin vững chắc rằng gã lính thẳng cuộc... Chúng tôi buồn và lòng dạ rồi bời...

Mười hai giờ, vào giờ ăn trưa, gã lính tới. Vẫn như mọi khi, gã ăn vận diêm dúa, bánh bao, và vẫn như mọi khi, gã nhìn thẳng vào mắt chúng tôi. Còn chúng tôi thì ngượng nghịu nhìn gã.

- Nào, thưa các đấng hiền nhân, các ngài có muốn tôi cho các ngài thấy cái gan to của người lính không nào? – Gã nói và nhếch mép cười kiêu hãnh  
- Vậy thì xin mời các ngài ra phòng ngoài mà nhìn qua khe hở... hiểu chứ?

Chúng tôi ra và đè ép nhau, áp mặt vào những khe hở ở bức tường ván của căn phòng giáp sân. Chúng tôi chờ không lâu. Lát sau, Tania đi qua sân, dáng đi vội vã, vẻ mặt lo ngại, nhảy qua những vũng tuyết tan và bùn lầy. Cô biến mất sau cánh cửa hầm chứa đồ. Tiếp đó gã lính thong thả bước vào, vừa đi vừa huýt sáo. Hai tay gã thọc túi, ria mép động đậy...

Trời mưa, chúng tôi thấy những giọt mưa rơi xuống các vũng nước làm nước nhăn mặt. Hôm ấy trời ẩm thấp u ám. Một ngày rất chán ngán. Tuyết vẫn còn phủ trên các mái nhà, mà trên mặt đất đã lộ rõ những vết bùn thẫm. Ngay cả tuyết trên mái nhà cũng nhuộm một màu nâu bẩn mắt. Mưa rơi chậm chạp, tiếng mưa rơi rầu rĩ. Chúng tôi chờ, lạnh và khó chịu...

Gã lính ra khỏi hầm chứa đồ trước tiên. Gã đi thong thả trên sân, ria mép động đậy, tay thọc vào túi - vẫn như mọi khi...

Rồi đến Tania bước ra. Mắt cô... mắt cô ngời lên niềm sung sướng và hạnh phúc, môi cô mỉm cười. Cô đi như trong giấc chiêm bao, lão đảo, chân bước chập choạng...

Chúng tôi không thể bình tâm chịu đựng cái cảnh tượng ấy. Tất cả chúng tôi cùng đâm xô ra phía cửa, nhảy ra sân và huýt sáo, lớn tiếng mắng cô một cách độc ác, man rợ.

Cô giật nẩy mình, và khi thấy chúng tôi, cô đứng như bị chôn chân xuống bùn. Chúng tôi vây lấy cô, chửi mắng cô thậm tệ, tuôn ra những lời tục tĩu, nổi với cô những điều trớ trêu, không còn kiêng nể gì nữa.

Chúng tôi nói không to, thông thả, vì thấy rằng cô không bỏ đi đâu được, cô bị chúng tôi vây kín, và chúng tôi có thể tha hồ nhạo báng cô. Không hiểu sao chúng tôi không đánh cô. Cô đứng giữa chúng tôi, quay bên nọ, ngoảnh bên kia, nghe những lời lăng nhục của chúng tôi. Còn chúng tôi vẫn ném vào cô những lời bẩn thỉu và độc địa, mỗi lúc một nhiều và dữ dội hơn.

Màu đỏ ửng biến mất trên mặt cô. Cặp mắt xanh của cô, một phút trước còn chan chứa hạnh phúc, bây giờ mở to, ngực thở nặng nhọc và môi run run.

Còn chúng tôi vây lấy cô, trả thù cô, vì cô đã bóc lột hết của chúng tôi. Cô là của chúng tôi, chúng tôi đã phung phí tất cả những gì tốt đẹp nhất vì cô, mặc dù cái tốt đẹp nhất ấy chỉ là những mẫu vụn của những kẻ hành khất, nhưng chúng tôi có hai mươi sáu người, mà cô có mỗi một mình, cho nên chúng tôi dày vò cô đến thế nào cũng chưa xứng với lỗi của cô! Chúng tôi lăng nhục cô mới gồm làm sao!... Cô vẫn im lặng nhìn chúng tôi, mắt như điên, như dại và toàn thân cô run lên.

Chúng tôi cười, gào thét... gầm rú... Có những người ở đâu chạy đến vào hòa với chúng tôi... Có kẻ trong chúng tôi giật tay áo Tania...

Bỗng nhiên, mắt cô lóe lên: cô thông thả đưa hai tay lên đầu, vừa sửa lại tóc vừa nói thẳng vào mặt chúng tôi, lớn tiếng nhưng vẫn bình tĩnh: - Đáng thương cho các người, những kẻ bị giam khốn khổ!... Và cô tiến thẳng về phía chúng tôi, tự nhiên như không có chúng tôi trước mặt cô, dường như chúng tôi không cản đường cô. Vì thế, quả thực là không có người nào trong chúng tôi làm vướng lối đi của cô.

Sau khi đã khỏi vòng vây, cô không quay lại nhìn chúng tôi và nói thêm, giọng cũng to như thế, kiêu hãnh và đầy vẻ khinh bỉ:

- A, các người, đồ đê mạt, quân súc sinh...

Rồi cô bỏ đi, vươn thẳng người, xinh đẹp, kiêu hãnh.

Chúng tôi còn trơ lại ở giữa sân, trong bùn lầy, dưới trời mưa và bầu trời xám không có ánh mặt trời...

Rồi chúng tôi lẳng lặng trở vào cái hầm đá âm thấp của chúng tôi. Vẫn như trước kia, mặt trời không bao giờ nhìn vào cửa sổ chúng tôi, và Tania, không bao giờ đến nữa!...

# LÃO ARKHIP VÀ BÉ LIÔNKA

Maxim Gorki  
www.dtv-ebook.com

## 3

Phà vẫn chưa sang. Hai ông cháu nằm trong cái bóng rợp từ bờ sông dốc đứng hắt xuống và im lặng nhìn mãi dòng nước đục ngầu của sông Kubăng đang chảy xiết dưới chân. Liônka thiu thiu ngủ, còn lão Arkhip thì ngực cứ đang tức âm ỉ không sao chợp đi được. Trên nền đất màu nâu hẫm, hai bóng dáng rách rưới và co ro chỉ nổi lên mờ mờ như hai mô đất thảm hại, một to một nhỏ, hai khuôn mặt phờ phạc, đen đui và đầy bụi hoàn toàn ăn màu với những manh áo rách màu hung hung.

Cái thân hình xương xẩu dài thườn thượt của lão Arkhip nằm chắn ngang một dải cát hẹp chạy dọc ven bờ, giữa vách đất và dòng sông; thằng Liônka nằm ngủ thiu thiu bên sườn ông nó, người co quắp như con tôm. Liônka người nhỏ bé, mảnh khảnh: trong bộ quần áo rách tả tơi trông nó như một nhánh cây khô cong queo, bị gãy lìa ra khỏi thân cây là ông nó - một thân cây già cỗi khô héo đã bị dòng sông cuốn theo và tấp lên dải cát này.

Ông lão nằm chống khuỷu tay gối đầu, nhìn sang bờ bên kia tràn ngập ánh nắng và lác đác viền một dãy phong đại thưa thớt; sau mấy bụi cây thấp thoáng cái thành phà đen xìn. Ở đấy trống trải và tẻ ngắt. Cái dải xam xám của con đường cái từ bờ sông đi sâu vào thảo nguyên; nó thẳng tắp, khô khan, trông như có một cái gì tàn nhẫn, gieo niềm ngán ngấm vào lòng người.

Đôi mắt đục nhờ nhờ và chạy đầy những tia máu của ông già giữa đôi mi đỏ và sưng húp, luôn bứt rứt hấp háy, và khuôn mặt nhăn nheo dờ dẩn đi, biểu hiện một nỗi phiền muộn da diết. Ông lão thỉnh thoảng lại ho húng hắng như cố nín lại, rồi đưa mắt nhìn sang đứa cháu và lấy tay che

miệng. Tiếng ho nghe khản đặc, và cơn ho tức tối ngọt ngào buộc ông già phải ngồi nhòm người lên khỏi mặt đất, và nặn từ hai mắt ông ra những giọt nước mắt lớn.

Ngoài tiếng ho của ông già và tiếng sóng khê rì rào trên cát, trên thảo nguyên không còn một âm thanh nào nữa... Thảo nguyên chạy dài hai bên bờ sông, rộng mênh mông một màu hung hung đỏ, cháy xém dưới ánh nắng, và mãi tới phía chân trời, nơi đôi mắt già nua chỉ trông thấy lờ mờ, mới có một biển lúa mì vàng óng, lộng lẫy đang gợn sóng nhấp nhô, và đến nơi ấy, vòm trời xanh chói đâm thẳng xuống đất. Trên nền trời nổi lên bóng dáng dong dong của ba cây phong xa xa; trông như thể lúc cao lên, lúc lại thấp xuống, và nền trời với biển lúa ở phía sau cũng như dao động, nâng lên hạ xuống không chừng. Rồi đột nhiên tất cả đều khuất đi sau cái màn óng ánh như bạc của hơi đất thảo nguyên.

Làn hơi ấy, di động từng luồng, sáng ngời và hư ảo, đôi khi từ chân trời tràn đến gần sát bờ sông, và những khi ấy bản thân nó cũng dường như là một dòng sông đầu từ trên trời đột nhiên chảy xuống - từ một khoảng trời cũng trong trẻo cao thanh bình như nó.

Lúc bấy giờ, ông lão Arkhip, vốn chưa quen với hiện tượng này, dụi mắt, và buồn rầu nghĩ rằng cái nóng thiêu đốt và cảnh thảo nguyên này đang cướp mất thị giác của mình, cũng như nó đã làm tiêu tan những tàn lực cuối cùng của đôi chân.

Hôm nay ông thấy trong người khó chịu hơn hết thảy mọi hôm trong thời gian gần đây. Ông cảm thấy mình chẳng còn sống được bao lâu nữa, và tuy ông hoàn toàn đứng đờng trước cái chết đang đứng gần, không hề suy nghĩ lôi thôi, coi đó như một thứ sừ dịch không sao tránh khỏi, song ông cũng muốn chết xa nơi này, chết ở quê hương, và hơn nữa, nghĩ đến đứa cháu, ông lại thấy rối bời ruột gan. Rồi đây Liônka biết nương tựa vào ai?...

Ông lão tự hỏi câu này mỗi ngày đến mấy bận, và mỗi lần như thế trong lòng ông lại có cái gì thắt lại, lạnh buốt đi, và ông thấy chán ngán đến nỗi chỉ muốn trở về nhà, trở về xứ Nga ngay tức khắc...

Nhưng đường về Nga xa lắm...Đường nào thì cũng chẳng về được đến nơi, sẽ chết rấp đầu ở dọc đường. Ở vùng Kubăng này, người ta rộng lòng bố thí, dân ở đây sống khá giả, tuy khó tính và hay ngạo nghễ. Họ không ưa bọn ăn mày, bởi vì họ giàu có...

Đôi mắt đăm lẹ của ông lão dừng lại trên đứa cháu, và ông thận trọng đưa bàn tay sần sùi vuốt lên tóc nó.

Thằng bé cựa mình và ngược đôi mắt màu xanh nhạt, to và sâu có cái vẻ đăm chiêu chẳng hợp với tuổi nó chút nào, và trông lại càng to trên khuôn mặt gầy gò và rõ với đôi môi mỏng nhợt nhạt và cái mũi nhọn hoắt.

- Phà sang hồ ông? –nó hỏi, đoạn giơ tay lên che mắt, nó nhìn xuống dòng sông loang loáng ánh nắng.

- Chưa, chưa sang đâu cháu ạ. Nó vẫn đứng đấy. Nó sang đây làm gì kia chứ? Chẳng có ai gọi thì nó vẫn đứng đấy...-Ông lão Arkhip nói chậm chậm, tay vẫn vuốt tóc thằng bé- Cháu vừa ngủ đấy à?

Liônka quay quay cái đầu không rõ định gật hay lắc, rồi vươn vai trên cát. Hai ông cháu im lặng một lát.

- Giá biết bơi thì cháu tắm cái. –Liônka tuyên bố, mắt đăm đăm nhìn xuống dòng sông- Sông chảy xiết ghê quá! Ở ta chẳng có sông nào thế này. Sao nó cứ cuồn cuộn lên thế ông nhỉ? Nó chạy nhanh như thế nó sợ chậm trễ việc gì...

Và Liônka quay mặt đi không nhìn dòng nước nữa, vẻ bất bình.

Ông già nghĩ một lát rồi nói:



- Thế này nhé, bây giờ ta nới thắt lưng ra, nới hai cái lại, ông sẽ buộc vào chân cháu, cháu cứ xuống mà tắm...

- Thế-ế-ế thì...-Liônka dài giọng ra, vẻ thạo đời- Ông nghĩ thế nào đấy nhỉ? Ông tưởng nó không kéo nổi chắc? Rồi đến chết đuối cả hai mất.

- Thật đấy! Nó kéo tuột đi mất. Chà, chảy xiết thật...Chắc mùa xuân nước lũ to lắm. Úi chà!...Cỏ ở đây tha hồ tốt! Cỏ sẽ mọc mênh mông!

Liônka đang lúc không muốn nói chuyện, nó không trả lời ông, bốt năm đất sét khô, lấy tay nghiền nát thành bụi, vẻ mặt nghiêm nghị và đăm chiêu.

Ông lão nhìn cháu, nghĩ ngợi điều gì, đôi mắt nheo nheo lại.

- Đây nhé...-Liônka nói khẽ, giọng đều đều vừa nói vừa rây cho bụi rơi xuống- Bây giờ hòn đất này...Cháu cầm nó lên, xát nó ra, thế là thành bụi...chỉ còn những hạt nhỏ li ti, phải nhìn kỹ lắm mới trông thấy...

- Ừ, thế thì sao? –Ông lão Arkhip hỏi, rồi ho sù sụ, và qua làn nước mắt vừa úa ra, ông nhìn vào đôi mắt to, ráo hoảnh của thằng cháu đang sáng long lanh- Cháu nói thế là thế nào? –ông hỏi thêm khi cơn ho đã qua.

Thế đấy...-Liônka lúc lắc cái đầu- Là vì đất ở kia bao nhiêu! –Nó hất bàn tay chỉ sang bên kia sông- Trên mặt đất họ dựng bao nhiêu là nhà. Ông với cháu đã đi qua bao nhiêu là thành phố. Ghê thật! Mà đâu đâu cũng đầy những là người!

Rồi không nắm bắt được dòng tư duy của mình, Liônka lại im lặng ngẫm nghĩ và nhìn quanh quẩn bốn phía.

Người ông cũng im lặng một lát rồi ngồi sát lại cạnh cháu, âu yếm nói với nó:

- Cháu tôi không ngoan thật! Cháu nói đúng, tất cả chẳng qua chỉ là bụi, những thành phố, những con người, cả hai ông cháu ta cũng thế, toàn là bụi cả. Chao, Liônka, Liônka!... Cháu mà biết chữ nhỉ!...Cháu sẽ khá biết mấy nhưng rồi đây cháu sẽ ra sao?...

Ông lão ôm lấy đầu cháu áo vào ngực mà hôn.

- Khoan...-Liônka hơi linh hoạt lên một chút, vừa nói vừa né mái tóc vàng như chất lạnh ra khỏi những ngón tay sù sù, run rẩy của ông- Ông bảo sao? Bụi à? Thành phố cũng thế, cái gì cũng thế à?

- Thì Chúa đã sắp đặt như thế, cháu ạ. Tất cả đều là bùn đất, mà đất tức là bụi. Và trên mặt đất, cái gì cũng có lúc chết...Thế đấy “cho nên con người ta phải sống vất vả và nhẫn nhục. Như ông đây cũng chẳng còn bao lâu nữa là chết –ông lão chuyển đề tài và buồn bã nói thêm- Không có ông rồi cháu biết đi đâu?

Liônka vẫn nghe ông nó hỏi câu này luôn, nó đã chán ngấy cái trò ngồi suy tính đến cái chết. Nó im lặng quay mặt đi, bứt một cây cỏ gà cho vào mồm và thong thả nhai.

Nhưng đối với ông lão thì đây là một vấn đề luôn ám ảnh ông.

- Sao cháu cứ im thin thít thế? Không có ông bên cạnh nữa, cháu sẽ làm thế nào? –ông cúi sát xuống đưa cháu hỏi khe khẽ, rồi lại ho sù sụ.

- Cháu đã nói rồi...-Liônka nói giọng lơ đãng và có ý bực mình, mắt nguýt ông.

Nó không thích những cuộc chuyện trò như thế này cũng tại vì nó thường kết thúc bằng một cuộc cãi vã. Ông nó thường nói rất dài dòng về cái chết sắp tới. Lúc đầu Liônka còn chăm chú nghe. Sợ hãi trước cái tình cảnh mới lạ sẽ đến với nó, Liônka đã khóc. Nhưng dần dần nó đâm chán và không nghe ông nói nữa, quay ra nghĩ chuyện khác, và thấy thế, ông nó nổi

giận, phàn nàn là nó không thương ông, không biết quý những nỗi lo âu của ông, và cuối cùng trách Liônka mong cho ông chóng chết cho rảnh.

- Sao cháu nói rồi à? Cháu còn dại lắm, cháu không hiểu đời là thế nào đâu. Cháu được mấy tuổi nào? Mới mười một tuổi thôi. Lại mảnh khảnh thế kia, chẳng làm lụng gì được. Cháu biết đi đâu? Cháu tưởng sẽ có những người tốt họ giúp cháu? Nếu cháu có tiền ấy, thì họ sẽ giúp cháu tiêu, thế đấy. Còn đi xin thì ông đây, già cả thế này, cũng chẳng sung sướng gì. Bạ ai cũng phải cúi chào, van xin. Rồi người ta lại chửi mắng, có khi lại đánh đập nữa, người ta xua đuổi...Cháu tưởng họ coi kẻ ăn xin là con người chắc? Không bao giờ! Ông đã đi ăn mày mười năm nay, ông biết. Mỗi miếng bánh mì bố thí họ đánh giá đến nghìn đồng. Cho một cái là đã nghĩ ngay rằng cửa thiên đường đang mở rộng đón mình! Cháu có biết họ bố thí để làm gì không? Để cho cái lương tâm nó đỡ cắn rứt; để thấy đấy, anh bạn ạ, chứ không phải vì thương người đâu! Dúi cho nó một miếng, ấy là để bản thân mình ăn cho khỏi xấu hổ. Kẻ no đủ là một con thú. Và không bao giờ hẳn biết thương kẻ đói nghèo. Kẻ nó người đói vốn là hai kẻ thù, và suốt đời họ là cái gai trước mắt. Cho nên họ không thể nào thương nhau, hiểu nhau được.

Tủi giận và lo phiền đã làm cho ông lão hoạt bát hẳn lên. Một ông lão rung rung, đôi mắt già nua mờ đục đảo lia lịa giữa đôi mi đỏ, và những nếp nhăn trên khuôn mặt đen xạm sâu hẳn xuống.

Liônka không thích những lúc ông nó như thế và thấy lo sợ một điều gì không rõ.

- Cho nên ông mới hỏi, cháu sẽ làm gì trong cuộc đời này. Cháu ốm yếu thế kia mà cuộc đời thì như con thú dữ. Nó sẽ ăn thịt cháu ngay thôi. Mà ông thì không muốn thế...ông thương cháu lắm, bé ạ!...Ông chỉ còn mỗi mình cháu và cháu cũng chỉ còn mỗi mình ông...Ông làm sao mà đành tâm nhắm mắt được? Ông không thể bỏ cháu lại một mình mà chết được...Bỏ cháu cho ai?...Lạy Chúa!...vì đâu Chúa không rủ lòng thương hại kẻ bầy

tôi của Chúa? Sống cũng không nổi, mà chết cũng chẳng đành, vì còn phải che chở cho thằng cháu nhỏ. Đôi cánh tay già này đã bồng bế nó suốt bảy năm nay...Lạy chúa, xin Chúa cứu giúp con!...

Ông lão ngồi xuống và khóc òa lên, đầu gục xuống hai đầu gối run rẩy.

Con sông vội vã trôi về phía xa, sóng vỗ vào bờ rì rào như muốn dùng âm thanh đó át những tiếng nấc của ông già. Bầu trời không gợn bóng mây mìm một nụ cười rức rỡ, rơi xuống một hơi nóng thiêu đốt, bình thản lắng nghe những đợt sóng đục vỗ vào bờ.

- Thôi, ông đừng khóc nữa ông ạ, -mắt nhìn đi nơi khác, Liônka nói giọng nghiêm nghị, rồi ngoảnh mặt về phía ông, nó nói thêm:- Ông với cháu đã bàn hết mọi chuyện còn gì. Cháu sẽ có cách. Cháu sẽ vào làm cho một quán hàng nào đấy.

- Họ sẽ đánh đập cháu đến chết mất –ông lão rên rỉ qua nước mắt.

- Cũng có thể họ chẳng đánh đập gì đâu. Mà họ chẳng đánh đập được cháu đâu! –Liônka quát lên, vẻ bướng bỉnh- thế thì sao nào? Cháu không chịu để cho bạ ai muốn đánh đập gì cũng được đâu!

Nhưng đến đây chẳng hiểu tại sao Liônka im bặt một lát, rồi nói khe khẽ:

- Không thì cháu vào nhà tu...

- Vào nhà tu được thì còn nói gì! –Ông lão thở dài, gương mặt hoạt bát lên, rồi lại lên cơn ho tức co rúm cả người người lại.

Phía trên đầu hai ông cháu có tiếng quát tháo và tiếng bánh xe cót két.

- Phà-à-à đâu cho sang với nà-à-ào! - một cái họng lực lưỡng nào đấy làm rung chuyển không khí.

Cả hai ông cháu vợ bị gậy đứng phắt dậy.

Một chiếc xe giàn bốn bánh đang đi xuống bờ cát, bánh xe kêu cót két nhưc cả tai. Đứng trên xe là một người cô-dắc đôi chiếc mũ lông xù lệch hẳn sang một bên tai, đầu hất ra phía sau, đang há to mồm lấy hơi để gọi nữa, thành thử bộ ngực rộng và nở nang ưỡn hẳn ra phía trước. Hàm răng trắng bóng lấp lánh trong cái khung lụa của bộ râu đen mọc từ đôi mắt ran tia máu trở xuống. Sau chiếc áo sơ mi phanh ngực và chiếc áo ngoài khoác hở trên vai có thể trông thấy cái thân hình lông lá và rám nắng của hẳn. Và từ cả cái bóng dáng to lớn chắc nịch của hẳn cũng như từ con ngựa lang béo tốt và cũng to lớn lạ kỳ, từ bốn chiếc bánh xe cao nẹp vành sắt dày, đều toát ra một cảm giác no đủ, lực lưỡng, khỏe khoắn.

- Ê, ê! Phà-à-à!

Hai ông cháu cất mũ cúi rạp xuống chào.

- Chào các người! -người mới đến nói oang oang, đoạn nhìn sang bờ bên kia, nơi cái phà đang chậm chạp và vụng về ngoi ra từ đám bụi lau, rồi bắt đầu chăm chú ngắm hai người ăn xin- Ở Nga sang phải không?

- Thưa ngài vâng ạ! -Ông lão Arkhip nghiêng mình đáp.

- Ở bên ấy đói lắm phải không?

Hẳn nhảy xuống xe và bắt đầu nắm riết cái gì trong bộ dây thừng.

- Đến gián cũng chết đói.

- Hơ hơ! Cả gián cũng chết đói à? Thế tức là chẳng còn lại mẫu bánh vụn nào, các người chén sạch hết chứ gì? Ăn thì tài lắm. Nhưng làm thì chắc chẳng ra gì. Vì làm ra trò thì đói thế nào được.

- Thưa ông, đây cái chính là tại đất ạ. Đất nó không sinh sản được nữa. Chúng tôi hút hết màu mỡ rồi.

- Đất à? -người cô-dắc lắc đầu- Đất bao giờ cũng phải sinh sản chứ. Trời sinh ra đất là để sản sinh cho người ăn. Đừng có nói là tại đất, đây là tại hai cánh tay đấy. Tay tôi quá. Phải tay khá thì đá cũng mọc màu.

Phà cập bến.

Hai người côdắc khỏe mạnh, mặt đỏ ửng, đôi chân vạm vỡ tân vững trên sàn phà, chống mạnh phà vào bờ đánh sầm một tiếng. Phà va mạnh khiến họ lảo đảo. Họ ném dây thừng lên buộc phà, rồi nhìn nhau thở dốc ra.

- Nóng nhỉ? -người mới đến chạm tay lên mũ hỏi, miệng tươi cười để lộ hàng răng trắng.

- Ồ! -một trong hai người đưa phà đáp, hai tay thọc sâu vào túi quần, rồi đến cạnh chiếc xe giàn nhìn vào xe và ghéech mũi lên hít rõ mạnh.

Người kia ngồi bệt xuống sàn, vừa hăm hứ trong mồm vừa cười ửng.

Hai ông cháu Liônka xuống phà và dựa người vào thành phà nhìn mấy người cô-dắc

- Nào, cho sang thôi! -người có chiếc xe giàn ra lệnh.

- Thế trong xe không có món gì uống à? -người lúc này đến xem xét chiếc xe hỏi. Bạn hẳn đã cười xong một chiếc ửng, đang nheo mắt dòm vào trong ống.

- Chẳng có món gì đâu. Sao, sông Kubăng thiếu gì nước?

- Nước thì...ai nói chuyện nước?

-Thế thì chất cay hả? Đây không chở chất cay.

- Sao bác không mang theo một ít? -Hắn hỏi, vẻ nghi ngại, mắt nhìn xuống sàn phà.

- Nào thôi, cho sang đi chứ?

Người cô-dắc nhổ nước bọt vào tay và cầm lấy dây chèo. Người có chiếc xe giàn cũng đến giúp một tay.

- Thế còn ông lão, ông không đỡ hộ tí à? -Người chèo phà đang loay hoay với chiếc ủng quay sang bảo Arkhip.

- Tôi thì sao nổi hử anh? –ông lão lắc đầu, nói giọng thê thảm.

- Mà cũng chẳng cần. Họ thừa sức kéo.

Và như để thuyết phục cho ông lão thấy rõ lời mình mới nói là đúng, hắn nặng nề buông phịch người xuống và nằm dài ra sàn phà.

Bạn hắn uể oải chửi hắn một câu, rồi không thấy hắn trả lời gì, bắt đầu giẫm chân bước âm âm trên sàn, lấy sức đẩy phà đi.

Chiếc phà rung chuyển, lắc lư và từ từ lướt trên dòng nước. Sóng vỗ vào mạn phà khe khẽ róc rách.

Nhìn xuống nước, Liônka thấy chóng mặt một cách dễ chịu, và đôi mắt mỏi vì nhìn mãi luồng nước trôi nhanh, cứ buồn ngủ riu lại. Tiếng thì thầm khe khẽ của ông nó, tiếng dây chèo kêu kiu kịt và tiếng nước róc rách ru nó; nó muốn gục xuống thành phà mà ngủ, nhưng bỗng có cái gì giật mạnh làm nó ngã xuống.

Nó giương to mắt nhìn quanh. Hai người cô-dắc đang buộc phà vào một gốc cây bị cháy cụt trên bờ, nhìn nó cười ha hả.

- Sao, ngủ gật à? Thằng này yếu lắm. Ngồi lên xe tao đưa đến làng. Cả ông nữa, ngồi lên đi ông lão.

Ông lão lấy giọng mũi cảm ơn người cô-dắc, rồi vừa rên hừ hự vừa leo lên xe. Liônka cũng nhảy lên, và chiếc xe chuyển bánh trong một đám bụi đen và mịn khiến cho ông lão ho đến nghẹt thở.

Người cô-dắc cất tiếng hát. Bài hát có những âm thanh kỳ dị, những tiếng bị ngắt ở giữa chừng và kết thúc bằng một tiếng huýt. Nghe có cảm giác như người hát tháo các âm thanh ra từ một cái guồng như tháo chỉ và mỗi khi gặp phải gút lại giật đứt luôn.

Bánh xe kêu kút kít, nghe thê thảm, bụi quay cuồng từng đám, ông lão gục mái đầu ho liên tiếp, còn Liônka thì nghĩ đến chuyện chốc nữa vào làng lại phải đứng dưới các cửa sổ cất cái giọng mũi nghêu ngao: “Lạy Chúa Giê-su cơ đốc...” ...Rồi bọn trẻ trong làng lại trêu nó, rồi mấy mẹ đàn bà lại hỏi han đến là lôi thôi về chuyện ở Nga. Những lúc như vậy nhìn ông nó cũng chán lắm: ông nó ho dữ hơn, người còng thấp hơn, làm cho chính Liônka cũng thấy đau và khó chịu, và ông nó nói bằng một giọng thật là thê thảm, chốc chốc lại sụt sịt khóc, kể lể những chuyện chưa bao giờ xảy ra ở đâu cả... Ông nó bảo là ở Nga người chết đói lả lóc ở các ngã đường mà chẳng ai nhặt xác đem chôn, vì ai cũng đói lả ra... Thật ra hai ông cháu chưa hề gặp cảnh ấy ở đâu bao giờ. Chẳng qua nói như thế là để họ cho nhiều hơn. Nhưng ở đây thì của bố thì biết nhét vào đâu? Ở bên phía quê còn có thể đem bán lúa mì xin được, mỗi pút bốn mươi cô-pếch hay nửa rúp là chẳng khác chứ ở đây thì ai người ta mua cho? Đã nhiều khi phải đem những miếng rất ngon xin được bỏ trong bụi vứt ra đồng.

- Hai ông cháu định vào xin ở cái làng này chứ? - người cô-dắc vừa hỏi vừa nhìn qua vai hai cái bóng dáng co to ngồi sau xe.

- Đành phải thế thôi ông ạ! – ông lão Arkhip thở dài đáp.

- Ông đứng lên tôi chỉ chỗ tôi ở cho mà vào ngủ lại.



Ông lão cố đứng dậy nhưng lại khụy xuống, sườn va vào thành xe. Ông khẽ rên lên một tiếng.

- Chao ôi, già khom rom thế kia thì...-người cô-dắc lăm bẫm có ý thương hại- Thôi không cần, hễ đến lúc cần tìm chỗ ngủ lại thì ông cứ hỏi Tsorny, Andrây Tsorny, tức là tôi ấy. Bây giờ thì ông cháu xuống đi. Chào nhé!

Hai ông cháu đang đứng trước một lùm cây bạch dương và phong dương thấp thoáng sau các hàng đậu, và ở khắp nơi, bên trái cũng như bên phải, đều có những lùm cây tương tự mọc vút lên cao. Những khóm lá xanh đều phủ một lớp bụi xám, và trên những thân cây mập mập và thẳng tắp vỏ cây cứ nứt ra từng mảng mỏng vì nóng.

Thẳng tắp trước mặt hai ông cháu, giữa hai dãy hàng rào đan, chạy dài một lối đi hẹp. Họ bèn đi vào lối đó, với dáng đi thất thểu của những người đã đi bộ quá nhiều.

- Bây giờ ta đi thế nào Liônka nhỉ, cùng đi, hay mỗi người một ngã?- ông lão hỏi, và không đợi câu trả lời, ông lại nói thêm- cùng đi có lẽ hay hơn, cháu thì chả biết xin, họ cho ít lắm...

- Thì xin nhiều làm gì? Đẳng nào cũng có ăn được hết đâu mà...-Liônka đáp, giọng cầu nài, mắt lơ đãng nhìn quanh.

- Xin làm gì à? Thằng này gàn thật!...Nhờ có người mua thì sao? Còn để làm gì nữa! ...Để có tiền. Mà tiền thì to chuyện đấy cháu ạ; có tiền thì đến khi ông chết cháu chẳng đến nỗi nào.

Rồi ông lão cười âu yếm vuốt tóc cháu.

- Cháu có biết dọc đường ông để dành lại bao nhiêu không hả?

- Bao nhiêu? –Liônka thờ ơ hỏi.

- Mười một rúp rưỡi!...Cháu thấy chưa?

Nhưng món tiền cũng như cái giọng hân hoan của ông lão chẳng gây được ấn tượng gì đáng kể trong tâm trí Liônka.

- Chao! Thăng bé này! Ông lão thở dài- Thôi thế ta đi riêng vậy nhé?

- Đi riêng?

- Ừ...xong đến chỗ nhà thờ chờ ông nhé?

- Vâng.

Ông lão rẽ sang một cái ngõ ở bên trái, còn Liônka đi thẳng. Đi được mười bước nó đã nghe tiếng kêu rên của ông nó: “Lạy ông lạy bà đi qua đi lại...”. Tiếng kêu run rẩy, lạc điệu, nghe như thể có ai lấy bàn tay cào lên một phía đàn ghzti lên sai dây, chạm từ sợi to nhất đến sợi mảnh nhất. Liônka giật mình và rảo bước thêm. Bao giờ cũng vậy, hễ nghe tiếng ông nó xin là nó có cảm giác buồn buồn, khó chịu thế nào ấy, và những khi người ta không cho, thậm chí nó lại còn lặng người đi, chỉ lo ông nó khóc òa lên.

Bên tai nó còn văng vẳng những cung bậc run rẩy thảm hại của giọng ông nó đang van xin, hòa tan trong bầu không khí nóng nực và uế oải trùm lên xóm làng cô-dắc. Xung quanh im phăng phắc như thể đêm khuya. Liônka đến cạnh một dãy hàng rào và ngồi xuống dưới bóng rợp của một cây anh đào cành lá tỏa rộng ra đến ngoài đường. Đâu đây có tiếng của một con ong hay vù vù...

Bỏ cái bị trên vai xuống, Liônka gối đầu lên đấy và nhìn một lát trên trời qua đám lá rồi ngủ thiếp đi, được những bụi cây rậm mát và bóng của dãy hàng rào đan mắt cáo che khỏi mặt người qua đường.

Nó bừng tỉnh vì những âm thanh kỳ lạ rung lên trong bầu không khí đã dần dần mát dịu của buổi chiều tà. Có ai đang khóc cách nó không xa. Đây

là một tiếng khóc của trẻ con, lì lợm dai dẳng. Những tiếng nức nở tắt dần ở một cung bậc tỉ tê, âm đạm, rồi lại cất cao lên, to rống lên, mỗi lúc một gần. Nó ngẩng đầu lên và nhìn ra đường qua đám bụi cây.

Trên đường có một đứa con gái đang đi lại, khoảng chừng lên bảy, ăn mặc sạch sẽ, mặt đỏ ửng vì sưng húp lên vì khóc, chốc chốc lại lấy vạt váy trắng lau nước mắt. Nó bước đi chầm chậm, đôi chân không giầy kéo lê trên mặt đường tung lên một lớp bụi dày đặc. Rõ ràng là nó không biết nó đang đi đâu, và để làm gì. Đôi mắt to và đen của nó lúc bấy giờ ướt nhòe nước mắt, trông buồn rầu và giận dữ, đôi tai nhỏ, mỏng và hồng nhô ra một cách láu lỉnh từ những mái tóc xoắn màu hạt dẻ rũ xuống lò xoà trên trán, trên má và trên vai nó...

Liônka thấy con bé rất ngộ nghĩnh: tuy nó đang khóc, trông nó vẫn buồn cười và rất vui vẻ... Chắc cũng là một tay nghịch ngợm chẳng vừa!...

- Sao mà khóc thế? –Nó vừa đứng dậy vừa hỏi khi con bé đến ngang tầm.

Con bé giật mình dừng lại và lập tức im tiếng khóc, tuy vẫn còn thút thít khe khẽ. Nhưng rồi sau khi nhìn rõ Liônka vài giây, môi nó lại run lên, mặt nó lại mếu máo, ngực nó phập phồng và nó lại vừa khóc rất to vừa bỏ đi.

Liônka cảm thấy trong lòng có cái gì thắt lại, và đột nhiên nó cũng đi theo con bé.

- Thôi đừng khóc nữa. Nhớn rồi còn gì, xấu lắm! –chưa đuổi kịp con bé nó đã lên tiếng, và đến khi đi ngang hàng với con bé, nó nhìn vào mặt con bé và lại hỏi: -Sao, tại sao mà lại khóc hu hu lên thế?

- Phả-ả-ải –con bé nhè giọng ra- Mà thì biết gì? -rồi bỗng ngồi sụp xuống đường giơ hai tay bưng mặt và khóc thét lên.

- Dề! –Liônka khoát tay tỏ ý khinh bỉ- Đồ đàn bà. Đúng là đồ đàn bà. Mà thật!...

Nhưng điều đó chẳng giúp gì được cho ai, Liônka nhìn những giọt nước mắt nối đuôi nhau chảy qua mấy ngón tay thon nhỏ, hồng hào của con bé và cũng thấy buồn, cũng muốn khóc. Nó cúi xuống con bé, thận trọng giơ tay lên khẽ chạm vào tóc nó, nhưng lại lập tức sợ hãi vì thấy mình bạo quá, và rút tay lại. Con bé vẫn khóc và không nói gì.

- Này!...Liônka im lặng một lát rồi nói, lòng không sao cưỡng nổi ý thiết tha muốn giúp đỡ con bé – Sao mà khóc thế hả? Bị đánh phải không? Rồi sẽ qua thôi!...Hay có chuyện gì khác? Nói đi! Em bé bói đi nào!

Con bé, hai tay vẫn bưng lấy mặt, buồn bã lắc lư cái đầu, rồi cuối cùng qua những tiếng nấc, nó chậm rãi trả lời Liônka, đôi vai rung rung lên từng đợt.

- Cái khăn...đánh mất rồi!...Bố tớ đi chợ mua về...khăn màu xanh da trời có hoa, tớ trùm xong đánh rơi mất –nói đoạn nó lại òa khóc to hơn trước, mũi xẹt xẹt, miệng phát ra những tiếng “ồ, ồ, ồ” nghe rất lạ.

Liônka cảm thấy mình bất lực, không có cách gì giúp nó, bèn rút rờ ra một quãng và buồn rầu đưa mắt nhìn lên bầu trời đang tối dần, vẻ trầm ngâm. Nó thấy phiền lòng và rất thương cho con bé.

- Thôi đừng khóc nữa!...Có lẽ rồi sẽ tìm thấy thôi...-nó khẽ thì thầm, nhưng nhận thấy con bé không nghe những lời an ủi của nó, nó lại lùi xa hơn nữa, nghĩ rằng con bé thế nào cũng sẽ bị bố cho một trận nên thân vì cái tội đánh mất khăn này. Và nó lập tức tưởng tượng ra cái ông bố đó, một ông cô-dắc to lớn, râu tóc đen thui, đang đánh con bé, còn con bé thì khóc sặc sụa, người rung lên vì đau và sợ, đang vật vã dưới chân bố...

Nó đứng dậy bỏ đi, nhưng được dăm bước nó lại quay phắt trở lại đứng bên con bé, nép người vào dây rào và cố nhớ ra một câu nói gì thật ôn tồn,

âu yếm...

Nó bắt đầu nói mấy câu này khe khẽ, giọng khích lệ nhiệt thành, và rất mừng khi thấy con bé đứng dậy.

- Đây, có thể chứ!...-Nó mỉm cười hăng hái nói tiếp- cứ thế mà đi về nhé. Có muốn tớ đi theo về, kể đầu đuôi cho ở nhà nghe không? Tớ sẽ bênh cho, đừng sợ!

Và Liônka kiêu hãnh so đôi vai, đưa mắt nhìn quanh.

- Thôi đừng!...-con bé vừa thì thầm, vừa thong thả phủi bụi trên áo. Nó vẫn còn nấc.

- Tớ đi với nhé? –Liônka nói to, vẻ hoàn toàn sẵn sàng, và kéo chiếc mũ lưỡi trai lệch xuống mang tai.

Bây giờ nó đang đứng trước mặt con bé, hai chân chạng ra, khiến cho những mảnh giẻ rách trên người nó xù ra, trông như thể có một cái gì rất ngang tàng. Nó lấy gậy gõ xuống đất một cách cương quyết và nhìn đắm đắm vào con bé, đôi mắt lo và buồn ánh lên một cảm xúc tự hào và quá cảm.

Con bé gườm gườm nhìn Liônka, lấy tay quạt nước mắt trên mặt, rồi lại thở dài nói:

- Thôi đừng đi!...Mẹ tớ không thích ăn mày đâu.

Đoạn nó bỏ đi, dọc đường có quay lại nhìn hai lần.

Liônka thấy chán quá. Bằng những động tác rất chậm, nó dần dần thay đổi cái tư thế quả quyết đầy vẻ thách thức của nó ban nãy, người lại co ro lù lù, và vác cái bị vẫn xách trên tay lên vai, nó gọi với theo khi con bé đã khuất sau đoạn đường rẽ ngoặt:

- Thôi về nhé!

Con bé vừa đi vừa quay lại nhìn, rồi đi mất hút.

Chiều đang xuống dần và trong không khí lơ lửng cái cảm giác ngọt ngào nặng nề thường báo trước một cơn dông. Mặt trời đã xế bóng, và ngọn những cây phong nhuộm một màu hồng phơn phớt. Nhưng do những bóng sẫm của buổi chiều phủ trên lá cành những cây phong im lìm trông như có vẻ rậm hơn và cao hơn. Bầu trời cũng đã sẫm màu lại, nha làm bằng nhung, và trông như đã hạ thấp xuống gần mặt đất hơn. Xa xa có tiếng người nói xôn xao, và xa hơn nữa, ở phía bên kia lại có tiếng hát. Những âm thanh ấy, khẽ nhưng tròn trịa, dường như cũng thấm đượm một cái gì ngọt ngào.

Liônka càng thấy buồn chán hơn, và có cái cảm giác lo sợ mơ hồ. Nó muốn đi tìm ông nó, nó nhìn quanh một lát rồi rảo bước đi trên ngõ hẹp. Nó không muốn đi xin. Nó có cảm giác tim nó đập mau, rất mau trong lồng ngực, và không hiểu sao nó thấy đặc biệt ngại đi, ngại suy nghĩ. Nhưng hình ảnh con bé vẫn lớn vờn trong tâm trí nó, nó cứ nghĩ bụng: “Bây giờ con bé ra sao? Nếu là con nhà giàu thì nó sẽ bị đánh: bọn nhà giàu làm điều ác cả; nhưng nếu nó là con nhà nghèo thì có lẽ không sao...Nhà nghèo quý trẻ con hơn, vì còn mong chúng làm đỡ cho...” Hết ý nghĩ này đến ý nghĩ khác lần lượt diễn ra trong trí nó, và cái cảm giác buồn nhớ da diết, ê ẩm, như một cái bóng dõi theo những ý nghĩ của nó mỗi lúc một nặng nề hơn không chế nó một cách tàn nhẫn hơn.

Và bóng hoàng hôn cũng mỗi lúc một thêm dày đặc và ngọt ngào. Có mấy người cô-dắc, đàn ông có, đàn bà có, đi về phía Liônka. Họ đi ngang, không chú ý gì đến nó, vì đã quen những đợt người đói rách ở bên Nga kéo sang. Nó cũng thờ ơ đưa đôi mắt dờ dẩn nhìn những bóng đáng to béo, no đủ của họ và bước nhanh về phía nhà thờ, cây thập tự trên tháp chuông đang lấp lánh sau lùm cây trước mặt nó.

Có tiếng xôn xao của một đàn gia súc đi ăn về từ phía trước vắng lại. Và đây là ngôi nhà thờ, thấp và rộng, có năm chóp sơn màu xanh nhạt, xung quanh trồng một vòng cây phong, ngọn cao hơn cả mấy cây thập tự trên các chóp đang phản chiếu ánh tà dương, sáng lấp lánh một màu vàng diệp phơn phớt hồng qua đám lá xanh.

Và đây, ông nó đang đi về phía nhà thờ, lưng còng xuống dưới sức nặng của cái bị, tay giơ lên che trán nhón nhác nhìn quanh.

Phía sau ông nó có một người cô-dắc đội mũ sùm sụp che cả trán, chống chiếc gậy bước nặng nề từng bước dài.

- Sao, về bị không hả? –ông lão hỏi trong khi bước về phía thẳng cháu đã dừng lại đợi ông bên hàng rào nhà thờ- Còn ông thì xem đây này, vô khối! -Đoạn ông lão vừa rên hừ hừ vừa bỏ cái bị vải thô đầy ăm ắp xuống. Chà, ở đây họ cho hậu lắm! Bờ thật cơ!...Ấy, sao trông cháu phụng phịu thế kia?

- Cháu đau đầu...-Liônka vừa đáp khẽ vừa buông mình ngồi xuống cạnh ông.

- Sao?...Mệt hả...Kiệt sức rồi sao?...Ta sẽ đi kiếm chỗ nghỉ đêm ngay bây giờ. Cái ông cô-dắc ban chiều tên là gì ấy nhỉ?

- Andrây Tsorny.

- Ta cứ thế mà hỏi thăm: đây có nhà ông Andrây Tsorny ở chỗ nào ấy nhỉ? Có người đang đi lại đây kia kìa...Đúng...dân ở đây tốt thật, họ no đủ lắm! Mà toàn là bánh bột mì trắng. Xin chào ông ạ!

Người cô-dắc đến sát hai ông cháu và chậm rãi buông một tiếng “Chào!” đáp lại lời chào của ông lão.

Rồi hai chân đứng chạng ra, người ấy chăm chăm nhìn hai ông cháu ăn mà bằng đôi mắt to không hề biểu lộ một cảm xúc nào hết, và im lặng đứng gãi.

Liônka tò mò nhìn hẳn, ông lão nhấp nháy đôi mắt già nua như muốn dò hỏi, nhưng người cô-dắc vẫn im lặng, rồi cuối cùng, hẳn thè lưỡi ra đếm một nửa, lấy đầu lưỡi cố với cho được cái đầu ria mép. Sau khi đã hoàn thành cái kỳ công này, hẳn lại dùng lưỡi lôi đầu ria mép vào mồm, nhai nhai một lát, rồi lại dùng lưỡi đẩy đầu ria mép ra và cuối cùng chấm dứt sự im lặng đã trở nên nặng nề, uể oải buông mấy tiếng:

- Thôi, ta đi về đồn đi!
- Sao lại thế? –ông lão giật mình.

Liônka cảm thấy có cái gì run bắn lên trong người.

- Phải về...Có lệnh. Thôi, đi!

Hẳn quay lưng trở lại và toan bỏ đi, nhưng khi ngoảnh lại thấy cả hai ông cháu đều không nhúc nhích, hẳn lại nói, nhưng lần này nói to như quát và giọng giận dữ:

- Còn đợi cái gì nữa hả?

Lúc bấy giờ hai ông cháu mới hấp tấp đi theo hẳn.

Liônka chăm chăm nhìn ông. Thấy hai môi ông nó rung rung, cái đầu giật giật, hai mắt sợ sệt đảo quanh và nhanh nhẹn cho tay vào bụng sờ sờ cái gì trong áo. Liônka linh cảm thấy ống nó đã lại làm chuyện gì bậy bạ như hồi nào ở Taman. Liônka hồi tưởng cái vụ Taman mà bủn rủn cả người. Hồi ấy ông nó vào sân nhà người ra lấy cặp mấy thứ quần áo lót và bị người ta bắt được, trong người còn mang các thứ đó. Người ta chế giễu, chửi bới, đánh đập cho nữa, và cuối cùng đang đêm họ đuổi thẳng ra khỏi làng. Hai



ông cháu nghỉ đêm đầu trên một bãi cát ở bờ eo biển, và suốt đêm hôm ấy biển động gầm gừ như dọ nạt...Cát kêu lên ken két dưới những lớp sóng dồn...ông nó suốt đêm rên rỉ và thầm thì cầu nguyện Chúa, tự xỉ vả là đồ trộm cắp, và xin Chúa tha tội cho.

- Liônka...

Liônka giật mình vì một cái huých nhẹ vào sườn và ngược mặt nhìn ông. Mặt ông nó dài thuôn ra, khô đét, xám xịt và cứ run bần bật.

Người cô-dắc đi trước khoảng năm bước, hút tẩu thuốc, luôn tay lấy cái cây gậy quất đứt đầu những ngọn ngư bàng ở bên đường và không hề ngoảnh lại nhìn.

- Này, cầm lấy cái này!...Ném vào bụi...mà phải nhớ chỗ đấy...sau còn quay lại tìm...-ông lão thì thầm rất khẽ vừa đủ nghe và vừa đi vừa nhích sát vào thằng cháu, dúi vào tay nó một cái gì bằng vải vo tròn lại.

Liônka tránh ra, nó run bắn lên vì sợ, người lạnh toát đi và nhích sát dẫy rào bên cạnh dưới đường nơi bụi bờ mọc rậm rạp. Hai mắt dán chặt vào lưng người cô-dắc đi áp giải, nó đưa tay về phía vệ đường, nhìn cuộn vải một cái rồi ném nó vào bụi rậm.

Cái cuộn vải rơi xuống mở tung ra, và trong khoảnh khắc, Liônka thoáng thấy cái khăn trùm hoa màu xanh da trời, rồi hình ảnh này lập tức nhường chỗ cho bóng dáng con bé vừa đi vừa khóc hồi nãy. Nó hiện ra trước mắt Liônka như người thật, che mờ cả người cô-dắc, cả ông nó lẫn mọi vật xung quanh. Những tiếng nức nở của con bé lại vang lên rõ mồn một bên tai Liônka, và nó ngỡ chừng như trước mặt nó những giọt nước mắt trong vắt của con bé đang thi nhau rơi xuống đất.

Trong cái trạng thái gần như mê đó, nó theo sau ông nó vào đồn gác, nó nghe những tiếng xì xồ mà nó không thể và không muốn phân biệt ra là tiếng của ai, đang nói gì; như qua một màn sương mù, nó trong thấy những

mẫu bánh mì và thức ăn trong bị ông nó đổ ra chiếc bàn lớn, chạm vào mặt bàn kê lịch bịch... Rồi có những cái đầu đội mũ chụp cao cúi trên những mẫu thức ăn ấy; đầu và mũ đều có vẻ cau có, lăm lăm, và qua lớp sương mù bao phủ xung quanh, nó gật gù, lắc lư như đe dọa một điều gì khủng khiếp... Rồi bỗng dưng ông nó giọng khàn khàn lẩm bẩm cái gì không rõ, quay tít đi như con quay trong hai gã cô-dắc lực lưỡng.

- Oan cho tôi lắm, bà con chính giáo ạ!... Quả tôi oan, có đức Chúa trời chứng giám ạ!... Ông nó kêu thét lên.

Liônka khóc òa và ngồi sụp xuống sàn.

Thế là họ lại quay sang nó. Họ xách nó lên, đặt nó ngồi vào chiếc ghế dài đặt sát vách và lục lọi khắp những tấm giẻ rách mặc trên tấm thân nhỏ bé gầy gò của nó.

- Cái mẹ Đamilovna lại nói nhảm chứ gì! – có ai quát lên, cái giọng ồ ồ găt gỏng như tát vào tai Liônka.

- Nhờ chúng nó giấu ở chỗ khác thì sao? – có người quát lại giọng còn to hơn nữa.

Liônka có cảm giác như tất cả những âm thanh ấy đánh tới tấp vào đầu nó, nó sợ quá ngất đi, tưởng chừng như lao xuống một cái vực đen ngòm không đáy.

Khi nó tỉnh dậy, đầu nó đặt trên đùi ông nó, thảm hại và nhăn nheo hơn bao giờ hết, và từ đôi mắt hấp ha hấp háy một cách sợ sệt của ông nó nhỏ xuống trán nó những giọt nước mắt nho nhỏ dùng đục lặn qua má nó, tuôn xuống cổ nó, gây một cảm giác buồn buồn...

- Tỉnh chưa cháu? Ta đi khỏi nơi này thôi. Ta đi đi, chúng nó thả cho đi rồi, cái quân đáng nguyên rủa ấy!

Liônka nhòm dậy. Nó có cảm giác như có ai đã đổ một chất chì rất nặng vào đầu nó và cái đầu chỉ chực rời cổ rụng xuống...Nó giơ hai tay lên ôm lấy đầu và lão đảo hết xiêu sang bên này lại chúi sang bên nọ, mồm rên khe khẽ.

- Đau đầu lắm hả cháu? Cháu yêu của ông!...Chúng nó hành hạ ông cháu mình đến tàn tệ...Đồ thú vật! Đấy cháu xem, có ai đánh mất một con dao găm, với lại con bé đánh mất một chiếc khăn trùm, ấy thế là chúng nó đổ lên đầu ông cháu mình!...Ôi, lạy Chúa!...Chúng con có tội tình gì mà phải chịu trừng phạt như vậy?

Cái giọng rè rè của ông lão như cứa vào Liônka, và nó có cảm giác như trong người nó đang nhóm lên một tia lửa rất bỏng khiến nó phải tránh xa ông nó. Nó dịch ra và đưa mắt nhìn quanh.

Hai ông cháu đang ngồi ở lối vào làng, dưới bóng tối dày đặc của một cây đà dương xù xì. Đêm đã xuống, trời sáng trắng, và ánh trăng màu sữa long lanh tia bạc tràn ngập cánh thảo nguyên bằng phẳng, dường như thu nhỏ nó lại so với lúc ban ngày, làm cho nó đẹp hơn, và vắng hơn, buồn hơn nữa. Từ nơi thảo nguyên hòa lẫn với vòm trời, những đám mây đen ùn lên và im lặng tỏa dần trên thảo nguyên, che lấp mặt trăng và chiếu bóng mây nằm dán chặt xuống đất, chặm rãi và tư lự trườn đi rồi bỗng mất hút, như thể chui xuống lòng đất qua những khe rạn nứt của cánh đồng bị nắng thiêu đốt...Từ phía làng vắng vắng đưa lại những tiếng nói, và đây đó lập lờ những ánh đèn như thể đang nháy nhau với những vì sao xanh biếc.

- Đi thôi cháu ạ!...Phải đi thôi –ông lão lại nói.

- Ngồi thêm chút nữa đã! Liônka đáp khẽ.

Nó rất thích thảo nguyên. Ban ngày, đi trên thảo nguyên, nó thích nhìn về phía trước, về nơi vòm trời tựa vào tấm ngực mênh mênh của thảo nguyên. Nơi ấy, nó tưởng tượng ra những thành phố lớn kỳ diệu, dân toàn là

những người tốt bụng chưa từng thấy, chẳng cần ngửa tay van xin gì... Và khi thảo nguyên, mỗi lúc một mở rộng ra trước mắt nó, bỗng nhiên để lộ ra một thôn cô-đắc mà nó đã quen thuộc vì nhà cửa cũng như người đều giống hệt như thôn nó đã từng đi qua, thì nó lại thấy buồn buồn và giận vì đã mắc lừa như vậy.

Và giờ đây nó cũng trầm ngâm nhìn về phía xa, nơi những đám mây đen đang từ từ ùn lên. Nó tưởng tượng đó là những đám khói bốc lên từ hàng ngàn chiếc ống khói của thành phố mà nó hằng mong ước đến... Một cơn ho khàn của người ông cắt ngang dòng suy nghĩ của nó.

Liônka nhìn đăm đăm vào gương mặt ướt đẫm nước mắt của ông nó đang cố hít lấy không khí.

Ánh trăng chiếu lên gương mặt ấy những cái bóng lốm đốm kỳ dị hắt từ vành mũ, hắt ra từ đôi lông mày và bộ râu xơ xác, với cái miệng đang mếu máo trong cơn ho và đôi mắt mở rộng sáng long lanh một nỗi hân hoan thầm kín nào đây, -gương mặt trông thật khủng khiếp, thảm hại, gợi lên trong lòng Liônka một cảm giác mới lạ, khiến nó nhích xa ông hơn nữa.

- Ngồi thì ngồi!...-ông lão lẩm bẩm, rồi thò tay moi trong vạt áo, miệng nở một nụ cười ngu độn.

Liônka ngoảnh đi và lại bắt đầu nhìn về phía xa.

- Liônka!...Xem đây này!...-ông nó bỗng nói, giọng hoan hỉ, và người gập hẳn lại vì cơn ho nghẹt thở, chìa ra cho nó xem một vật gì dài dài, sáng loáng.

- Cán bạc đấy cháu ạ! Bạc cơ chứ! Phải đến năm mười rúp chứ chẳng chơi!...

Tay và môi ông lão run bần lên vì lòng tham và vì cơn ho đau nhói và cả khuôn mặt ông cứ giật giật lên từng đợt.

Liônka giật mình, đẩy tay ông ra:

- Cát đi ông! Cát nhanh đi! –Nó thì thào van lơn, mắt hốt hải nhìn quanh.

- Thì cháu sợ cái gì nào? Sợ gì cháu? Thằng này ngốc quá!...Ban chiều ông nhìn vào một cửa sổ, thấy treo đấy, thế là ông vớ luôn cho vào áo... xong đem giấu vào bụi. Lúc ra khỏi làng, ông giả vờ đánh rơi cái mũ, cúi xuống nhặt và lấy luôn...Chúng nó ngu lắm!...Cả cái khăn ông cũng lấy được rồi, nó đây này!...

Ông lão đưa hai bàn tay run run vào bụng moi cái khăn nhét trong mớ giẻ rách và rũ rũ trước mặt Liônka.

Màn sương mù trước mặt Liônka rách toang ra, và trước mặt nó hiện lên cái cảnh hai ông cháu đi thật nhanh trên đường làng, tránh những khốe mắt những người qua lại, đi một cách sợ sệt, và Liônka có cảm giác là bất cứ ai muốn cũng đều có quyền đánh đập hai ông cháu, nhổ nước bọt vào mặt, chửi bới...Mọi vật xung quanh những dãy rào, những ngôi nhà, những cây cối đều lão đảo ngả nghiêng trong một lớp sương mù kỳ dị, như thể bị gió lay...và văng vẳng nghe những giọng nói giận dữ, gặt gồng...Con đường khổ ải ấy dài vô tận, và sau cái khối nhà lão đảo ấy không thấy đâu là lối ra khỏi làng. Cái khối nhà ấy khi thì nhích lại gần như muốn đè bẹp hai ông cháu nó, khi thì lại lùi ra xa đến tận đâu đâu, những khung cửa sổ đen ngòm như cười vào mặt ông cháu nó...Và từ một cửa sổ bỗng có tiếng nói lạnh lạnh: “Quân ăn cắp! Hai thằng ăn cắp! Thằng bé ăn cắp!...” Liônka lăm lét liếc nhìn sang thấy trong khung cửa sổ ấy có cái con bé mà ban chiều nó đã gặp và muốn bênh vực. Con bé bắt gặp nó nhìn trộm liền thè lưỡi ra trêu nó, và đôi mắt xanh của con bé sáng lên một cách giận dữ và đanh ác, nó xói vào tim Liônka như một mũi kim.

Cái cảnh ấy sống lại trong trí nhớ của Liônka rồi lại biến đi trong phút chốc, để lại trên môi một nụ cười cay độc mà nó ném vào mặt ông nó.

Ông lão vẫn lúng búng vừa nói vừa ho, hai tay khua khua, lắc đầu và quệt mồ hôi đang toát ra từng giọt lớn trên nếp nhăn sâu hằn lên trên khuôn mặt.

Một đám mây đen nặng nề, rách rưới và bồm xồm che khuất mặt trăng, và Liônka hầu như không trông thấy mặt ông nó nữa... Nhưng trong tưởng tượng nó đặt con bé mất khăn bên cạnh ông nó gợi hình ảnh con bé lên trước mặt như để so đo với hình ảnh của ông nó. Ông lão khom rọm già yếu, tham lam và rách rưới, bên cạnh đứa con gái bị ông xúc phạm, ràn rụa nước mắt nhưng khỏe mạnh, tươi mát, xinh đẹp, nó trông ra thật là thừa và cũng gần độc ác và bẩn thỉu như lão Kô-sây trong truyện cổ tích. Làm sao lại có thể như thế? Tại sao ông nó lại được xúc phạm đến con bé? Ông nó có phải là người thân thuộc gì với con bé đâu?

Trong khi ông lão vẫn the thé:

- Giá để giành được trăm rúp, thì ông chết cũng yên lòng...

- Thôi đi!...-trong lòng Liônka bỗng có cái gì bùng lên- Ông im đi! Chết với chả chết mãi... Ông có chịu chết cho đâu... Ông đi ăn cắp!...-Liônka thét lên và bỗng đứng phắt dậy, người run bần bật- Lão già ăn cắp!...Ồi dào! -rồi nắm chặt bàn tay nhỏ bé khô khan lại, nó lay lay quả đấm trước mũi ông lão đã im bật, và lại buông mình rơi phịch xuống đất, rồi nói tiếp qua kẽ răng- Đi ăn cắp của trẻ con...Chao ôi, thật là giỏi giang!...Giá đời mà cũng thế...Xuống địa ngục rồi ông sẽ phải đền tội này!...

Bỗng nhiên cả cảnh thảo nguyên rung chuyển và rục lên một ánh sáng xanh lè chói chang, rộng hằn ra...Màn đêm bao phủ lên thảo nguyên giật mình và biến đi trong chốc lát...Một tiếng sấm nổ rồi chuyển đi âm âm trên thảo nguyên, lay chuyển cả mặt đất lẫn bầu trời phủ đầy những đám mây đen đang bay nhanh, dìm hấn cả mặt trăng.

Trời tối mịt. Xa xa có một tia chớp lóe lên, im lặng nhưng vẫn dữ dội, rồi một giây sau lại có tiếng sấm yếu ớt rên rĩ. Rồi cảnh vật lại chìm trong im lặng, một cõi im lặng tưởng chừng như vô tận.

Liônka làm dấu. Ông nó ngồi im lặng không nhúc nhích như thể đã gấu chặt vào thân cây đang dựa.

- Ông ơi!...Liônka thì thào sợ hãi chờ đợi một tiếng sấm sắp tới- Ta vào trong làng đi!

Bầu trời lại rung chuyển và lóe sáng xanh lè, ném xuống mặt đất một tiếng nổ dữ dội như một vật kim khí giáng mạnh xuống, ngỡ chừng như hàng ngàn tấm sắt xô vào nhau, đổ ào xuống đất...

- Ông ơi!...Liônka kêu lên.

Tiếng kêu của nó bị tiếng sấm dội át đi, nghe như tiếng ai đánh vào một cái chuông nhỏ đã rạn vỡ.

- Ông ơi!...-Liônka kêu lên.

- Sao đấy...Sợ hả...-ông lão nói giọng khàn khàn, người không nhích nhích.

Những hạt mưa lớn bắt đầu rơi xuống và rào rào nghe huyền bí như thể đang cảnh cáo một điều gì. Phía xa nó đã lớn lên thành một âm thanh dày đặc, bao la, như tiếng một bàn chải khổng lồ chà lên mặt đất khô ran, còn ở đây, chỗ hai ông cháu đang ngồi, mỗi giọt mưa rơi xuống đất phát ra một tiếng động ngắn và gọn, tắt đi không một tiếng vang. Những tiếng sấm mỗi lúc một gần và những tia chớp lóe lên mau hơn.

- Tao không vào làng đâu! Cứ để cho con chó già này, thằng ăn cắp này ngồi đây cho mưa nó dìm, cho sét nó đánh chết đi!...-ông lão vừa thở hỗn

hեն vừa nói- Tao không vào!.. Mà cứ vào một mình đi!...Nó ngay thôi...  
Đi đi!...Tao không muốn mà ngồi đây...Đi đi...Đi đi!...

Ông lão lúc này đã quát lên, giọng khản đặc.

- Ông ơi!...Ông tha lỗi cho cháu! –Liônka nhích lại gần ông van lơn.

- Tao không đi...Tao không tha thứ...Tao nâng niu mà suốt bảy năm trời! Cái gì cũng vì mà, sống vì mà. Tao có cần gì đâu?... Tao chết đến nơi rồi...Tao chết đây. Thế mà mà bảo tao là đồ ăn cắp... Vì sao tao phải ăn cắp? Vì sao mà...bấy nhiêu cũng chỉ vì mà cả...Đây mà cầm lấy... cầm lấy...Tao cố góp nhặt để nuôi mà...để mà có tiền mà sống...cho nên tao phải ăn cắp...Chúa biết hết...Chúa biết...tao ăn cắp...Chúa sẽ phạt tao. Chúa chẳng tha tội cho con chó già này đâu...cái tội ăn cắp. Và Chúa đã trừng phạt tao rồi...Lạy Chúa!...Chúa đã trừng phạt con rồi! Phải không? Đã trừng phạt rồi...Chúa đã dùng bàn tay một thằng bé để giết chết con!... Như thế là đúng! Lạy Chúa!...Đáng đời rồi...Chúa công bằng lắm! Chúa hãy vớt lấy hồn con...Ôi!

Tiếng ông lão cao dần lên thành tiếng rít the thé, gieo kinh hãi vào lòng Liônka.

Những tiếng sấm đang lay chuyển bầu trời và thảo nguyên bây giờ vang lên tới tấp và vang động như thế, mỗi tiếng đều muốn nói với đất một điều gì cấp thiết vô cùng, cứ thi nhau găm không ngớt. Bầu trời bị những tia chớp xâu xé rung chuyển lên, thảo nguyên cũng rung chuyển khi thì cháy rực lên trong ánh lửa xanh lè, khi thì chìm trong bóng tối lạnh lẽo, nặng nề và chật chội làm cho nó thu hẹp lại một cách kỳ dị. Thỉnh thoảng một ánh chớp chiếu sáng chân trời. Có thể tưởng chừng như cái chân trời ấy vội vã chạy trốn cho xa tiếng ồn ào găm rít của cơn dông.

Mưa trút xuống, và những giọt mưa sáng loáng như thép dưới ánh chớp, che lấp hẳn những ánh đèn đang nhấp nháy một cách niềm nở trong thôn.



Liônka lạng người đi vì sợ hãi, vì lạnh và vì một cảm giác da diết là mình có lỗi, cái cảm giác nảy ra từ tiếng thét của ông nó. Nó giương to đôi mắt nhìn trừng trừng phía trước mặt, không dám chớp mắt ngay, cả khi những giọt nước mưa chảy từ mái đầu ướt sũng của nó lọt vào mắt nó. Nó lắng nghe tiếng nói của ông nó đang ngập ngụa trong cái biển âm thanh dữ dội này.

Liônka biết rằng ông nó đang ngồi im không nhúc nhích, nhưng nó lại cảm thấy rằng ông nó rồi sẽ biến mất, sẽ bỏ đi tận đâu để nó ở lại đây một mình. Nó cứ nhích dần về phía ông nó từ lúc nào chính nó cũng không biết và đến khi chạm khuỷu tay vào người ông nó, nó mới giật mình, chờ đợi một cái gì khủng khiếp.

Xé rách bầu trời, một ánh chớp chiếu sáng hai ông cháu đang ngồi cạnh nhau, co ro, nhỏ bé, ướt đầm đìa vì những dòng nước mưa từ trên các cành cây dội xuống.

Ông lão khua cánh tay trong khoảng không và làm nhảm những gì không rõ, tuy đã mệt lắm, thỏ không ra hơi nữa.

Nhìn kỹ vào mặt ông, Liônka thét lên vì kinh hãi -Dưới ánh chớp xanh lè, trông nó như khuôn mặt của một xác chết, và đôi mắt mờ đục đang đảo trông là đôi mắt của một đôi mắt của một người điên.

- Ông ơi!...Ta đi đi!...-nó thét lên, đầu gục vào gối ông nó.

Ông lão cúi xuống ôm đứa cháu trong hai cánh tay gầy gò xương xẩu, xiết chặt nó vào lòng rồi bỗng cất tiếng rú thất thanh như một con sói mắc bẫy.

Nghe tiếng rú đó, Liônka như điên như dại vùng ra, nhảy phắt dậy cầm đầu lao thẳng như tên bắn về phía trước mặt, hai mắt mở to lóa đi vì những ánh chớp, ngã xuống rồi lại chồm dậy, mỗi lúc một đi sâu vào cái bóng tối

chập chờn khi thì bị ánh chớp xua tan, khi thì lại trùm lên dày đặc quanh đứa trẻ đã phát điên lên vì sợ.

Và tiếng mưa rơi vẫn lạnh lùng, đơn điệu, buồn bã. Và có thể tưởng chừng như trên cánh thảo nguyên này xưa nay chưa từng có một cái gì ngoài tiếng mưa, ánh chớp và tiếng sấm rền giận dữ.

Sáng hôm sau, những đứa trẻ con trong thôn cô-dắc chạy ra thảo nguyên đã lập tức quay trở về hô hoán lên rằng chúng trông thấy lão ăn mày hôm qua ngồi dưới gốc đà dương, hình như bị ai đâm chết vì bên cạnh thấy vút một con dao găm.

Nhưng khi những người huynh trưởng cô-dắc trong thôn ra xem thử sự tình ra sao, thì té ra không phải như thế nào. Lão già hãy còn sống. Khi thấy có người đến, lão cố nhồm dậy, nhưng không được. Lão đã bị cấm khâu, chỉ giương đôi mắt giàn giụa van xin mọi người một điều gì không rõ và cứ nhón nhác tìm trong đám đông, nhưng rồi chẳng tìm thấy gì và không được ai trả lời một câu nào.

Đến chiều lão tắt thở. Người ta chôn lão ngay ở chỗ tìm thấy lão, dưới gốc cây đà dương, vì cho rằng đem chôn vào nghĩa địa thì không thích hợp lắm: trước hết vì lão là người xứ khác, thứ hai vì lão là hạng kẻ cắp, và thứ ba, vì lão đã chết đi mà chưa được sám hối. Bên cạnh lão, giữa đất bùn, người ta tìm thấy con dao găm và cái khăn trùm.

Vài ba hôm sau, người ta lại tìm thấy cả Liônka nữa.

Trên một cái hố ngoài thảo nguyên, cách làng không xa, thấy có đám quạ lượn vòng, và khi đến xem, người ta thấy thằng bé nằm sấp dưới hố, hai tay giang rộng, mặt úp vào lớp bùn sền sệt đọng lại dưới đáy hố sau trận mưa.

Lúc đầu, người ta đã định chôn nó trong nghĩa địa, vì nó hãy còn bé, nhưng rồi nghĩ thế nào người ta lại đem chôn cạnh ông nó, dưới cây đà

dương. Người ta đắp một nắm đất nhỏ và cắm lên đấy một cây thập ác bằng đá đẽo sơ sài.

(1893)

# MỘT NGÀY THU NĂM ẤY

Maxim Gorki  
www.dtv-ebook.com

## 4

Một ngày thu năm ấy - Macxim Gorki

... Mùa thu năm ấy, có lần tôi đã lâm vào một tình cảnh bực mình và khó xử: tôi vừa đến một thành phố không có ai quen biết thì trong túi cũng chẳng còn lấy một xu và không chốn nương thân.

Những ngày đầu, sau khi bán sạch những gì có thể bán được trên người, chỉ trừ mấy thứ tối cần thiết để che thân, tôi rời khỏi thành phố, tới Uxchiê, một vùng có những bến tàu. Ở đây vào mùa tàu bè đi lại, cuộc sống lao động sôi nổi, nhộn nhịp, còn bây giờ thì vắng vẻ im lìm. Bây giờ là cuối tháng mười một.

Chân bước lép nhép trên cát ẩm, mắt chăm chăm nhìn xuống, mong kiếm được đôi mẩu thức ăn thừa, tôi đi lang thang một mình giữa những ngôi nhà, những quầy hàng, đầu óc cứ lớn xồn với ý nghĩ được no đủ thì sung sướng biết bao.

Trong tình trạng văn hóa hiện nay, cái đói của tâm hồn có thể được thỏa mãn nhanh chóng hơn cái đói của thể xác. Bạn đi lang thang trên các đường phố, xung quanh là những tòa nhà bề ngoài nom cũng khá; và có thể nói chắc chắn là sự bày biện trong nhà cũng không đến nỗi xoàng. Điều đó có thể gợi cho ta những cái khác anh minh và cao cả. Bạn sẽ gặp những con người ăn mặc tươm tất ấm áp. Họ lịch thiệp, bao giờ cũng lảng tránh bạn, vì tế nhị, họ chẳng muốn nhận thấy một sự thật là có bạn ở trên đời. Xin thề có Chúa, tâm hồn của những kẻ đói bao giờ cũng được nuôi dưỡng tốt hơn và lành mạnh hơn tâm hồn của những kẻ no. Từ luận điểm ấy có thể rút ra một kết luận rất sắc sảo, có lợi cho những kẻ no!...

Tối đến, trời đổ mưa, gió bắc giật từng cơn. Gió rít trong những quán hàng và những hiệu buôn nhỏ bỏ không, đập vào những khuôn cửa sổ ván ghép của các khách sạn. Dưới sức gió, sóng sông sủi bọt, âm âm xô lên những bờ cát, tung những mào sóng trắng lên cao và xô đuổi nhau, hăm hở nhảy qua đầu nhau, đổ dồn về phương trời xa ngẫu đục. Dường như dòng sông cảm thấy mùa đông đang tới gần, hoảng hốt chạy trốn lớp băng giá mà gió bắc có thể trùm lên nó ngay đêm ấy. Bầu trời nặng nề u ám. Mưa bụi li ti, không lúc nào ngớt. Hai cây liễu gãy gục, hình thù quái gở và chiếc thuyền úp sập dưới gốc cây càng làm tăng thêm vẻ thê lương của thiên nhiên.

Chiếc thuyền độc mộc thủng đáy lật ngược và cây cối xơ xác vì gió lạnh, trông thảm thương và già cỗi... Cảnh tàn phá, căn cội, chết chóc bày ra khắp xung quanh trời nhỏ lệ như không bao giờ nguôi. Bốn bề hoang vắng, âm đạm, dường như vạn vật đang chết dần, chẳng bao lâu nữa sẽ chỉ còn mình tôi sống sót, và cái chết lạnh lẽo cũng đang chờ tôi.

Dạo ấy tôi mười sáu tuổi- thời thanh xuân tươi đẹp của đời người!

Tôi đi trên cát ướt, lạnh lẽo, răng đánh lập cập vì đói và lạnh. Thế rồi, trong lúc đi tìm kiếm thức gì ăn được cho đỡ đói lòng, tôi vòng ra phía sau một quán hàng, và đột nhiên tôi nhìn thấy một bóng người lom khom, mặc chiếc áo dài phụ nữ ướt đẫm, dính sát vào đôi vai rũ xuống. Tôi dừng lại chăm chú nhìn xem người đó đang làm gì. Hình như cô ta đang dùng tay bới một cái hố trong cát ở phía dưới một quán hàng.

- Đằng ấy bới cát làm gì thế? - Tôi ngồi xổm bên cạnh và hỏi.

Cái bóng đó khẽ kêu lên và đứng phắt dậy. Giờ đây, khi người đó đã đứng dậy và nhìn tôi bằng đôi mắt xám mở to, đầy hốt hoảng, tôi mới nhận thấy đó là một cô gái bằng chạc tuổi tôi, mặt xinh xắn dễ thương lạ; đáng tiếc là trên mặt lại nổi ba vết tím bầm, to tướng. Những vết tím bầm này làm hỏng khuôn mặt cô, mặc dầu chúng sắp xếp hết sức cân đối: hai vết

bằng nhau ở dưới mỗi mắt, còn cái thứ ba lớn hơn một chút ở trên trán, ngay trên gốc mũi. Sự cân đối này cho thấy rõ đây là công trình của một nghệ sĩ sành sỏi trong việc làm hồng diện mạo con người.

Cô gái nhìn tôi và vẻ sợ hãi trong mắt cô mất dần... Cô phui tay cho sạch cát, sửa lại chiếc khăn hoa trên đầu, co ro, và nói:

- Có lẽ anh cũng đang đói đấy nhỉ?... Nào, bới đi tay tôi mới rồi. Trong ấy chắc chắn là có bánh mì, - Cô ta hất đầu về phía quán hàng, - Quán này vẫn còn buôn bán...

Tôi bắt đầu bới cát. Cô đứng nhìn tôi một lát, rồi tới ngồi bên tôi cùng bới...

Chúng tôi lặng lẽ bới. Bây giờ, tôi không thể nhớ được là lúc ấy tôi có nhớ tới hình luật, tới đạo đức, quyền sở hữu và tất cả những cái khác mà những người am hiểu cho rằng bất cứ lúc nào trong đời cũng phải nhớ tới hay không. Nói cho thật đúng thì tôi phải thú nhận rằng lúc ấy tôi mãi miết bới cát dưới quán hàng đến nỗi quên băng mọi cái khác, chỉ nghĩ tới một điều là làm thế nào vào được quán hàng ấy.

Trời đã tối. Bóng tối ẩm ướt và rét buốt mỗi lúc một dày đặc lại xung quanh chúng tôi. Sóng ì ầm nặng tiếng hơn trước, mưa lộp bộp trên những tấm ván quán hàng mỗi lúc một âm vang và dày hạt hơn... Tiếng mõ của người gác đêm vang lên đâu đó...

- Trong quán có sà không? - Người giúp việc của tôi khẽ hỏi. Tôi không hiểu cô nói gì nên im lặng.

- Tôi bảo này, quán này có sà không? Có sà thì ta nhọc công vô ích. Đào xong hố ở đây còn những tấm ván dày... làm thế nào bật lên được? tốt hơn hết là bẻ khóa... cái khóa kia cũng xoàng thôi...

Trong đầu óc phụ nữ, ít khi nảy ra được những ý hay, thế mà, khi các bạn thấy đấy, những ý nghĩ như thế vẫn nảy ra trong đầu óc họ. Tôi luôn luôn coi trọng những ý nghĩ sáng suốt và bao giờ cũng cố gắng sử dụng chúng chừng nào có thể được.

Tìm được khóa, tôi giật tung cả khóa lẫn đỉnh khuy ra. Thoắt cái, cô bạn tòng phạm của tôi đã uốn gập người xuống và luồn nhanh như con rắn qua cái lỗ hồng hình chữ nhật của quán hàng. Từ trong đó vọng ra tiếng reo hoan hỉ của cô.

- Anh cừ lắm!

Một lời khen nhỏ nhặt của phụ nữ đối với tôi còn quý hơn cả một bài văn chúc tụng của đàn ông, dù người đó có tài hùng biện bằng tất cả các nhà hùng biện cổ xưa gộp lại. Nhưng lúc bấy giờ tôi không được lịch thiệp như bây giờ, bởi vậy tôi chẳng hề để ý đến lời khen của cô gái, tôi lo sợ hỏi cô một câu cụt lủn:

- Có cái gì không?

Giọng đều đều, cô bắt đầu kể ra những thứ mà cô tìm thấy:

- Một sọt đựng chai này... Mấy cái bao không... Cái ô này... Cái thùng sắt này.

Toàn những thứ không ăn được. Tôi cảm thấy hy vọng tắt dần... Bỗng nhiên cô hăm hở reo lên.

- A, nó đây rồi...

- Ai kia?

- Bánh mì... Bánh mì tròn... Phải cái hơi ướt thôi... Cầm lấy!

Chiếc bánh mì tròn lăn tới chân tôi, và tiếp đó, cô bạn tòng phạm cũng cảm của tôi ra theo. Tôi bẻ một mẩu bánh, bỏ vào miệng, nhai ngấu nghiến.

- Nào, đưa tôi với chứ... nên ra khỏi đây thôi. Ta đi đâu được nhỉ? - Cô tò mò nhìn khắp xung quanh trong bóng tối... Trời tối tăm, ẩm ướt, ồn ào... - Kia có chiếc thuyền úp sập... ta tới đấy chứ nhỉ?

Đi đi! - Và chúng tôi ra đi, vừa đi vừa rút bánh mì, tọng vào miệng... Mưa mau hơn, sóng gầm thét, có tiếng huýt sáo ngân dài, đầy vẻ diều cợt, từ nơi nào vắng lại. Chắc là một người khổng lồ nào đó không biết sợ ai bao giờ huýt sáo chế nhạo mọi trật tự trên trái đất, chế nhạo cả buổi tối mùa thu ẩm đậm, cả chúng tôi, hai nhân vật của buổi tối ấy... tiếng huýt gió đó gieo vào lòng nỗi đau đớn âm thầm nhưng tôi vẫn ăn ngấu nghiến và cô gái đi bên trái tôi cũng không thua kém tôi trong việc này.

- Tên cô là gì? - Tôi chả hiểu mình hỏi để làm gì.

- Natasa!- Cô trả lời, miệng vẫn nhai tốp tốp. Tôi nhìn cô, tim tôi thắt lại. Tôi nhìn vào bóng tối trước mặt và cảm thấy số phận mỉa mai của tôi đang mỉm cười với tôi một cách bí ẩn và lạnh lùng...

... Mưa không ngừng gõ vào ván thuyền, tiếng mưa rơi rì rào gợi nên những ý buồn nản. Gió rít lên, lùa vào đáy thuyền thủng, lọt qua khe hở lay động một mảnh vỏ gỗ gì không rõ, mảnh vỏ gỗ vật vờ, lắc rắc, cất tiếng kêu lo lắng thảm thiết. Sóng vỗ vào bờ đều đều và tuyệt vọng, như kể lể về một điều gì buồn tẻ, nặng nề không chịu nổi, làm chúng chán đến ghê tởm, khiến chúng muốn chạy trốn để lẩn tránh nó, nhưng vẫn cứ phải nói đến nó. Tiếng mưa rào hòa với tiếng sóng vỗ oàm oạp, và phía trên chiếc thuyền lật sập có tiếng thở dài thườn thượt và nặng nề của trái đất buồn bực và mệt mỏi vì sự đổi thay muôn thuở của thiên nhiên từ mùa hè ấm áp và sáng chói sang mùa thu lạnh lẽo, ẩm ướt và đầy sương mù. Gió phóng nhanh trên bờ sông hoang vắng, trên dòng sông sủi bọt và cất lên những điệu ca buồn nản....



Chỗ ẩn náu của chúng tôi ở dưới thuyền quá bất tiện; chật chội, ẩm ướt, những giọt mưa nhỏ lạnh lẽo lọt xuống qua lỗ hổng ở đáy thuyền, gió lùa hun hút. Chúng tôi ngồi im lặng, run lên vì rét. Tôi còn nhớ là lúc ấy tôi buồn ngủ. Natasa tựa lưng vào mạn thuyền, ngồi cuộn tròn thu lu lại. Hai tay bó gối và cầm tù lên đầu gối, cô nhìn chăm chăm ra sông, mắt mở to. Trên khuôn mặt lúc này chỉ là một vệt trắng, những vết tím bầm ở dưới mắt làm cho đôi mắt có vẻ quá to. Cô không nhúc nhích, còn tôi cảm thấy sự bất động và im lặng của cô bạn ngồi bên, tôi dần dần đâm sợ cô, vì vậy tôi muốn nói chuyện với cô nhưng không biết nên mở đầu như thế nào.

Chính cô nói trước:

- Cuộc sống khốn khiếp!... - Cô nói rành rọt, từng tiếng, giọng biểu lộ một niềm tin sâu sắc. Nhưng đó không phải là lời than vãn. Cái giọng nói quá đỗi lãnh đạm ấy không có gì là than vãn cả. Chẳng qua cô dùng hết trí lực để suy nghĩ, suy nghĩ và đi đến một kết luận nhất định mà cô thốt lên thành lời, cái kết luận mà tôi không thể phản đối được, nếu không muốn mâu thuẫn với chính mình. Bởi thế, tôi im lặng. Còn cô, dường như không để ý đến tôi vẫn ngồi không nhúc nhích.

- Giá cứ chết quách đi lại rảnh thân... -Natasa lại lên tiếng, lần này cô nói khẽ và trầm ngâm, lần này giọng nói của cô vẫn không có vẻ gì là than vãn. Rõ ràng là sau khi suy nghĩ về cuộc sống, con người này đã nhìn lại bản thân mình và bình tĩnh đi tới chỗ tin chắc rằng để bảo vệ mình khỏi sự nhạo báng của cuộc sống, không còn cách gì hơn là “chết quách đi cho rảnh”.

Tôi đau lòng vô cùng về sự suy nghĩ quá rành mạch ấy, tôi cảm thấy nếu còn im lặng thì đến phát khóc lên mất... mà như thế thật xấu hổ trước mặt phụ nữ, nhất là cô ta không khóc. Tôi bèn nói chuyện với cô:

- Ai đánh cô thế? - Tôi hỏi vì không nghĩ ra được câu gì khôn khéo hơn.

- Paska chứ còn ai... - Cô lớn tiếng trả lời, giọng đều đều.

- Nhưng hẳn ta là ai?

- Người tình... thợ làm bánh mì.

- Hẳn vẫn đánh cô sao?...

Rồi đột nhiên, cô nhích lại gần tôi, bắt đầu kể về mình, về Paska, về quan hệ giữa hai người. Cô là ‘một trong những gái làng chơi mà...’, còn anh ta là thợ làm bánh mì, có bộ ria hung, chơi phong cầm khá lắm. Gã thường đến “xóm chị em” với cô, và cô ưa gã bởi vì gã vui tính và ăn mặc tươm tất. Gã có chiếc áo bành tô trị giá 15rúp và đô ủng có nếp gấp. Vì thế cô mê gã và gã trở thành “con nợ” của cô. Nhưng khi đã trở thành “con nợ”, gã chỉ tìm cách lấy của cô những món tiền mà khách cho cô để mua kẹo, gã dùng tiền đó để uống rượu, rồi lại đánh đập cô. Nhưng nếu chỉ có thế thôi thì còn được; đằng này gã lại “tặng tịu” với những ả khác ngay trước mặt cô.

- Như thế thì bảo tôi không bực mình sao được? Tôi kém gì những đứa khác? Thế mà hẳn lại nhạo báng tôi, thẳng đều. Hôm kia, tôi xin phép bà chủ đi chơi. Tôi đến nhà hẳn, thấy con Đunka đang ngồi ở đó, say rượu, còn hẳn cũng chũnh choáng. Tôi bảo với hẳn: “Đồ đều, mày là thẳng đều, thẳng bịp bợm!” Hẳn đánh tôi khắp người, đâm đá, giạt tóc... Cái đó cũng chưa sao. Nhưng hẳn còn xé rách hết cả xống áo. Làm thế nào bây giờ? Tôi đến gặp bà chủ thế nào đây? Hẳn xé rách hết cả áo dài, áo cánh, cái áo cánh còn mới nguyên. Hẳn còn lột cả khăn quàng đầu nữa... Trời ơi! Tôi biết làm thế nào bây giờ? - Đột nhiên cô rú lên, tiếng kêu mệt nhọc, não lòng não ruột.

Gió gào rít, mỗi lúc một mạnh và lạnh hơn. Răng tôi lại bắt đầu nhảy múa. Cô gái cũng co ro vì lạnh, xích lại gần tôi đến nỗi có thể nhìn thấy ánh mắt cô qua bóng tối.

- Bọn đàn ông các người toàn một lũ đều cáng. Tôi muốn giày xéo lên tất cả các người, làm cho tất cả các người tàn tật. Nếu có kẻ nào trong các người chết đi thì tôi sẽ nhổ vào mồm nó, chứ chẳng thêm thương hại đâu. Những quân đểu... cứ sán đến, sán đến, vẩy đuôi như những con chó đê tiện, nhưng ả nào ngu độn mà hiến thân cho các người là xong đời. Bấy giờ các người sẽ đạp người ta xuống chân các người, quân chó đểu.

Cô chửi rủa, thật không thiếu gì, nhưng không có vẻ dữ dội: tôi không cảm thấy chút gì là tức tối căm hờn “những quân chó đểu”. Nói chung, cô nói điềm đạm, ngữ khí không phù hợp với nội dung, cái giọng nghèo âm thanh, buồn buồn, nhưng những cái đó tác động đến tôi còn mạnh mẽ hơn cả những cuốn sách và những bài diễn văn bi quan, hùng hồn và có sức thuyết phục nhất, mà trước đó, sau này, cũng như cho đến nay... tôi đã được nghe và đọc không ít. Bởi vì, các bạn có biết không, cơn hấp hối của kẻ sắp qua đời bao giờ cũng tự nhiên hơn và gây xúc động mạnh hơn nhiều so với những đoạn miêu tả chính xác và nghệ thuật nhất về cái chết.

Tôi cảm thấy khó chịu trong người, chắc là vì lạnh hơn là vì lời lẽ của cô bạn cùng trú mưa bên cạnh tôi. Tôi khẽ rên lên, nghiêng răng ken két.

Hầu như ngay lúc đó tôi cảm thấy đôi bàn tay nhỏ bé lạnh giá của cô chạm vào người tôi. Một bàn tay sờ vào cổ tôi, tay kia áp vào mặt tôi, đồng thời cái giọng lo ngại, âu yếm của cô khẽ hỏi:

- Anh làm sao thế?

Tôi sẵn lòng nghĩ rằng đó là người nào khác hỏi tôi, chứ không phải Natasa, cô gái vừa mới tuyên bố rằng tất cả bọn đàn ông đều là những kẻ đểu cáng và cô cầu mong cho họ chết ráo cả đi. Nhưng cô đã nói nhanh và hối hả:

- Anh làm sao thế? Lạnh à? Rét cóng cả? Ồ, anh lạ thật. Cứ ngồi im... thìn thít! Đáng nhẽ phải bảo cho tôi biết từ lâu là anh rét chứ... nào, nắm

xuống đất... duỗi dài ra... tôi cũng sẽ nằm xuống... vậy. Bây giờ hai tay ôm lấy tôi... ôm chặt nữa vào, thế đấy. Giờ thì hẳn là anh phải ấm, rồi chúng ta sẽ nằm quay lưng vào nhau... miễn sao cho qua cái đêm này... sao, uống rượu hả? Bị đuổi việc phải không?... Chả hề gì!...

Cô an ủi tôi... Cô khuyến khích tôi...

Tôi đáng nguyên rủa biết bao! Thật mỉa mai cho tôi biết chừng nào! Các bạn thử nghĩ mà xem! Hồi ấy, tôi thực sự quan tâm đến số phận của nhân loại, mơ ước cải tổ trật tự xã hội, mơ ước những cuộc đảo lộn chính trị đóc đủ các thứ sách khôn ngoan quái quỷ mà tư tưởng sâu sắc đến nỗi hẳn là là các tác giả của chúng cũng không thể hiểu được, - chính lúc ấy tôi đang cố gắng bằng mọi cách chuẩn bị cho mình “trở thành một lực lượng hoạt động lớn lao” ; ấy thế mà cô gái điếm bất hạnh, bị đánh đập, bị xua đuổi không có chỗ đứng trong cuộc sống và bị khinh rẻ nay đã lấy thân mình sưởi ấm cho tôi, còn tôi lại không nghĩ tới việc giúp cô trước khi cô giúp đỡ tôi, mà nếu như có nghĩ tới thì chưa chắc tôi đã giúp được gì cho cô.

Chà tôi sẵn lòng cho rằng những chuyện đó xảy ra trong một giấc mơ lơ lửng, nặng nề...

Nhưng than ôi! Tôi không thể nghĩ như vậy được, bởi vì những giọt mưa lạnh vẫn rỏ xuống người tôi, bởi vì bộ ngực cô gái vẫn áp chặt vào ngực tôi, hơi thở ấm áp của cô phả vào mặt tôi, hơi thở tuy có thoang thoảng mùi Vodka... nhưng làm cho tôi tỉnh hẳn người. Gió vẫn gào rú, rên rỉ, mưa lộp độp trên thuyền, sóng vỗ ù oạp, còn hai chúng tôi ôm chặt lấy nhau, vẫn run lên vì lạnh. Tất cả những cái đó hoàn toàn thực và tôi tin chắc rằng chưa có ai mơ thấy một giấc chiêm bao nặng nề và quái ác như cái sự thực này.

Natasa vẫn nói gì không rõ. Cô nói đầy tình cảm và âu yếm, chỉ phụ nữ mới có thể nói được như vậy. Những lời lẽ thơ ngây và trêu mến của cô nhen nhúm lên trong tôi một ngọn lửa ấm áp và có một cái gì cháy tan ra trong tim tôi.

Lúc bấy giờ nước mắt tôi tuôn ra như mưa, rửa sạch bao nhiêu căm giận, buồn phiền, ngu độn và bi ối tích tụ trong tim tôi trước đêm ấy. Natasa dỗ dành tôi.

- Thôi đủ rồi, đừng khóc rống lên nữa, anh bạn thân mến ạ! Đủ rồi! Chúa sẽ phù hộ cho anh, anh sẽ qua được bước khó khăn, sẽ lại có chỗ làm ... - Cô còn nói nhiều câu khác đại loại như thế.

Và vẫn hôn tôi nhiều, không tính toán, nồng nhiệt... Đó là những chiếc hôn đầu tiên của phụ nữ mà cuộc sống đã hiến cho tôi, những chiếc hôn tốt đẹp nhất, bởi vì tất cả những cái hôn sau này đều quá đắt và hầu như chẳng đem lại gì cho tôi cả.

- Thôi đừng khóc rống lên nữa, anh chàng dở hơi ạ! Ngày mai tôi sẽ thu xếp cho anh, nếu anh không có chỗ nào nương náu... - Tôi nghe thấy tiếng thì thào khẩn khoản như qua giấc chiêm bao.

.... Chúng tôi ôm nhau nằm đến rạng sáng...

Khi trời rạng sáng, chúng tôi ra khỏi thuyền, đi vào thành phố... rồi chúng tôi thân mật chia tay nhau để chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa, mặc dầu trong suốt nửa năm trời, tôi đã sục sạo tìm cô khắp hang cùng ngõ hẻm, cô Natasa đáng yêu ấy, cô gái đã từng ôm ấp tôi trong đêm thu mà tôi đã tả...

Nếu như cô qua đời - ấy là may cho cô - thì cầu cho cô được rỗi linh hồn. Nếu cô còn sống : cầu cho tâm hồn cô được thanh thản! Mong sao những ý nghĩ sa đọa đừng thức dậy trong tâm hồn cô... bởi vì đó là nỗi đau khổ vô ích trong cuộc sống.

Phạm Mạnh Hùng dịch

Trích Macxim Gorki Truyện ngắn chọn lọc

NXB Văn học

# TÔI ĐÃ HỌC TẬP NHƯ THẾ NÀO

Maxim Gorki  
www.dtv-ebook.com

## 5

Hồi tôi lên sáu - bảy tuổi, ông tôi bắt đầu dạy tôi học chữ. Việc đó diễn ra như thế này.

Có lần, vào buổi tối, ông tôi lấy đâu được quyển sách mỏng, đập quyển sách mỏng vào lòng bàn tay, vào đầu tôi và vui vẻ nói:

-Nào, thằng bé Can mức, ngồi vào học vần chữ cái đi! Thấy cái hình này chứ? Đây là Az(1). Nói đi: azơ(1) ! Đây là buki(1) , đây là vedi. Hiểu chứ?

-Hiểu à.

-Nói dối.

Ông chỉ tay vào chữ thứ hai.

-Đây là cái gì?

-Buki.

-Còn cái này?

-Vedi.

-Thế còn cái này? - Ông chỉ vào chữ thứ năm.

-Cháu không biết.

-Khá. Thế đây là chữ gì?

-Azo.

-Đúng rồi! Nói đi: động từ, việc tốt, ăn, sống!

Ông quàng cánh tay vững chắc, nóng hổi ôm lấy cổ tôi, chỉ ngón tay vào những chữ cái ở ngay dưới mũi tôi, và hét lên, mỗi lúc một cất cao giọng:

- Đất! Người!

Tôi vui thích thấy rằng những từ quen thuộc - việc tốt, ăn, sống, đất, người - được vẽ trên giấy thành những dấu hỏi đơn giản, và tôi ghi nhớ hình dạng của chúng một cách dễ dàng. Ngót hai tiếng đồng hồ, ông tôi lừa tôi đi trên bảng vần chữ cái, và cuối buổi học, tôi đã gọi đúng được hơn chục chữ cái, tuy vẫn hoàn toàn không hiểu phải đọc như thế để làm gì và biết tên các chữ cái rồi thì làm thế nào có thể đọc được.

Bây giờ học chữ dễ hơn nhiều, vì người ta dạy theo âm, a đọc đúng là a, chứ không phải là azơ, v thì đúng là v chứ không phải là vedi. Những người thông thái nghĩ ra cách dạy vần chữ cái theo âm đáng được cảm ơn muôn phần: nhờ cách đó đã gìn giữ được bao nhiêu sức lực của trẻ em và việc học chữ nhanh hơn biết bao! Thế đấy: ở đâu khoa học cũng cố gắng làm giảm bớt sự khó nhọc của con người, để con người khỏi phí sức, vô ích.

Trong ba ngày, tôi đã nhớ tất cả các chữ cái và đã đến lúc học vần: ghép các chữ cái thành từ. Bây giờ, theo lối ghép âm, việc đó thật đơn giản, chỉ việc đọc các âm: ô, k, n, ô là lập tức được nghe thấy mình nói một từ nhất định, quen thuộc: ôknô(2).

Tôi học theo cách khác: muốn nói từ ôknô, tôi phải thốt lên một tràng dài vô nghĩa: ôn - kakô - nasơ - ôn-nô-ôknô. Những từ nhiều vần ghép càng khó và kỳ quặc hơn.

Sự rắc rối đó của những vần vô nghĩa làm tôi mệt ghê gớm, óc mau mõi, trí tưởng tượng không hoạt động. Tôi nói một câu vớ vẩn buồn cười và phá



lên cười vì câu nói đó của mình. Mỗi lần như thế ông tôi bộp vào gáy tôi hay vụt tôi bằng roi. Nhưng không thể không phá lên cười khi nói một câu vớ vẩn như: buki - azơ - ba = ba. Cũng dễ hiểu là tôi thường đánh chữ nọ ra chữ kia . Vì những sai lầm ấy, ông vụt tôi không tiếc tay hay nắm tóc tôi kéo đến đau buốt cả đầu.

Không thể nào tránh khỏi sai lầm, vì với lối đọc từ như thế thì khó mà hiểu được, phải đoán ra nghĩa của chúng và không được nói cái từ giống nó về âm thanh.

Một thời gian dài - chừng một tháng hay lâu hơn - từ ốm mòn về học vắn, nhưng tình hình còn khó khăn hơn khi ông tôi bắt tôi đọc thánh thi viết bằng tiếng Xlavơ cổ. Ông tôi đọc thứ tiếng đó nghe hay và lưu loát, nhưng chính ông không hiểu rõ nó khác với vắn chữ cái thường như thế nào. Đối với tôi, đã xuất hiện những chữ cái mới: pxa, kxi(1) , ông không thể giải thích được chúng ở đâu ra, mà cứ đâm vào đầu tôi và thốt lên:

- Không phải là pôkoi, đồ quý ranh ạ, mà là pxa, pxa, pxa (3).

Thật là một khổ hình, nó kéo dài chừng bốn tháng cuối cùng tôi đã biết đọc cả “theo lối thường” cũng như đọc “theo lối nhà thờ”, nhưng tôi đâm ra thù ghét viết đọc sách và thù ghét sách ghê gớm.

Mùa thu, tôi được đưa vào trường học, nhưng mấy tháng sau, tôi mắc bệnh đậu mùa và việc học phải bỏ dở, điều đó làm tôi rất vui sướng. Một năm sau, tôi lại bị tống vào trường. nhưng đây là trường khác.

Tôi đến trường với đôi giày của mẹ, với chiếc bành-tô nhỏ may lại bằng chiếc áo ngoài của bà, với chiếc sơ-mi màu vàng và chiếc quần “buông chùng”. Tất cả những cái đó lập tức bị chế nhạo, vì chiếc áo sơ-mi vàng mà tôi được tặng biệt hiệu “thăng tù khổ sai”. Tôi dàn xếp với những thằng bé một cách nhanh chóng, nhưng thầy giáo và cha cố không ưa tôi.

Ông giáo mặt vàng ệch, đầu hói, thường xuyên chảy máu cam. Ông ta lên lớp, hai lỗ mũi nút bông, ngồi xuống bên bàn, cất giọng mũi lè nhè hỏi bài, và nửa chừng bỗng im bật, rút bông trong mũi ra, nhìn kỹ miếng bông, lắc đầu. Mặt ông ta dẹt phẳng, màu đồng xỉn, ỉn xịu, giữa các nếp nhăn có một màu xanh rêu không rõ là cái gì. Khuôn mặt ấy đặc biệt xấu đi vì đôi mắt trắng dã hoàn toàn cứ nhìn dính vào mặt tôi, làm tôi hết sức khó chịu, đến nỗi lúc nào cũng muốn đưa tay lên xoa má.

Tôi ngồi ở dãy đầu, bàn trên cùng, gần sát bàn thầy giáo - điều đó thực không thể chịu đựng được, dường như ông ta không nhìn thấy ai ngoài tôi, ông ta luôn luôn nói giọng mũi lè nhè:

- Peskô-ôp, thay áo sơ-mi-i đi! Peskô-ôp, không được ngo nguậy chân dưới bàn! Peskô-ôp, giày của trò lại chảy vũng nước ra rồi.

Tôi trả thù ông ta bằng một trò nghịch ngợm man rợ: có lần, tôi kiếm được nửa quả dưa hấu, khoét hết ruột và lấy dây buộc vào cái ròng rọc của căn phòng tranh tối tranh sáng. Khi cửa mở, miếng dưa hấu bị kéo lên cao, khi ông giáo khép cửa, miếng dưa hấu chụp thẳng xuống cái đầu hói của ông ta như cái mũ. Người gác trường đưa tôi về nhà, mang theo mẫu giấy của thầy giáo. Vì cái trò tinh nghịch ấy, tôi bị một trận đòn nên thân.

Lần khác, tôi rắc thuốc lá ngửi vào ngăn kéo bàn ông ta, ông ta hắt hơi đến nỗi phải bỏ lớp, cho con rể là một sĩ quan đến thay. Gã này bắt cả lớp hát bài “Lạy Chúa xin Chúa che chở cho Sa hoàng” và “Ơi ý chí, ý chí của ta”. Những đứa hát sai bị gã giọt thước kẻ vào đầu, giọt kẻ đặc biệt và khá buồn cười. Nhưng không đau.

Thầy dạy giáo lý là một giáo sĩ trẻ đẹp, tóc dày, không ưa tôi vì tôi không có “Thánh sử cựu ước và tân ước”, và vì tôi hay nhại lối nói của ông ta.

Khi đến lớp, việc đầu tiên là ông ta hỏi tôi:

- Peskốp, có mang sách đến không? Đúng, sách ấy mà?

Tôi đáp:

- Không. Con không mang. Đúng.

- Đúng cái gì?

- Không đem đến ạ.

- Thế thì xéo về nhà! Đúng. Về nhà. Bởi vì ta không có ý định dạy con. Đúng. Ta không có ý định.

Điều đó không làm tôi buồn phiền lắm, tôi ra và lang thang qua các con phố ngoại ô bản thủ, để ý xem xét đời sống ồn ào của nó.

Mặc dù tôi học khá, ít lâu sau người ta bảo rằng tôi bị đuổi khỏi trường vì hạnh kiểm xấu. Tôi chán nản, điều đó đe dọa đem đến cho tôi những chuyện rầy rà lớn.

Nhưng cứu tinh chợt xuất hiện: giám mục Crixanfor đột nhiên tới trường.

Ông ta người nhỏ bé, mặc bộ áo đen rộng thùng thình, đến ngồi bên bàn, rút tay ra khỏi những ống tay áo và nói:

“Nào, ta nói chuyện với nhau đi, các con!” Không khí trong lớp lập tức trở nên ấm áp, vui vẻ, mọi người đều cảm thấy dễ chịu khác thường.

Ông gọi tôi đến gần bàn, sau khi đã gọi nhiều đứa khác, và hỏi một cách nghiêm trang:

- Con lên mấy? Có thể thôi à? Sao dài người thế, chú bé. Hay bêu mưa lắm, phải không?

Ông ta đặt bàn tay khô gầy, với những móng tay to và nhọn lên bàn, nắm lấy chòm râu thưa, nhìn chăm chăm vào mặt tôi bằng đôi mắt hiền từ, và bảo tôi:

- Nào kể cho ta nghe một đoạn trong thánh sử, con thích đoạn nào?

Khi tôi nói rằng tôi không có sách và tôi không học thánh sử, ông ta sửa lại chiếc mũ giáo sĩ và hỏi:

- Sao lại thế? Cái đó cần phải học chứ? Nhưng có thể con cũng biết đôi chút chẳng, có nghe nói đến không? Có biết thánh thi không? Thế thì tốt! Cả những bài cầu nguyện nữa à? Đấy thấy chưa! Lại còn sự tích của thánh nữa à? Bằng thơ à? Chú bé của ta biết nhiều đấy.

Giáo sĩ của chúng tôi tới, mặt đỏ, thở hổn hển. Giám mục ban phước cho ông ta, nhưng khi ông ta bắt đầu nói về tôi thì giám mục giơ tay nói:

- Xin cha một lát... Nào, kể về Alêchxây người của Chúa đi.

- Những vần thơ tuyệt diệu phải không, chú bé? - Giám mục nói khi tôi dừng lại vì quên một câu thơ nào đó.... - Còn gì nữa không?... Về vua Đavit hả? Ta chú ý nghe đây.

Tôi thấy rằng quả thực ông ta nghe và ông ta thích thơ. Ông hỏi tôi một lúc lâu, rồi bỗng ngăn tôi lại, hỏi nhanh:

- Con học theo thánh thi à? Ai dạy? Ông có hiền không? Ác à. Lẽ nào? Nhưng con nghịch lắm phải không?

Tôi ngập ngừng, nhưng rồi tôi đáp: Vâng. Thầy giáo và giáo sĩ nói rất nhiều để chứng tỏ rằng lời thú nhận của tôi là đúng. Giám mục nghe họ, nhìn xuống, rồi thở dài nói:

- Các thầy nói về con thế đấy, con nghe thấy chứ? Nào, lại gần đây!

Giám mục đặt tay lên đầu tôi - bàn tay thoang thoang mùi gỗ bách và hỏi tôi:

- Tại sao con nghịch ngợm?

- Con chán học lắm.

- Chán à? Không hẳn thế đâu, chú bé ạ. Con mà chán học thì con sẽ học kém, nhưng các thầy đều bảo con học khá. Như vậy là ở đây có nguyên nhân gì khác.

Ông ta rút ở trước ngực ra một quyển vở con, viết: - Peskốp, Alecxây. Nhưng dù sao con cũng nên bớt nghịch đi nhé, đừng nghịch nhiều quá. Ít ít thôi thì được, còn nghịch quá thì mọi người bực mình! Ta nói đúng không các con?

Có tiếng lao xao, vui vẻ trả lời:

- Đúng ạ.

- Chính các con cũng nghịch in ít thôi phải không?

Những thằng bé tùm tùm cười, thốt lên:

- Không. Cũng nghịch nhiều ạ! Nghịch nhiều ạ!

Giám mục ngả người lên lưng ghế, ôm chặt tôi vào lòng, nói với vẻ ngạc nhiên, làm cho cả lớp - ngay cả thầy giáo và cha đạo - cũng phải bật cười:

- Quả có thể, các con ạ, hồi bằng tuổi các con, ta cũng nghịch gớm lắm! Vì sao thế, các con nhỉ?

Những đứa trẻ cười, giám mục hỏi chúng, lôi cuốn cả lớp một cách khéo léo, khiến đứa nọ phản đối đứa kia, làm cho không khí mỗi lúc một vui thêm.

Cuối cùng ông đứng lên và nói:

- Ở đây với các con thú lắm, các chú bé nghịch ngợm ạ, nhưng đến lúc ta phải đi rồi!

Ông giơ một tay lên, tay áo tụt tới vai, khoa rộng tay làm dấu và ban phước:

- Nhân danh Cha, và Con và Thánh thần, ta ban cho các con mọi sự tấn tới! Tạm biệt.

Tất cả đều thét lên:

- Tạm biệt đức ông! Mong đức ông lại tới.

Giám mục gật gù cái mũ cao, nói:

- Ta sẽ đến, thế nào ta cũng đến! Ta sẽ đem sách đến cho các con!

Và khi ra khỏi lớp, ông nói với thầy giáo:

- Cho các trò về đi!

Ông dắt tay tôi vào phòng ngoài và ở đấy, ông cúi xuống gần tôi, khẽ nói:

- Thế con bớt nghịch đi nhé, được không? Ta thì ta hiểu tại sao con nghịch ngợm! Thôi tạm biệt, chú bé.

Tôi rất xúc động, một tình cảm đặc biệt rộn rục trong ngực tôi, và ngay cả khi thầy giáo đã cho cả lớp về nhưng giữ tôi lại và nói rằng bây giờ tôi phải lạng hơn nước, thấp hơn cỏ thì tôi vui lòng chăm chú nghe từ đầu đến cuối.

Giáo sĩ vừa mặc áo choàng vừa cất giọng ồm ồm, dịu dàng nói với tôi:

- Từ nay con phải đến học các giờ của ta! Đúng. Phải đến học. Nhưng phải ngồi yên. Đúng. Ngồi yên.

Tình cảnh của tôi ở trường có khá hơn trước, nhưng ở nhà lại xảy ra một chuyện tệ hại: tôi sứt cặp một rúp của mẹ. Một buổi tối, mẹ tôi đi đâu không rõ, để tôi ở nhà trông em. Buồn tình, tôi giở cuốn sách của dượng - Nhật ký người thầy thuốc của Đuyma-cha, và giữa các trang sách, tôi thấy hai tờ giấy bạc, tờ mười rúp và tờ một rúp. Cuốn sách khó hiểu, tôi gập sách lại và bỗng nghĩ ra rằng với một rúp, chẳng những tôi có thể mua được cuốn “Thánh sử” mà còn có thể mua được cả cuốn sách về Rôbinxơn. Trước đó ít lâu, ở trường, tôi được biết rằng có một cuốn sách như thế: vào một ngày giá rét, trong giờ ra chơi, tôi kể cho những thằng bé một câu chuyện cổ tích, bỗng một đứa trong bọn chúng nói với vẻ khinh bỉ:

- Truyện cổ tích là truyện nhảm nhí, còn Rôbinxơn mới là truyện ra truyện.

Còn mấy thằng nữa đã đọc Rôbinxơn, tất cả đều khen ngợi cuốn sách ấy. Tôi bực mình vì truyện cổ tích của bà không được ưa thích, thế là tôi quyết định đọc Rôbinxơn để cũng có thể nói rằng nó truyện vớ vẩn!

Hôm sau, tôi mang đến trường cuốn “Thánh sử” và hai tập truyện cổ tích của Andecxen - hai cuốn sách nhỏ nhàu nát - ba funtơ bánh mì trắng và ba funtơ xúc xích. Ở cái cửa hàng nhỏ, tối tăm cạnh hàng rào nhà thờ Vladimia có cả Rôbinxơn, cuốn sách mỏng bìa vàng, trang đầu có vẽ một người râu xồm đội mũ lông thú, vai khoác da thú - tôi không thích hình vẽ đó, còn tập truyện cổ tích thì cái bề ngoài nom cũng đáng yêu, tuy đã nhàu nát.

Trong giờ ra chơi lâu tôi chia xẻ bánh mì và xúc xích với những thằng bé và chúng tôi bắt đầu đọc câu chuyện cổ tích tuyệt diệu. Con chim họa mi. Câu chuyện lập tức làm cho tất cả chúng tôi hồi hộp.

“Ở Trung Quốc, mọi người dân đều là người Trung Quốc và chính hoàng đế cũng là người Trung Quốc” - tôi nhớ, câu đó đã làm tôi vừa ngạc nhiên vừa thích thú như thế nào vì sự giản dị của nó, vì nhạc điệu tươi vui và một cái gì tốt đẹp lạ thường.

Tôi không kịp đọc hết truyện Con chim họa mi ở trường vì không đủ thời giờ còn khi tôi về đến nhà, mẹ tôi đứng bên cạnh bếp lò, hai tay cầm cái lập là đang tráng trứng, và hỏi tôi bằng một giọng lạ lùng, gần như tắt hơi:

- Mà lấy một rúp phải không?

- Vâng, con lấy! Sách đây này...

Mẹ tôi dùng chiếc lập là nện cho tôi một trận nên thân, còn những quyển sách của Andexen thì mẹ tôi lấy mất và giấu biệt đi đâu không rõ, điều đó còn đau đớn hơn cả trận đòn.

Tôi học ở trường gần suốt mùa đông, rồi mùa hè mẹ tôi mất, và ông tôi lập tức cho tôi đi “ở với người đời” - vào học việc ở xưởng vẽ. Tuy tôi đã đọc được mấy cuốn sách hay, nhưng tôi vẫn không ham đọc sách lắm, và chẳng cũng không có thời giờ. Nhưng chẳng bao lâu, sự ham thích đó xuất hiện và lập tức trở thành một khổ hình dịu ngọt của tôi - điều đó tôi đã kể tỉ mỉ trong cuốn ở với người đời của tôi.

Tôi biết đọc một cách có ý thức năm tôi 14 tuổi. Trong những năm ấy, tôi đã không chỉ say mê tình tiết của sách - tức là sự phát triển của ít nhiều lý thú của những biến cố được đưa ra - mà tôi bắt đầu hiểu được vẻ đẹp của những đoạn văn miêu tả, bắt đầu suy nghĩ về tính cách các nhân vật, lờ mờ đoán được mục đích của tác giả cuốn sách và lo ngại cảm thấy sự khác nhau giữa cái mà sách nói đến với cái mà cuộc sống khuyến bảo.

Hồi ấy tôi sông chật vật: các ông chủ của tôi là những kẻ tiểu tư sản chính cống, khoái lạc chủ yếu của họ là bữa ăn thịnh soạn, niềm say mê duy



nhất của họ là đi nhà thờ, và khi đi nhà thờ, họ diện sang như người ta diện khi đi nhà hát hay đi dự cuộc vui chơi công cộng. Tôi làm việc nhiều, gần như mê mụ cả người, ngày thường cũng như ngày hội đều chõng chất hàng đồng công việc lật vạt, vô nghĩa, không có kết quả gì.

Ngôi nhà các chủ tôi ở là nhà của viên thầu khoán công việc “thợ đấu và thợ làm đường”, một tay mu-gích nhỏ bé vạm vỡ, người Kliazơma. Râu nhọn hoắt, mắt xám, gã là kẻ độc ác, thô lỗ và tàn nhẫn với vẻ điềm tĩnh khá đặc biệt.

Gã có mười ba công nhân, tất cả đều là những nông dân Vladimia. Họ sống trong căn hầm nhà tối tăm sàn xi măng, cửa sổ thì nhỏ và thấp hơn mặt đất. Tối tối, mệt lử sau một ngày làm lụng ăn xong bữa cháo nấu với dưa cải khú và lòng hay thịt lợn muối khét lẹt, họ bò ra mảnh sân bẩn thỉu và nằm lăn trên sân - vì trong căn hầm nhà ẩm ướt, không khí ngột ngạt và nhiễm đầy thán khí do các bếp lò lớn nhả ra. Gã chủ thầu xuất hiện trong cửa sổ phòng hầm và gào lên:

- Này, lũ quý, lại bò ra sân đấy hả? Nằm ngốn ngang cả ra, đồ lợn! Những người nhà tao toàn là người đứng đắn tử tế cả, trông thấy chúng mày liệu họ có đẹp lòng không?

Công nhân ngoan ngoãn chui vào hầm nhà. Bọn họ người nào cũng buồn rầu, ít khi cười, hầu như không bao giờ hát, họ nói vắn tắt, miểng cưỡng, người bao giờ cũng lấm như chôn như vùi, khiến tôi có cảm giác rằng họ là những người chết được làm cho sống lại trái với ý muốn của họ để tiếp tục bị hành hạ suốt đời.

“Những người đứng đắn” là các sĩ quan, những kẻ cờ bạc và rước chè, họ đánh lính hầu đến đổ máu, đánh nhân tình - những người đàn bà y phục sặc sỡ, hút thuốc lá. Bọn đàn bà cũng uống rượu và tát những người lính hầu. Cả những người lính hầu cũng uống rượu, uống rất nhiều, uống bạt tử.

Những ngày chủ nhật, viên chủ thầu ra bạc tam cấp và ngồi xuống thềm, một tay cầm quyển vở mỏng dài và hẹp, tay kia cầm mẫu bút chì. Những người thợ đấu xếp hàng một, lần lượt tới gần như những kẻ hành khất. Họ nói khẽ, van nài và gãi đầu gãi tai, còn viên chủ thầu quát tháo ầm cả sân:

- Thôi đủ rồi! Cầm lấy một rúp! Sao ? Muốn ăn quả tổng vào mồm hả? Các người làm ta ngứa lăm rồi! Xéo đi... Cút!

Tôi biết rằng trong số thợ đào đất có không ít những người cùng họ hàng của y, nhưng y đối xử với tất cả bọn họ tàn nhẫn và thô bạo như nhau. Và những người thợ đấu cũng tàn nhẫn và thô bạo với nhau, đặc biệt là đối với cánh lính hầu. Gần như chủ nhật nào trên sân nhà cũng nổ ra những cuộc ẩu đả đẫm máu, tiếng chửi mắng tục tĩu, hàng thoi hàng thốc vang lên ầm ĩ. Những người thợ đào đất đánh nhau, song không có vẻ gì thù hằn nhau, họ đánh nhau như làm một nhiệm vụ chán ngán. Kẻ bị đổ máu lách ra chỗ khác hay bò sang bên và lảng lạng ngắm nghía những vết xước, những vết thương, thọc ngón tay bẩn thỉu vào những chiếc răng lung lay. Khuôn mặt rách toạc, những cặp mắt bị đánh sưng vù không bao giờ làm cho các bạn thương xót, nhưng nếu chiếc sơ-mi bị xé rách thì tất cả đều tiếc, còn chủ nhân của chiếc áo, kẻ bị đánh, thì tức giận hằm hằm, đôi khi còn khóc. Những cảnh tượng ấy gây cho tôi cảm giác nặng nề khôn tả. Tôi thương họ, nhưng đó là thứ tình thương lạnh lùng. Tôi không bao giờ muốn nói với người nào trong bọn họ một lời âu yếm, muốn giúp những kẻ bị đánh một việc gì - dù là đưa nước cho họ để họ rửa sạch vết máu đông gôm ghiếc lẫn với bùn và bụi. Thực ra tôi không yêu họ, tôi hơi sợ họ, và nói đến tiếng “mu-gích”, tôi có thái độ khinh bỉ giống như các ông chủ của tôi, như các sĩ quan, như viên giáo sĩ của trung đoàn, như anh đầu bếp lảng giềng và thậm chí như những người lính hầu nói tiếng đó: tất cả bọn họ đều tỏ vẻ khinh miệt khi nói đến bọn “mu-gích”.

Phải thương hại con người thật là đau lòng, bao giờ tôi cũng muốn gửi gắm tình yêu sung sướng vào một người nào đó, nhưng chẳng có ai để mà

yêu. Tôi càng yêu sách nông nản hơn.

Còn có nhiều cái bỉ ổi, tàn bạo, làm tôi chán ghét ghê gớm. Tôi sẽ không nói về điều đó, chính các bạn cũng biết cuộc sống địa ngục ấy, sự nhạo báng không ngớt ấy của người đối với người, niềm say mê bệnh tật ấy, niềm say mê làm khổ nhau, thứ khoái lạc của những kẻ nô lệ. Và chính trong hoàn cảnh đáng nguyền rủa như thế, lần đầu tiên tôi bắt đầu đọc những sách hay nghiêm túc của căn học nước ngoài.

Có lẽ tôi không thể truyền đạt đủ rõ và đáng tin cậy để các bạn thấy sự ngạc nhiên của tôi lớn lao như thế nào khi tôi cảm thấy hầu như mỗi cuốn sách đều mở ra trước mắt tôi cánh cửa sổ nhìn vào một thế giới mới, chưa từng biết, đều kể với tôi về những con người những tình cảm, ý nghĩ và những quan hệ mà tôi chưa từng biết, chưa từng thấy. Thậm chí tôi còn có cảm giác rằng cuộc đời xung quanh tôi, tất cả những gì khắc nghiệt, bẩn thỉu và tàn bạo hằng ngày diễn ra trước mắt tôi đều không phải là cái có thực, đều là thừa. Cái có thực và cái cần thiết chỉ ở trong sách, nơi mà mọi cái đều hợp lý hơn, đẹp hơn, nhân đạo hơn. Trong các cuốn sách cũng có nói về sự thô bạo, về sự ngu xuẩn của người đời, về những đau khổ của họ, cũng miêu tả những kẻ độc ác và đê tiện, nhưng bên cạnh họ có những người khác, những người mà tôi chưa từng thấy, thậm chí chưa từng nghe nói đến: những người chính trực, cương nghị, chân thật, bao giờ cũng sẵn sàng phục vụ thẳng lợi của sự thật, lập nên chiến công đẹp đẽ, dù có phải hy sinh tính mạng.

Thời gian đầu, say sưa vì cái mới và vị trí tinh thần lớn lao của cái thế giới mà sách đã mở ra trước mắt tôi, tôi bắt đầu coi sách tốt đẹp hơn, lý thú hơn, gần gũi hơn mọi người, và dường như hơi bị lòa, tôi nhìn cuộc đời thực qua sách. Nhưng cuộc đời khôn ngoan, khắc nghiệt đã quan tâm chữa cho tôi cái bệnh mù dễ chịu ấy.

Câu nói văn tắt, khôn ngoan ấy có ý nghĩa mạnh mẽ lạ thường đối với tôi! Tôi càng nghe câu ấy nhiều lần thì nó càng thức tỉnh tinh thần phần

chấn và tính bướng bỉnh của tôi, khơi lên trong lòng tôi niềm mong muốn mãnh liệt: “Giữ vững mục đích của mình”. Vì nếu “mọi cái đều có thể xảy ra” thì cái mà tôi mong muốn cũng có thể thành sự thật. Tôi nhận thấy trong những ngày mà cuộc sống đem đến cho tôi những điều buồn bực nhất, trong những ngày nặng nề đầy rẫy trong đời tôi mà tôi đã phải chịu đựng, chính trong những ngày ấy, tinh thần phấn chấn và tính kiên trì đạt tới đích đặc biệt được nâng cao trong con người tôi. Trong những ngày ấy, niềm mong muốn trẻ trung của Hécquyn xâm chiếm tâm hồn tôi mạnh mẽ hơn bao giờ hết: tôi muốn dọn sạch những chuồng ngựa Ôgya(4) của cuộc sống. Giờ đây, tôi đã năm chục tuổi, nhưng vẫn còn giữ được niềm mong muốn ấy và nó sẽ còn cho đến lúc tôi từ già cuộc đời. Tôi có được đức tính ấy là nhờ kinh thánh của tinh thần con người - nhờ những cuốn sách phản ánh những nỗi đau khổ và dày vò vĩ đại của tâm hồn đang trở thành của con người, nhờ khoa học - thơ ca của trí tuệ, nhờ nghệ thuật - thơ ca của tình cảm.

Sách tiếp tục mở ra trước mắt tôi những điều mới mẻ. Hai loại họa báo Tranh ảnh thế giới và Tạp chí hội họa giúp tôi hiểu biết thêm rất nhiều. Tranh ảnh của chúng miêu tả những thành phố, những con người, những biến cố của đời sống nước ngoài và ngày càng mở rộng thế giới trước mắt tôi, khiến tôi cảm thấy thế giới đang phát triển, to lớn, thú vị, đầy những sự nghiệp vĩ đại.

Những đền thờ và cung điện không giống nhà thờ và nhà ở của chúng ta, những con người ăn mặc khác, mặt đất được con người tô điểm khác, những máy móc thần tình, những vật phẩm kỳ diệu - tất cả những cái đó gợi cho tôi một tình cảm phấn chấn khó hiểu và khiến tôi cũng muốn làm một cái gì, xây đắp một cái gì.

Mọi cái đều khác nhau, không giống nhau, nhưng tôi lờ mờ nhận ra rằng tất cả đều tràn đầy cùng một sức mạnh: sức sáng tạo của con người. Và tôi quan tâm đến mọi người hơn, kính trọng họ hơn.

Tôi rất đỗi bàng hoàng khi được thấy chân dung nhà bác học nổi tiếng Faraday(5) .Trong một tờ tạp chí, khi đọc một bài mà tôi không hiểu về nhà bác học ấy và được biết rằng Faraday là một công nhân bình thường. Điều đó đập mạnh vào trí óc tôi, tôi tưởng như đó là chuyện hoang đường.

“Thế là thế nào nhỉ - Tôi nảy ra ý nghĩ ngờ vực - như vậy là một người thợ đào đất cũng có thể trở thành nhà bác học? Cả ta cũng có thể thành bác học ư?”.

Không thể tin được. Tôi bắt đầu tìm kiếm xem còn những danh nhân nào lúc đầu là công nhân nữa không? Trong các tạp chí, tôi không tìm thấy ai: một học sinh trung học quen biết nói với tôi rằng có rất nhiều người nổi tiếng lúc đầu là công nhân, và nêu lên với tôi mấy cái tên, trong đó có Xtêfenxơn, nhưng tôi không tin anh học sinh ấy.

Tôi càng đọc nhiều sách thì sách càng làm cho tôi gẫn bó với thế giới, cuộc đời càng trở nên rục rờ, có ý nghĩa đối với tôi. Tôi thấy rằng có những người sống khổ cực hơn, khó khăn hơn tôi, điều đó an ủi tôi phần nào, tuy vẫn không làm tôi thỏa hiệp với cái hiện thực ô nhục. Tôi cũng thấy rằng có những người biết sống một cách vui thú và sung sướng mà không một người nào xung quanh tôi biết sống như thế. Và hầu như trong mỗi quyển sách đều có cái gì đáng lo ngại, như một tiếng chuông nhẹ nhẹ lời cuốn tôi đi: đi tìm những cái chưa từng biết làm tôi xúc động tâm tình. Mọi người đều thay đổi thế này thế khác, mọi người đều không bằng lòng với cuộc sống, đều tìm kiếm một cái gì tốt đẹp hơn, và họ trở nên gẫn gũi, dễ hiểu hơn. Sách làm cho khắp trái đất, khắp thế giới tràn ngập nỗi buồn nhớ cái tốt đẹp hơn, và mỗi cuốn sách dường như đều là tâm hồn được ghi lại trên giấy bằng những dấu hiệu và những từ, những dấu hiệu và những từ ấy lập tức trở nên sống động, hể mắt tôi, trí tuệ tôi tiếp xúc với chúng.

Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách: sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gẫn gũi biết bao. Là một thằng bé bị công việc ngu độn làm cho kiệt lực, luôn luôn phải hứng lấy những lời chửi mắng

đần độn, tôi trịnh trọng hứa với mình là lớn lên, tôi sẽ giúp đỡ mọi người, hết lòng phục vụ họ.

Như những con chim kỳ diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về việc cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý đến vô số những chuyện bực bội trong cuộc sống.

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để tiến gần tới con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát cuộc sống ấy. Khi trong đầu chong chóng chất những điều đã đọc được, cảm thấy mình là cái bình tràn đầy một chất lỏng hồi sinh, tôi đến với những người lính hầu, những người thợ đào đất, kể cho họ nghe những chuyện khác nhau vừa kể vừa sắm vai các nhân vật.

Điều đó làm họ thú lắm.

- Này, chú bé tinh quái - Họ nói - Chú đóng trò như một tay hề thực thụ! Chú nên vào rạp hề kịch ở hội chợ đi thôi!

Cố nhiên, tôi không mong chờ điều đó mà mong chờ một cái gì khác kia, nhưng tôi cũng bằng lòng với kết quả ấy.

Tuy nhiên, đôi khi - dĩ nhiên không phải là thường xuyên - tôi đã làm cho những người Mu- gích Vladimira phải chăm chú hồi hộp nghe tôi kể và nhiều lần tôi đã làm cho một số người hoan hỉ, thậm chí ứa nước mắt, những hiệu quả ấy càng làm cho tôi vững tin vào sức kích thích sinh động của sách.

Vaxili Rưbakốp là một gã trai cau có, khỏe như vâm, thích lảng lạng dùng vai huých mọi người khiến họ văng đi như quả bóng, và có lần, anh

chàng tinh nghịch thầm lặng ấy kéo tôi vào một góc sau chuồng ngựa, bảo tôi:

- Lecxây, cậu dạy tớ đọc sách, tớ sẽ cho cậu năm mươi kô-pếch. Nếu cậu không dạy, tớ sẽ nện cho một trận, tớ sẽ đưa cậu về châu Diêm Vương, thật đấy, đây này, tớ làm dấu thề cho mà xem.

Và anh ta khoa rộng tay làm dấu thánh.

Tôi sợ thói tinh nghịch cáu kỉnh của anh ta và bắt đầu dạy anh, lòng phấp phỏng sợ hãi, nhưng công việc lập tức có đà tiến triển tốt. Rưbakốp tỏ ra kiên trì trong công việc khó nhọc không quen thuộc này và rất mau hiểu. Chừng năm tuần sau khi đi làm về, anh gọi tôi đến nhà, vẽ bí ẩn, và rút trong mũ cát két ra một mẫu giấy nhàu nát, lấm bầm, xúc động:

- Xem này! Tớ bóc ở hàng rào đấy, ở đấy nói gì, hả? Khoan đã - “Bán nhà” - đúng không? đây là chữ “bán” phải không?

- Đúng.

Rưbakốp trợn mắt tròn xoe, trán toát mồ hôi, anh im lặng một lát rồi chộp lấy vai tôi, vừa lắc vừa khẽ nói:

- Cậu hiểu không: tớ nhìn hàng rào và tưởng như có ai thì thầm vào tai tớ: “Bán nhà”! Lạy chúa. Đúng như có người nói thầm vào tai, thật đấy! Đây, Lecxây chẳng lẽ tớ biết đọc rồi sao, thế nào?

- Cứ đọc tiếp đi!

Anh ta chúi mũi vào tờ giấy và lấm nhăm

- “Hai - Đúng không? - tàng, nền đá...”

Anh ta toác miệng cười, nụ cười che lấp cả khuôn mặt, rồi lắc đầu, văng câu chửi tục và cười khanh khách cẩn thận cuộn mẫu giấy lại.

- Tớ giữ lại làm kỉ niệm, đây là tờ giấy đầu tiên... A. Lạy chúa... Cậu hiểu chứ? Như có ai nói thào vào tai, thế là thế nào? Lạ thật, chú em ạ. A...

Tôi cười sảng sặc, cười như điên khi thấy niềm sung sướng đậm đà, nặng nề của anh, vẻ băn khoăn trẻ con, đáng yêu của anh trước cái bí mật đã lộ ra với anh, cái bí mật của việc hiểu được ý nghĩa, lời nói, và tâm hồn người khác nhờ những ký hiệu nhỏ bé màu đen.

Tôi có thể kể nhiều chuyện chứng tỏ rằng việc đọc sách - quá trình hòa hợp tinh thần của con người với những trí tuệ vĩ đại của tất cả các thời đại và các dân tộc, cái quá trình quen thuộc đối với chúng ta, diễn ra hằng ngày, nhưng thực chất là bí ẩn - cái quá trình đọc ấy đôi khi rọi sáng cho con người thấy ý nghĩa của cuộc sống và vị trí của con người trong cuộc sống. Tôi biết vô số những hiện tượng diệu kỳ, đầy vẻ đẹp gần như hoang đường.

Tôi không thể không kể về một trong những trường hợp như thế.

Tôi sống ở Aramax dưới sự theo dõi của cảnh sát. Người láng giềng của tôi là Khôtainsep, trùm trưởng hội đồng zemstvô(6). Ông ta đặc biệt ghét tôi, ghét tới mức thậm chí cấm người đầy tớ của mình chiều chiều không được nói chuyện với chị bếp của tôi ở cổng. Người ta cắt một viên cảnh sát đứng ngay dưới cửa sổ nhà tôi, và viên cảnh sát này, với thói sỗ sàng ngây thơ của y, thường ngó vào các phòng khi y thấy cần thiết. Tất cả những cái đó làm cho dân phố rất hoảng, và trong một thời gian dài, không ai dám ghé thăm tôi.

Nhưng có lần, vào ngày hội, có một người chột mắt đến nhà tôi. Anh ta mặc chiếc áo bành tô bó sát thân, nách cặp cái bọc, và mời tôi mua đôi ủng của anh ta. Tôi nói rằng tôi không cần ủng. Thế là người chột mắt nhìn vào căn phòng bên cạnh với vẻ nghi ngờ, khẽ nói:

- Ủng chỉ là cái cơ để che đậy nguyên nhân thực, ông văn sĩ ạ, chứ tôi đến là để hỏi xem ông có quyển sách nào hay để đọc không?



Con mắt thông minh của người đó không làm tôi nghi ngờ lòng mong muốn thành thực của anh, và tôi hoàn toàn tin ở sự thành thực ấy khi nghe anh trả lời câu hỏi của tôi là anh muốn có quyển sách gì. Người chột nói một cách chín chắn, giọng rụt rè và vẫn đưa mắt nhìn quanh:

- Một quyển gì về các quy luật của cuộc sống, nghĩa là quy luật của thế giới. Tôi không hiểu các quy luật ấy: phải sống như thế nào, và nói chung là như thế. Cách đây không xa, có một giáo sư toán học Kazan sống ở nhà nghỉ mát, tôi chữa giày và làm vườn cho ông ta, tôi cũng là người làm vườn, và được ông ta dạy toán, nhưng toán học không giải đáp được cho tôi, còn bản thân giáo sư là người lảm lì...

Tôi cho anh ta quyển sách mỏng của Đrâyfux - Sự tiến hóa của thế giới và xã hội - Quyển sách độc nhất mà tôi có về vấn đề đó.

- Cám ơn ông lắm lắm! - Người chột nói, trân trọng nhét cuốn sách vào ống ủng - Xin ông cho phép tôi đến để thưa chuyện với ông khi tôi đọc xong cuốn sách này... Nhưng lần này, tôi sẽ đội lốt người làm vườn, giả đồ đến để tĩa bụi phúc bồn tử trong vườn, không thì ông biết đấy, cảnh sát bao vây ông kỹ lắm, và nói chung là bất tiện cho tôi...

Khoảng năm ngày sau anh ta tới, mặc chiếc tạp dề trắng, tay cầm chiếc kéo của người làm vườn với một túm vỏ gai, vẻ mặt sung sướng của anh làm tôi ngạc nhiên. Con mắt độc nhất của anh lấp lánh vui vẻ, giọng nói sang sảng và rảnh rỗi. Hầu như ngay từ những lời đầu tiên, anh ta đã đập tay vào quyển sách của Đrâyfux và nói một cách hối hả:

- Qua đây tôi có thể rút ra những “kết luận” vội vã như thế, cho nên tôi bắt đầu hỏi anh ta một cách thận trọng xem tại sao chính cái “kết luận” ấy có sức thu hút đối với anh.

- Đối với tôi, đây là cái cốt yếu nhất! Anh ta nói một cách sôi nổi, nhưng không cất cao giọng - Tôi cũng lý luận như mọi trường hợp tượng tự: nếu

có chúa và mọi cái đều theo những quy định cao cả nhất của Chúa. Tôi đã đọc vô số sách thánh: kinh thánh, tất cả các tác phẩm của Tikhôn Zadônxi, Zlatônxi, Efren Xirin và nhiều sách khác. Nhưng tôi muốn biết: tôi có chịu trách nhiệm về bản thân tôi và cả về cuộc sống hay không? Theo sách thánh thì tẻ ra là không, người hãy sống như đã định trước, và mọi khoa học đều vô ích. Thiên văn học chỉ là sự giả dối, bịa đặt. Cả toán học và mọi cái khác nói chung cũng thế. Chắc hẳn ông không đồng ý là phải ngoan ngoãn tuân lời chứ?

- Không - tôi nói.

- Thế thì vì lẽ gì tôi lại phải đồng ý? Như ông chẳng hạn, vì không quy thuận mà ông bị đưa đến đây để cảnh sát theo dõi, như vậy tức là ông dám chống lại kinh thánh, bởi vì theo tôi hiểu thế này,: mọi sự không quy thuận nhất định là chống lại kinh thánh. Tất cả các luật lệ phục tùng đều do kinh thánh mà ra, còn các quy luật của tự do là do khoa học, nghĩa là do lý trí của con người mà có. Bây giờ lại bàn tiếp: nếu có Chúa thì tôi chẳng có việc gì làm, nhưng nếu không có Chúa thì tôi phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi cái, về toàn bộ cuộc đời và tất cả mọi người! Tôi không muốn chịu trách nhiệm theo gương các cha đạo, nhưng chịu trách nhiệm bằng cách khác: không phải bằng cách phục tùng, mà bằng cách chống lại cái ác trong đời.

Rồi anh ta lại đập tay vào cuốn sách, nói thêm, biểu lộ niềm tin rõ ràng là không gì lay chuyển được.

- Mọi sự phục tùng đều là cái ác, vì nó củng cố cái ác! Ông thứ lỗi cho tôi, tôi tin cuốn sách này! Đối với tôi, nó như con đường mòn trong khu rừng rậm rạp. Tôi đã quyết định như thế cho bản thân tôi: tôi chịu trách nhiệm về tất cả mọi cái!

Chúng tôi nói chuyện thân mật cho đến đêm khuya và tôi thấy rõ rằng cuốn sách nhỏ tầm thường là đòn cuối cùng biến những tìm kiếm khởi loạn

của con người thành niềm tin ngưỡng vững chắc, thành sự sùng phục sung sướng trước cái đẹp và sức mạnh của lý trí thế giới.

Con người dễ thương, thông minh ấy quả thực đã ngang nhiên chống lại cái ác trong cuộc sống và chết một cách bình tĩnh năm 1907.

Cũng như với anh chàng cau có Rurakốp, sách thì thầm với tôi về một cuộc sống khác, nhân đạo hơn cuộc sống tôi biết. Cũng như với người thợ giày chột, sách chỉ cho tôi thấy vị trí của tôi trong đời, sách chấp cánh cho trí tuệ và trái tim, giúp tôi vươn lên khỏi cái đầm lầy thói ruồng mà nếu không nhờ có sách, có lẽ tôi đã chìm ngấm, chết ngạt về sự ngu xuẩn và ti tiện. Sách ngày càng mở rộng thế giới trước mắt tôi, nói với tôi rằng con người vĩ đại và đẹp biết bao trong khát vọng mưu cầu cái tốt đẹp hơn, con người đã làm được nhiều biết bao trên trái đất, và để làm được như thế, nó đã phải chịu những đau khổ ghê gớm biết nhường nào.

Và trong tâm hồn tôi, sự quan tâm đến con người - bất cứ con người nào, dù người ấy là ai - lớn mãi lên, lòng kính trọng lao động của con người, lòng yêu mến tinh thần sôi nổi của con người được tích lũy dần dần. Sông trở nên nhẹ nhõm hơn, sung sướng hơn. Cuộc đời đầy ý nghĩa vĩ đại.

Cũng như với người thợ giày chột, sách giáo dục cho tôi ý thức trách nhiệm cá nhân về mọi cái ác trong đời và gây cho tôi thái độ tin ngưỡng trước sức sáng tạo của lý trí con người.

Tôi tin tưởng sâu sắc rằng niềm tin của tôi là xác thực, và tôi xin nói với tất cả các bạn: hãy yêu sách, nó sẽ làm cho cuộc sống của các bạn bớt khó khăn, nó sẽ thân ái giúp bạn hiểu được những ý nghĩ, tình cảm và những sự biến rắc rối, hỗn độn và sôi nổi, nó sẽ dạy các bạn biết kính trọng con người, tôn trọng chính bản thân mình, nó sẽ đem cho bạn tình yêu thương thế giới, yêu thương con người, chấp cánh cho trí tuệ và trái tim các bạn.

Cho dù nó thù địch với tín ngưỡng của các bạn, nhưng nếu nó được viết một cách chính trực, vì lòng yêu thương mọi người, vì mong muốn điều tốt cho họ thì đó là cuốn sách tuyệt diệu!

Mọi hiểu biết đều có ích, cả hiểu biết những sai lầm của trí tuệ, những sai lầm của tình cảm cũng có ích.

Hãy yêu sách, nó là nguồn kiến thức, chỉ có nó mới có thể làm cho chúng ta thành những người cương nghị, chính trực, khôn ngoan, có khả năng thành thật yêu mến con người, tôn trọng lao động của con người và thành tâm khâm phục những thành quả tuyệt vời do công trình lao động vĩ đại, liên tục của con người làm nên.

Trong tất cả những gì mà con người đã và đang làm ra, trong mỗi đồ vật đều chứa đựng tâm hồn con người cái tâm hồn thuần khiết và cao quý ấy có nhiều nhất trong khoa học, trong nghệ thuật, nó lên tiếng hùng hồn nhất và dễ hiểu nhất trong sách.

Phạm Mạnh Hùng dịch

Macxim Gorki truyện ngắn chọn lọc

Nhà xuất bản văn học.

---

1) Tên các chữ cái: azơ = a, buki = b, vedi = v

(2) Cái cửa số.

(3). Trong tiếng Nga cũ, tên của chữ p là pôkoi, còn trong tiếng Xlavơ của nhà thờ, tên chữ p là pxa (N.D).

(4) Chuồng ngựa Ôgya: ý nói nơi rất bẩn thỉu, bữa bộn “theo thần thoại Hy Lạp, sân nuôi gia súc của vua Ôgya đã 30 năm không dọn, và dungsĩ

Hécquyn dọn sạch trong một ngày”.

(5) Nhà bác học và vật lý học Anh (1761-1867).

(6) Chức quan địa phương ở thời Nga hoàng nắm cả quyền hành chính và quyền tư pháp đối với nông dân địa phương (N.D).

# VỀ CON CHIM YẾN NÓI DỐI VÀ CON GỖ KIẾN YÊU CHÂN LÝ

Maxim Gorki  
www.dtv-ebook.com

## 6

Đây là câu chuyện hoàn toàn thực, tôi xin kể lại như sau:

Trong tất cả các con chim biết nói ở khu rừng kia, nơi xảy ra câu chuyện lạ kỳ này, có một con làm cho tất cả chim chóc trong rừng phải chú ý đến nó; nó cất tiếng ca lên những bài hát vừa chứa chan hy vọng vừa tràn đầy niềm tin vững chắc.

Cho tới lúc ấy, chim chóc hoảng sợ và buồn phiền vì thời tiết đột nhiên trở nên u ám, âm đạm chúng hát những bài được gọi là bài hát chỉ vì nó được hát lên. Trong những bài hát ấy, những âm thanh nặng nề, buồn nản và tuyệt vọng át hết mọi âm thanh khác, và những con chim nghe hát thoát tiên gọi đó là tiếng thở khò khè của kẻ hấp hối, nhưng rồi dần dần cũng quen đi, thậm chí còn bắt đầu tìm thấy trong đó những vẻ đẹp nào đó, tuy nhiên, chúng phải chầy chạp lắm mới quen được như thế.

Trong rừng, loài quạ cầm chịch trong mọi việc. Đây là những con chim bản chất bi quan, và ngoài tiếng quàng quạc ít nhiều inh tai, chúng không có khả năng làm gì nữa. Vào lúc khác, có lẽ chẳng ai để ý đến chúng nhưng bây giờ, tiếng nói của chúng chiếm ưu thế, loài chim nghe chúng và thậm chí coi chúng là những con chim rất tinh khôn. Còn chúng nhận thấy điều đó, lớn tiếng hát một cách sầm sập:

Quạ-quạ!... Trong cuộc đấu tranh với số mệnh khắc nghiệt.

Bọn hèn mọn chúng tôi không có lối thoát

Đâu đâu cũng chỉ thấy

Đau đớn và tai biến, tro bụi và mục nát...

Quạ!... Ghê rợn thay những đòn số mệnh!

Người khôn ngoan âu hãy đành phận...

Quạ... quạ! Bài ca chán ngán biết bao!... Nhưng nó là bài ca mạnh mẽ và đê nặng lên cả khu rừng.

Thế mà bỗng nhiên vang lên những bài ca tự do, can đảm...

Cả rừng đã nghe nhiều bài hát, nhưng cũng giật mình xào xạc khua động cành lá, thốt lên những tiếng thì thầm ngạc nhiên. Ngay cả những con họa mi vốn tôn thờ nghệ thuật thuần túy, xưa nay hát khá hay, nghe cũng thấy thích thú và nói :

- Tay ca sĩ này có cái độc đáo của hẳn đây!...

Và khi nói như thế, chúng thầm tự hào về thía độ công bằng của chúng.

Còn ca sĩ hát:

Tôi nghe tiếng quạ kêu,

Lũ quạ bối rối vì rét mướt và bóng tối.

Tôi nhìn bóng tối nhưng tôi sợ gì bóng tối

Khi lòng tôi hăng hái và trí óc tôi sáng sủa?...

Hãy theo tôi, những người can đảm! Bóng tối phải tiêu tan!

Một tâm hồn đầy sức sống không thể ở trong bóng tối.

Chúng ta sẽ đem ngọn lửa trí tuệ, đốt cháy những trái tim

Ánh sáng sẽ ngự trị khắp nơi!...

- Mạnh mẽ thay!... Những con họa mi bình phẩm...- Trẻ trung, tự tin, không êm tai nhưng mạnh mẽ...- và chúng trầm ngâm quẹt mỏ nghe tiếp:

- Ai đã đường hoàng đón nhận cái chết trong chiến đấu,

Người đó đâu có gục ngã và thua bại?

Kẻ gục ngã là kẻ nhát sợ, che ngực.

Bỏ chiến trường tháo chạy...

Các bạn ơi, kẻ gục ngã là kẻ

Sợ lao động, sợ cảm xúc, sợ vết thương đau...

Đắm chìm trong sương mù triết lý

Lên tiếng bình luận về trận chiến...

- Hừm... gã này có những quan điểm thật đặc sắc!

- Những con họa mi nhận xét - không biết nó là chim gì! - Chúng tò mò

Các bạn ơi! Hãy bắt những kẻ gục ngã cầm họng

Làn khói nghi ngờ đã ăn mù mắt chúng!

Danh dự và lòng tự hào ngủ im lìm trong tim chúng

Các bạn! Hãy thét lên với chúng:

Xéo đi! lý lẽ ngụy biện của các người như khói độc

Làm cho đêm tối này càng mù mịt hơn.



Như chất thuốc độc, nó làm hại...

Trí tuệ và tâm hồn những người trẻ tuổi. Xéo đi!

Xéo đi!... Ở đây người ta tuyên chiến với các thần

Một cuộc chiến tranh giành quyền tối thượng!

- Mạnh bạo thật - Những con họa mi nói, - Ô đúng thế! Thật là bài ca rất mạnh bạo!...

Khu rừng nghe và cảm thấy một cái gì tốt đẹp, mạnh mẽ. Cảm giác đó làm cho rừng tràn ngập hơi ấm và ánh sáng, ngay cả những cành cây già, mốc xám cũng rì rầm nói về những ngày đã qua: đây là những ngày xuân tuyệt diệu, khi hoa và những niềm hy vọng chỉ mới chớm nở trong rừng, khi chim chóc hát những bài ca tự do và du dương ca ngợi mặt trời, khi bầu trời quang mây dường như sâu vô tận và như kêu gọi chim thử sức cánh, bay đến nơi sâu thẳm của thượng giới. Đây là những ngày tốt đẹp mà người ta không cần bắt mình phải sống, bởi vì ai cũng muốn sống - cuộc sống có mục đích và có hy vọng đạt tới đích. Những ngày ấy đã xuất hiện trước khu rừng và lấp lánh như những ngôi sao trong sương mù che khuất bầu trời.

Chim chóc bừng tỉnh và linh hoạt lên. Ai hát đấy nhỉ, người đó ở đâu? Xin hãy nhận lấy tấm lòng hoan hỉ và biết ơn của loài chim! Đây hẳn phải là một con chim lộng lẫy, xinh đẹp!

Chim chóc tụ tập đông nghịt như mây và ò ạt kéo về phía có những âm thanh hào hứng kêu hãnh đang bay đến với chúng.

Nhưng khi bay tới, chúng thấy đó chỉ là con chim yến - con chim yến rất tầm thường, nhỏ bé, màu xám nhạt, mỏ vàng như sáp ong. Nó đậu trên một cành hồ đào nhỏ và bối rối vì cái vinh dự đột nhiên đến với nó. Thân hình nhỏ bé, lông xù lên, bẹn rộp, nó làm cho tất cả phải băn khoăn và chẳng được ai ưa thích,

Xéo đi!... Ở đây người ta tuyên chiến với các thần

Một cuộc chiến tranh giành quyền tối thượng!

Nếu đại bàng, chim ưng hay cùng lắm là điều hâu gào lên như thế thì nghe kể cũng hay và hùng dũng đấy! Nhưng con chim yến, con chim yến tuyên chiến với các thần! Ở đây có cái gì lạ lẫm, có cái gì kỳ quặc và buồn cười. Thực là bực cho tất cả các chim khác. Tại sao lại chính là con bạch yến, chứ không phải là con chim oanh, con hoa mai, con sơn tước?...

Làng chim sừng sốt, bực tức nhìn con chim yến và nghĩ: “Bây giờ thế nào đây?”

Bất giác chúng nhớ đến con sơn tước lỗ bịch đã có lần muốn đốt cháy biển...

Nhưng liền đó, một con chim oanh lanh trí, làm nghề nhà báo, hỏi con chim yến:

- Này có phải anh vừa hát đấy không?

- Tôi đây... - Chim yến đáp - vâng, chính tôi.

- Hừm... Nhưng anh lấy gì chứng minh cho điều đó? Nghĩa là, cố nhiên chúng tôi không nghi ngờ khả năng của anh nhưng...

Con chim yến giật mình, lông dựng ngược lên và cất tiếng hát:

Trong bóng tối do chúng ta tạo ra

Những con cú xám cất cánh bay...

Mắt ủ ê, sáng lấp lánh

Độc ác và cầu quạ !...

Tiếng kêu oang oang.

Chúng cười và nước nở.

Gào hú nguyên rủa ánh sáng ban ngày,

Chúng cười ha hả đón chào đêm tối...

Ôi, ước gì xiềng xích bóng tối rơi xuống

Không còn trói buộc khu rừng trẻ của tôi,

Ước gì những con cú man rợ biến mất,

Chỉ còn chim ưng bay lượn!...

Nhưng chim ưng yếu đuối và suy nhược,

Nhút nhát ẩn trong khe núi,

Tức giận, nhưng không có lòng danh dự và không có sức mạnh.

Khi nghe tiếng reo vui vẻ của người khác

Cánh chúng cù dù rũ xuống.

Tim chúng thiu thiu ngủ - ôi xấu hổ làm sao.

Còn tiếng nói của danh dự và của tư tưởng

Không đến tai những con chim tự do...

Một số chim cho rằng bài ca đó có ý ám chỉ cá nhân và chúng huýt sáo  
la ó con chim yến, còn con chim oanh nói:

- Được rồi, đối với chúng tôi như thế là đủ! Nhưng này, xin anh cho biết: như vậy có thể nói là anh thức tỉnh ý thức xã hội, hừm!... nhưng nói cho đúng ra, anh có quyền gì làm việc đó? Nghĩa là tôi muốn nói: nhân danh cái gì mà anh hát?!

Con chim yến ngạc nhiên và im lặng nhìn công chúng.

- Anh biết không, chúng tôi muốn đảm bảo cho chúng tôi tránh khỏi sai lầm, vì anh biết là chúng tôi đã phạm khá nhiều sai lầm, và nhằm mục đích ấy, chúng tôi muốn biết điểm xuất phát và điểm cuối cùng của anh: tức là biết anh kêu gọi chúng tôi đi đâu và đi để làm gì? - Con chim oanh đặt vấn đề và tự bằng lòng về mình, nó huýt lên tiếng gì là lạ: mọi người đều biết, chim kim oanh không có tiếng hát.

Chim yến rùng mình...

Tôi xuất phát từ niềm tin không gì lay chuyển nổi vào sứ mạng cao quý của loài chim, vì loài chim là hóa vật cuối cùng, phức tạp nhất và khôn ngoan nhất trong sự sáng tạo của thiên nhiên. Chúng tôi không được mệt mỏi, chúng tôi phải luôn luôn đấu tranh và chiến thắng tất cả, để xứng đáng với giá trị của mình, để có quyền nói rằng: tất cả quá khứ, hiện tại và tương lai chính là chúng tôi, chứ không phải một lực lượng tự phát mù quáng. Tôi chưa biết con đường chúng ta phải đi, nhưng tôi tin chắc rằng cần phải tiến lên phía trước. Ở đây có một xứ sở xứng đáng làm phần thưởng cho những khó khăn nhọc nhằn mà chúng ta phải chịu đựng ở dọc đường! Ở đấy là ánh sáng vĩnh viễn không bao giờ tắt; ở đấy là những điều kỳ diệu mà chúng ta chưa từng biết. Ở đấy, chúng ta, những con chim vĩ đại, tự do, đã chiến thắng tất cả, sẽ vui sướng chiêm ngưỡng sức mạnh của chúng ta, cả thế giới sẽ là vũ đài hoạt động của chúng ta, bây giờ ta chưa hề hình dung nổi sự vĩ đại ấy đâu. Ở đấy, tư tưởng của chúng ta sẽ giải quyết tất cả, ở đấy tình cảm của chúng ta - những tình cảm đã trở nên phức tạp kỳ diệu - sẽ mở ra trước mắt chúng ta một thế giới mới đầy những khoái cảm chưa từng biết: ở đấy là cuộc sống xứng đáng với chúng ta! Hãy tôn trọng và yêu mến lẫn nhau,

họp thành đội quân kiêu hãnh và can đảm để tiến tới thắng lợi, các bạn không nên nghi ngờ gì cả, vì còn có gì cao quý hơn các bạn? Hãy ngoảnh lại phía sau và nhìn lại xem trước kia, trong buổi bình minh của cuộc đời, các bạn là cái gì? Tất cả niềm tin của các bạn khi ấy không đáng giá bằng một giọt nghi ngờ hiện nay... các bạn đã học được cách nghi ngờ tất thảy, nghi ngờ ghê gớm, nhưng đã đến lúc các bạn phải tin vào mình, vì chỉ một bản chất vĩ đại mới đạt tới sự nghi ngờ mà các bạn đã đạt tới!...

Hãy đến đây - đến nước của hạnh phúc! Nơi chiến thắng vĩ đại đang chờ chúng ta, nơi chúng ta sẽ là người làm ra pháp luật và là chúa tể của thế giới, chúng ta sẽ là chúa tể của vạn vật... Hãy tới đây - tới cái “tiến lên” kỳ diệu ấy!

- Tiến lên! - Các con chim reo hò, trong tim chúng bùng lên niềm tự hào về bản thân.

Những giọt lệ hào hứng và tin tưởng trào lên mặt chim yến. Tất cả chim chóc đều hát, tất cả đều hỏi lòng hỏi dạ, tất cả đều tha thiết muốn sống và muốn hưởng hạnh phúc.

- Hãy khoan, hãy khoan! Tôi xin nói... Cho tôi nói! - Con gõ kiến đậu trên ngọn cây hoàn điệp liền gào lên, và khi người ta nghe tiếng nó thì nó lập tức được phát biểu, vì nó gào rất to.

- Thưa quý ông quý bà! - Gõ kiến lên tiếng.- Xin tự giới thiệu: tôi là chim gõ kiến. Tôi sống bằng sâu bọ và tôi yêu chân lý. Tôi luôn phụng sự chân lý và chân lý buộc tôi phải thưa với các ngài rằng các ngài bị đánh lừa một cách trâng tráo. Thưa quý ngài, những bài ca và những câu nói mà các ngài nghe thấy ở đây chỉ là lời dối trá trơ trẽn, điều đó tôi sẽ có vinh dự được chứng minh với các ngài, chứng minh có bằng cứ hãn hoi. Có bằng cứ hãn hoi, thưa quý ngài! Các ngài hãy thử hỏi ông Yến xem ông ấy có những sự kiện gì khả dĩ xác nhận điều ông ta nói? Ông ta không có những sự kiện như thế, mà chính là ông ấy cần những sự kiện ấy hơn tôi. Sự kiện là tất cả,

thưa quý ngài, và tất cả chúng ta chẳng qua chỉ là những sự kiện vụn vặt xác nhận sự kiện vĩ đại là sự anh minh và sức mạnh của thiên nhiên, mà chúng ta phải phục tùng như những đứa trẻ phục tùng mẹ.

Chúng ta hãy lấy con mắt vô tư xét lại xem ở phía trước, nơi ông YẾN kêu gọi chúng ta tới, có cái gì. Tất cả các ngài đều đã bay ra rìa rừng và đều biết rằng tiếp liền ngay với rừng là cánh đồng, mùa hè thì trơ trụi và bị nắng thiêu đốt, mùa đông thì tuyết lạnh bao phủ. Ở đây, ở rìa cánh đồng có một làng, và trong làng có Griska, một người chuyên nghề bắt chim. Đây là trạm đầu tiên trên con đường “tiến lên” mà ông YẾN đã nói tới rất nhiều ở đây.

Giả sử chúng ta sẽ tung cánh tiến lên phía trước theo ý muốn của ông ấy - tôi dám mạo muội nghi ngờ sự vô tư của ông YẾN, vì tôi biết rằng chim yến cũng thích danh tiếng, vinh quang v.v... như mọi sinh vật khác - giả sử chúng ta may mắn thoát được những tấm lưới của Griska và bay qua làng, khi đó chúng ta sẽ lại tới cánh đồng, rồi ở cuối cánh đồng ta sẽ lại gặp một làng, rồi lại cánh đồng - làng - cánh đồng... và bởi vì trái đất tròn, nên chúng ta ắt hẳn phải bay tới chính cái khu rừng mà lúc này đây, tôi đang có cái vinh dự cao cả được thưa chuyện với ngài.

Phải chăng đây chính là xứ sở mà ông YẾN cho rằng nó sẽ là phần thưởng cho những nỗ lực của chúng ta?... Có phải nó đấy không?!

Tôi biết các ngài, thưa quý ông quý bà, tôi biết các ngài bay cao lắm nhưng... mặc dù rất đau lòng, tôi vẫn phải thưa với các ngài điều này, tôi chưa biết có ai trong các ngài đã từng bay cao hơn chính bản thân mình.

Ông YẾN mưu toan dành lấy sự chú ý của các ngài bằng cách dùng những lời hoa mỹ rất kêu để mê hoặc các ngài, điều đó chứng tỏ rõ ràng ông ấy đánh giá các ngài cao như thế nào, mà các ngài là những sinh vật có lương tri hẳn hoi?... Ý định ấy phải bị trừng trị nghiêm khắc, thưa quý ông quý bà.

Với ý thức đã làm tròn một nghĩa vụ xã hội, con gõ kiến thông thái đưa mắt ý nhìn người nghe, rồi bắt đầu mổ công cốc vào vỏ cây liễu chỗ nó đậu.

Tất cả chim chóc lẳng lặng nhìn con chim yến và thấy mắt nó liên tiếp nhỏ lệ. Vì sao nó khóc, nếu không vì tội lỗi của nó đối với họ?! Con chim yến mới nhỏ mọn, tầm thường và dối trá làm sao!

Còn nó rầu rĩ nhìn về phương xa, cặp mắt nó dường như vĩnh biệt cái gì ở nơi xa xăm đó.

Khu rừng im lặng, chim chóc lặng lẽ bay đi, con nào về chỗ con nấy. Cả con gõ kiến cũng bay đi, còn loài chim kính phục sự thông thái của nó.

Hôm ấy là một ngày buồn bã, trời đất dường như định khóc than cái gì đó không rõ.

Và đây, con chim yến nói dối còn lại một mình. Nó đậu trên cành hồ đào, không nhúc nhích và chán nản, chỉ có một con cà cưỡng ẩn sau đám lá rụt rè và run rẩy của cây hoàn điệp liễu lò mò nhìn nó. Nhưng, lát sau, cà cưỡng cũng thấy chán, nó huýt lên một tiếng diều cợt và bay đi.

Chim yến còn lại, đậu trên cành hồ đào, nghĩ ngợi: “Ta đã nói dối, phải, ta đã nói dối và ta không biết ở đây, ở sau rừng, có cái gì, nhưng tin tưởng và hy vọng thú vị biết bao! Ta chỉ muốn thức tỉnh lòng tin và hy vọng, vì thế ta nói dối. Có lẽ gã gõ kiến ấy nói đúng, nhưng cái sự thật của hắn có ích gì, khi nó đè nặng lên cành như một tảng đá?”

Con chim yến nhỏ bé, đáng thương nhìn quanh, và rụt cổ xù lông lên.

Câu chuyện chỉ có thế... Đọc xong cố nhiên bạn sẽ thấy con người cao quý, nhưng không có lòng tin, cho nên nghèo nàn về tinh thần. Con gõ kiến chính chắn, nhưng đê tiện, còn những con chim thánh giả có lòng vị tha chỉ vì chúng tò mò, nhưng thực ra chúng nhẫn tâm và nhỏ nhen, nhỏ nhen đến đáng nhục... Thấy được điều đó, bạn sẽ nghĩ rằng tôi kể không đúng câu

chuyện buồn cười đến cháy nước mắt ấy. Cứ nghĩ như thế đi, nếu điều đó an ủi bạn, xin cứ nghĩ như thế!...

Trích tuyển tập truyện ngắn Macxim Gorki

Chúc các bạn một năm mới vui vẻ, hạnh phúc!